SỐ 117 – NGÀY 15-11-1961

BÁCH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *vai trò các nước tiểu nhược tại liên hiệp quốc* • NGUYỄN HIẾN LÊ *đuổi bắt ảo ảnh* • QUỐC DŨNG *tình trạng khẩn cấp và biện pháp cần thiết* • TRẦN HƯƠNG TỬ *kierkegaard* • VÕ QUANG YẾN *những loại thuốc kháng sinh mới* • BÙI KHÁNH ĐẢN *chán chường* • NGUYỄN PHƯƠNG *đọc một trang sử của ông nguyễn văn mùi* • MẶC THU *bệnh* • TRỊNH THIÊN TỨ *ngành hải học đã tiến triển như thế nào* • MỘNG TRUNG *lá thư hè* • BÙI GIÁNG *ngộ nhận (dịch le malentendu, camus) — quê hương tuổi nhỏ* • THÀNH TÔN *hồi âm* • UYÊN THAO — THANH THƯƠNG HOÀNG *vào mùa xuân* • TƯỜNG LINH *mưa đêm thu* • TRẦN HUIỀN ÂN *bài thơ mười năm* • ĐỖ TẤN — VƯƠNG ĐỨC LỆ — MAI TRUNG TÍNH — MỘNG TUYẾT *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • ĐOÀN THÊM *bước đá* • THU THỦY *cách nhau nửa thế kỷ* • NGUYỄN NGỌC THANH *nhân danh và địa danh* •

http://tieulun.hopto.org

Nhân dịp Lễ Tạo trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi CURACAO "DiC"

* Rượu Rhum CARAVELLE

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn
để thay thế Whisky

EAU de VIE 40°



XIN HỎI TẠI : DISTILLERIES DE L'I.C.
Pasteur Saigon . ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ .
. ALCOOL DENATURÉ
. RƯỢU THUỐC "Ích. Thọ. Tửu"
. DẤM ĂN HIỆU HẠNG CHẾ BẰNG CỒ 6°

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA

Số 117 — Ngày 15-11-1961

		Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Vai trò các nước nhược tiểu tại Liên-Hiệp-Quốc*	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Đuổi bắt ảo ảnh.*	11
QUỐC-DŨNG	*Tình trạng khẩn cấp và biện pháp cần thiết*	23
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	*Kierkegaard, ông tổ Hiện-sinh chính thực*	27
VÕ-QUANG-YẾN	*Những loại thuốc kháng sinh mới.*	41
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	*Chán chường (thơ).*	46
NGUYỄN-PHƯƠNG	*Đọc một trang sử của ông Nguyễn-Văn-Mùi*	47
MẶC-THU	*Bệnh (thơ)*	56
TRỊNH-THIÊN-TỨ	*Ngành hải học đã tiến triển như thế nào ?*	57
MỘNG-TRUNG	*Lá thư hè*	65
BÙI-GIÁNG	*Ngộ nhận (dịch Le malentendu của A: Camus)*	71
— nt —	*Quê hương tuổi nhỏ (thơ)*	81
THÀNH-TÔN	*Hồi âm (thơ)*	82
UYÊN-THAO — THANH-THƯƠNG-HOÀNG	*Vào mùa xuân* :	85
TƯỜNG-LINH	*Mưa đêm thu (thơ).*	100
TRẦN-HUIỀN-ÂN	*Bài thơ mười năm (thơ).*	101
ĐỖ-TẤN — VƯƠNG ĐỨC-LỆ — MAI-TRUNG-TÍNH — MỘNG-TUYẾT	*Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của Bách-Khoa*	103
ĐOÀN-THÊM	*Bước đá (thơ)*	113

SINH - HOẠT

THU-THỦY	*Cách nhau nửa thế kỷ* :	114
NGUYỄN-NGỌC-THANH	*Nhân-danh và địa-danh.*	116

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA

trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Hội-nghị thứ 22 của đảng Cộng-Sản Liên - Xô.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Thành công và thất bại.*
BỬU-KẾ	:	*Thuận-An thất thủ.*
NGUYỄN-TẠO-LÂM	:	*Tiểu thuyết khoa-học dự-tưởng*
T. Đ. G.	:	*Giới thiệu nước Hòa-Lan.*
NGUYỄN-VĂN-HẦU	:	*Một lãnh tụ trọng yếu trong Phong-trào Đông Du miền Nam : Nguyễn-Thần-Hiến.*
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	:	*Kierkegaard. Ông Tổ Hiện-sinh chính thực.*
HOÀNG-THÁI-LINH	:	*Tìm hiểu nghệ thuật kịch của Bertolt Brecht.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Bước tiến đến nhân-bản vô-thần : Nietzsche, con người sát thiên — (Dé-icide) —*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».*
NGUIỄN-NGU-Í	:	*Có chồng không tinh tri.*
VŨ-HẠNH	:	*Người thầy thuốc.*
VÕ-PHIẾN	:	*Về đâu* (truyện dài)
MỘNG-TRUNG	:	*Cầm trại.*
NGUYỄN	:	*Trò chơi giết người* (truyện dịch)
THẠCH-HÀ	:	*Đình công*

http://tieulun.hopto.org

Một nhân viên thành thạo

Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau đồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.



Bà Lê Thị Tư thư ký của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc dắc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.



Bà Tư điều khiển máy IBM Puncher

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cả nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.



Gia đình bà Tư đầm ấm.

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt Nam

http://tieulun.hopto.org

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000 000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

http://tieulun.hopto.org

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bằng phi cơ phản lực **VISCOUNT**

PROP-JET

của **VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG**



- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.

Saigon - Bangkok :

Mọi thứ Ba và thứ Sáu 9 giờ 30

Saigon - Hongkong :

Mọi thứ Năm 8 giờ 30

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH

hay

Air VietNam

16, NGUYỄN-HUỆ — SAIGON

TEL. 21.624 • 21.625 • 21.626

http://tieulun.hopto.org

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International **3rd Edition**

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

http://tieulun.hopto.org

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOAN
MÁY VIEN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

http://tieulun.hopto.org

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : **20.065** — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

http://tieulun.hopto.org

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,



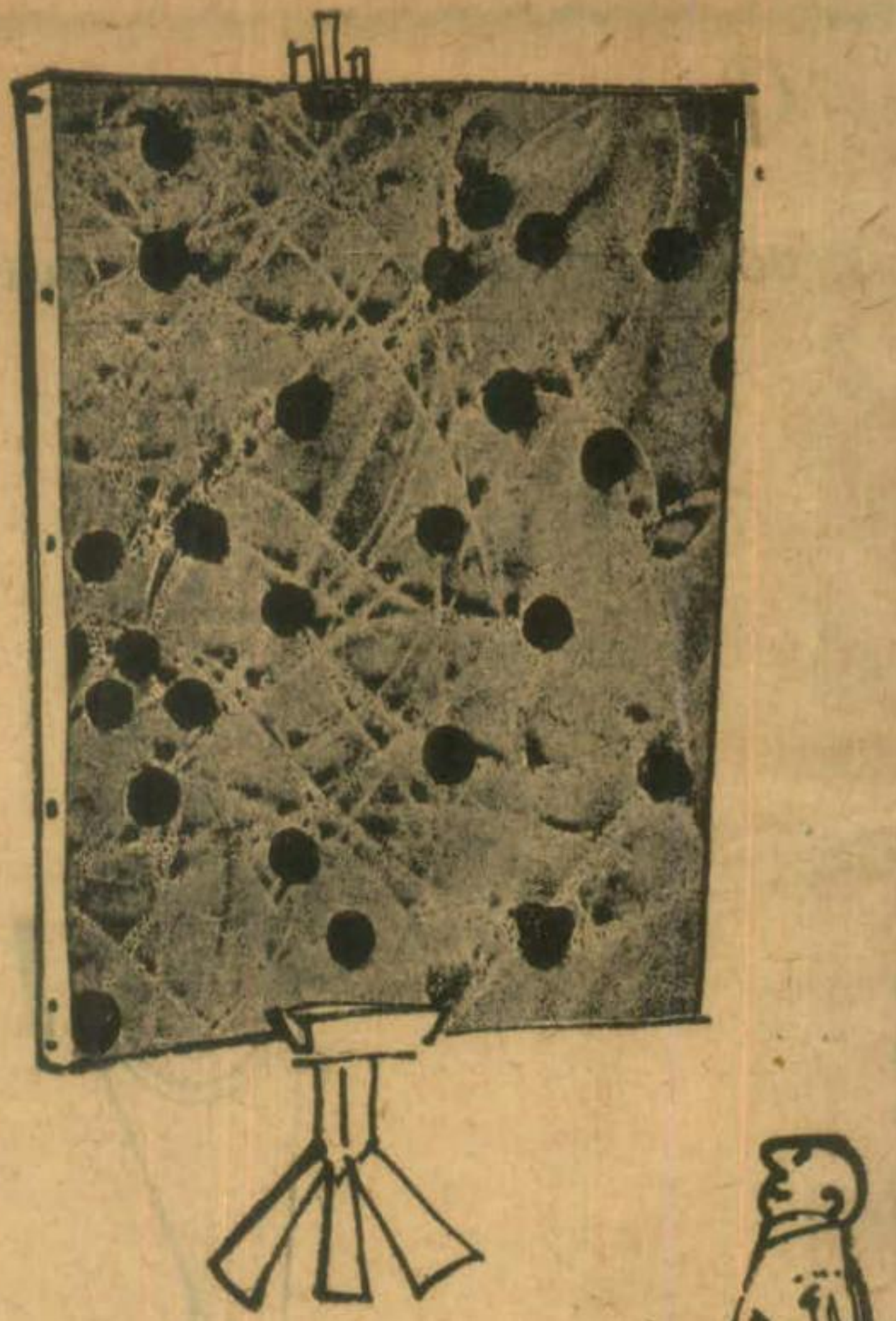
DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

http://lieulun.hopto.org

BỨC VẼ LẠ KỲ



Bạn có thể tự hỏi bức vẽ này tượng trưng hình-thức gì? Thưa, không một hình-thức gì cả, mà cũng không phải một bức vẽ đem bán nữa.

Chúng tôi vẽ nó ra vì nó tượng trưng một hệ-thống phân phối toàn quốc (một chấm đen là một địa-điểm phân phối), một khía cạnh hoạt-động « chuyên-môn » của chúng tôi.

Đảm nhiệm việc cung cấp dầu cho một nước, chúng tôi tự thấy có trách-nhiệm phải phục vụ người khách hàng *toàn quốc*. Không phải chỉ những ngả đi lại đông, những đô thành, những xa lộ, những nơi bán được nhiều mới có trạm xăng. Trái lại, đâu đâu cũng có, từ những con đường hẻo lánh, những khu mới khai-khẩn cho đến cả những nơi tiêu thụ tối-thiểu (trường-hợp cả một làng chỉ dùng vài thùng dầu để chạy chiếc xe buýt trong một năm).

Trên toàn cõi Việt-Nam, công việc khai-khẩn đất-đai để trồng trọt cày cấy thêm, mang lại thêm hoa-lợi, một mức sản xuất cao hơn, đi tới một nền kinh-tế mở mang hơn, luôn luôn tiếp-tục. Ở những nơi nầy người ta cần có dầu để đốt đèn, có xăng chuyên chở dụng-cụ, có gas-oil cho máy cày làm việc. . và được cung cấp đều-đều đầy-đủ nhiên-liệu, là đi được nửa đường tới sự thành-công rồi. Về phần chúng tôi, chúng tôi có thể góp sức vào những công cuộc hữu-ích này bằng cách tô thêm những chấm đen trên bức vẽ này.

SHELL

SHELL ĐẶT QUYỀN-LỢI NGƯỜI TIÊU THỤ LÊN TRÊN HẾT

http://tieulun.hopto.org

VAI TRÒ CÁC NƯỚC TIỂU NHƯỢC TẠI LIÊN-HIỆP-QUỐC

Hoàng-minh-Tuynh

Mười lăm năm chiến tranh lạnh không còn cho phép người ta trông chờ nhiều ở các đại cường, khi các nước này cứ đang mắc bận đương đầu với nhau. Mười lăm năm chiến tranh lạnh đã minh chứng họ không có đủ khả năng đóng nổi vai trò đại cường có trách nhiệm bảo toàn an ninh và đem lại ấm no cho nhân loại. Họ đã tỏ ra lơ là mỗi khi có vấn đề lớn lao phát sinh do sự thanh toán cuộc thế chiến thứ hai và cần phải đem lại một giải quyết dứt khoát, tỷ như vấn đề Bá-Linh. Số tiền chi phí hàng tỷ mỹ kim mỗi ngày dùng vào việc võ trang nguyên tử chỉ có tác dụng tăng gia mối hiểm hoạ tiêu diệt nhân loại trong một cuộc chiến tranh thảm khốc, cũng như những cuộc khủng hoảng liên miên diễn ra hết ở khu vực này tới khu vực nọ gây nên bởi sự tranh chấp giữa họ với nhau, khiến chúng ta dù tin tưởng và lạc quan đến đâu, cũng phải nghi ngờ tinh thần trách nhiệm và đức tính khôn ngoan, minh mẫn của họ.

Tuy nhiên, như chúng tôi đã bàn trước đây, không có một xã hội nào có thể vĩnh viễn tồn tại trong hỗn loạn. Các nước tiểu nhược, đặc biệt là những nước mới, sau khi thâu hồi được chủ quyền, hằng ngưỡng vọng quốc tế thiết lập nên một nền tảng trật tự và an ninh tối thiểu cho họ có cơ hội và điều kiện phát triển điều hoà, cùng mau mau bước ra khỏi hoàn cảnh hậu tiến. Đó là chưa kể niềm hoài bão của họ, mong mỏi làm sao quốc tế phân phối lại tài nguyên trong thế giới một cách công bình hơn đôi chút. Các nước này ngày càng trở nên đông đảo ; lần lần họ bước chân vào Tổ chức Liên-Htệp-Quốc và lần lần ý thức được thế lực của mình và sự cần thiết phải kết tập

http://tieulun.hopto.org

nhau lại thành một mặt trận để đối phó với các đại cường, bắt buộc các đại cường phải đếm xỉa đến quyền lợi cùng yêu sách của mình. Từ năm 1960, mười chín quốc gia mới, trong số có mười lăm nước thuộc Phi châu, được nhận vào Liên-Hiệp-Quốc. Con số này biến khối các quốc gia Á-Phi thành một khối quan trọng nhất gồm bốn mươi tám hội viên trong toàn số một trăm lẻ một. Đành rằng, ngay trong khối bốn mươi tám nước Á-Phi, thường vẫn có sự chia rẽ, phản ảnh phần nào sự chia rẽ giữa các nước đại cường, song có điều đáng chú ý là trên hai điểm căn bản này, khối Á-Phi luôn luôn tỏ ra có mối đồng tâm nhất trí: thứ nhất mau mau thanh toán quá trình thủ tiêu chế độ thực dân; thứ hai mau mau viện trợ kinh-tế cho các xứ hậu tiến, sự viện trợ mà các xứ hậu tiến coi là mình có quyền đòi hỏi và các xứ kỹ nghệ giầu mạnh có bổn phận phải cung ứng, vì phần lớn sự giầu mạnh này tạo nên nhờ bởi đã mua được nguyên liệu với giá rẻ mạt tại các cựu thuộc địa trước kia. Trên hai điểm này, các nước tiểu nhược không ngớt vận dụng áp lực để kèn cựa với các nước đại cường. Hiện nay, họ đã khởi sự lớn tiếng can thiệp, không chịu chỉ đóng vai thẩm định và khuyến cáo suông. Mai ngày, chúng ta tin chắc họ sẽ yêu sách và yêu sách của họ không để các nước đại cường dễ dám coi thường, coi rẻ.

Bình đẳng trong quyền biểu quyết tại Liên-Hiệp-Quốc

HOÀN cầu không phải là không thấy rõ chỗ không thuận lý trong cái chủ trương bình đẳng tuyệt đối giữa các nước trong Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, chủ trương đặt các nước đại cường và tiểu nhược cùng hàng với nhau, để cho quyền biểu quyết của các nước kỹ nghệ và thương mại lớn mạnh lập thành tự lâu đời cũng chỉ ngang bằng với quyền biểu quyết của các nước nhỏ yếu không tài nguyên, không lịch sử và đại đa số dân chúng vẫn còn sinh hoạt trong tình trạng bán khai hay trong thời đại bộ lạc.

Tuy nhiên, bình tĩnh mà xét, tại một nghị Hội trước hết phải là công đàn của một công luận quốc tế, chúng ta có quyền tự hỏi, phải chăng sự bình đẳng trên vẫn có chỗ biện minh thỏa đáng được và phải chăng những điều bất tiện do sự bình đẳng ấy gây ra không đến nỗi quá đáng hay quá nhiều như người ta vẫn tưởng? Đúng như ông « H » đã từng nói trong đoạn mở đầu bài thuyết trình của ông đọc tại khóa họp thứ mười lăm: « Những kẻ chủ trương một thể thức biểu quyết bình quân ngầm tỏ ra thiếu tin tưởng vào tính chất đứng đắn và ý thức trách nhiệm của các tân quốc gia độc lập khi các quốc gia này biểu quyết để bày tỏ lập trường của họ. Lịch sử Liên-Hiệp-Quốc không thể biện minh được một thái độ thiếu tin tưởng như thế và thái độ này cần phải bài

http://tieulun.hopto.org

trừ vì trái nghịch với thực tế. Diện tích lớn lao, cũng như đất cát phì nhiêu hay niên cách quốc gia, về phương diện lịch sử, không thể coi là một bảo đảm cho phẩm cách trong đường lối chính trị quốc tế của quốc gia này hay của quốc gia nọ ».

Công bình mà nói, phải nhìn nhận một điều là xét về đại quan, thái độ của các quốc gia mới, từ ngót một năm nay, tỏ ra thực tế và ôn hòa hơn thái độ của các quốc gia cũ nhiều phần. Trong suốt kỳ Hội đồng thường niên Liên - Hiệp - Quốc khóa trước, khóa thứ mười lăm, và trong trọn kỳ Hội đồng bất thường triệu tập nhân vụ Bizerte, các quốc gia mới thường vẫn giữ thái độ rất mực thận trọng, giữ gìn và không tham gia vào bất luận cuộc tranh chấp nào xảy ra giữa Đông và Tây.

Và nếu trong cuộc khủng hoảng Congo, cuộc khủng hoảng đã gây bao náo động trong thế giới và giông tố tại Liên-Hiệp-Quốc, các quốc gia mới tỏ ra có mối chia rẽ vì chịu ảnh hưởng mối chia rẽ của các nước đại cường hầng tìm thế lôi cuốn họ vào cùng một hàng ngũ, hay tỏ ra bất lực, không đóng nổi một vai trò điều giải nào, ta vẫn thấy ngoài một thiểu số quá khích, một đa số rất sáng suốt, luôn luôn tìm cách thế làm giảm mối căm hờn trong các cuộc tranh luận và không ngừng ủng hộ mọi sáng kiến tìm dõi đường lối thỏa hiệp, chẳng luận từ đâu tới. Đó là chưa kể thiểu số quá khích trên, như Mali, Ghana, nếu có thái độ quá khích thì thâm tâm chỉ cốt là để chống đối lại những nước Châu-Á và Châu-Phi khác bị nghi ngờ là còn chịu lệ thuộc quá nhiều vào các chủ-nhân-ông cũ. Dù sao, ta cũng không thể bảo các nước này bước theo vết chân của Mạc-Tư-Khoa ; về mặt này, các cuộc cãi lộn tàn tệ xảy ra giữa Cộng - Hòa Ả-Rập thống nhất và Liên-Xô, nhân vụ người Cộng - Sản Ai - Cập và Syrie, khiến ta phải suy nghĩ nhiều.

Các nước tiểu nhược muốn gì ?

Chúng ta đều thấy rõ ngày nay hy-vọng của một bước tiến mạnh trong quan hệ quốc tế tùy thuộc ở sức đối kháng của các nước tiểu nhược chống lại âm mưu khống chế và áp lực của các nước đại cường để giải quyết dứt khoát những vấn-đề khẩn cấp như vấn đề tài binh và viện trợ cho các nước hậu tiến. Và hòa bình thế giới trong tương-lai tùy thuộc ở những giải pháp các nước đại-cường sẽ đem ra để giải quyết các vấn-đề trên. Song tình trạng thực-tế chứng tỏ, trong hoàn cảnh hiện tại, các nước đại cường khó lòng chịu cố gắng tìm phương giải quyết, bao lâu các nước tiểu-nhược chưa biết cô-kết, tổ chức nhau lại và chưa đặt được thanh gươm vào điểm xung yếu của họ, với một lực-lượng đáng làm cho mọi người phải kiêng nể.

Đó là mục-tiêu thống chế Tito và đại-tá Nasser tìm dõi khi triệu-tập các nước « không tham gia » tại Belgrade, ngày 1-9 vừa qua. Hai vị nguyên thủ hy vọng trong một tương-lai gần đây,

http://tieulun.hopto.org

các nước Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La-tinh sẽ tới kết hợp với các nước tiến-phong trên, để hợp thành nếu không phải là một lực-lượng quốc-tế thứ ba như họ đã chối đây đẩy, thì ít là một nguyên-điểm một trung-tâm gồm các quốc-gia quyết-chí theo đuổi mục-đích gây ảnh hưởng rộng lớn trong các vấn-đề của thế-giới, nhờ tinh thần thực-tế trong chủ thuyết và tinh-thần thông-cảm hiểu biết trước các nhu-cầu của một xã-hội quốc-tế mới đang khởi sự hình thành. Ngay từ bây giờ, các nước ấy đã khởi sự nhận-chân được lập-trường của họ đối với các vấn đề cam go, như vấn đề Bá-Linh hay vấn đề thí nghiệm lại võ khí nguyên-tử ; lúc này, họ còn yếu, khí thế của họ chưa được các nước đại-cường đếm kể, quyết nghị của họ chưa được người ta tôn-trọng. Nhưng mai ngày, tổ chức của họ đạt tới chỗ chín chắn, trưởng thành, họ sẽ có đủ khả-năng quyết định cản-trở hay cầm chi các nước đại cường giở ra những trò thí-nghiệm tối nguy hiểm nếu không điên-rồ.

Về điểm này, có điều đáng tiếc là hội nghị Belgrade đã tỏ ra thiếu tinh thần bao dung khoáng-đạt để triển-dương hành-động trên tỉ độ toàn cầu : Các nhà tổ chức Hội nghị Belgrade đã cố tình gạt bỏ ra khỏi Hội nghị và không mời tham dự một số lớn các nước trung lập Âu-Châu và hầu hết các nước Nam-Mỹ. Tính cách thiên-tịch, chấp-nhất này không có đủ lý-do biện minh thỏa đáng, chỉ đem lại hậu-quả bất lợi là khiến cho thế giới nghi ngờ tính chất công-chính vô tư của Hội nghị, và do đây, làm giảm uy-thế cùng hiệu năng của Hội nghị nữa.

Tinh thần dân chủ trong thế giới ngày càng phát triển, nên lúc này không còn phải là lúc để cho ai than thở trách móc về sự hiện diện của nhiều nước tiểu nhược trong tổ chức L. H. Q. Tốt hơn là người ta nên để thì giờ nghiên cứu những biện pháp cải tổ thích ứng, hay ít nữa, những phương-pháp làm việc sao cho Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc có đủ khả năng đảm đương những trách nhiệm chân chính và thật sự của nó là : phát biểu đúng đắn công luận hoàn cầu và để cho các nước tiểu nhược được quyền dòm ngó vào hành động của các nước đại cường, đồng thời được có một diễn đàn và những phương tiện cần thiết để tự vệ chống lại áp lực của các nước trên.

Phải cải tổ thế nào ?

Liên-Hiệp-Quốc lúc này, vì bận rộn quá nhiều công việc, thường tỏ ra là một tổ chức hỗn độn, chứa đựng nhiều chia rẽ trong nội bộ, khiến cô Tổng thơ ký Hammarkjoeld, mặc dù có rất nhiều thiện chí, cũng từng phen phải lúng túng, không biết xoay sở ra sao để can thiệp cho có hiệu quả vào sinh hoạt quốc tế hầu duy trì hòa bình và an ninh cho các dân tộc. Đó là điều không thể chối cãi. Tuy nhiên, phải nên công bình mà nói thêm câu này : lỗi đó gây ra trước hết chính bởi các nước đại

http://tieulun.hopto.org

cường đã cố tình tạo lập ra những « khoảng trống » mà Hội đồng và ông Tổng thơ ký đã phải tận lực lấp đi lấp lại mãi cũng không được tròn đầy. Hay nói cách khác, trách nhiệm về tình trạng bế bối tại Liên-Hiệp-Quốc lúc này chính ra phải đổ lên đầu các nước đại cường đã vì quá « cay cú » trong việc tranh chấp và khuynh loát lẫn nhau, không để cho Hội-Đồng Bảo-An đóng nổi vai trò « quyền bính pháp quan », « bras séculier », trong cái « xã hội quốc tế » mà hiến chương Liên-Hiệp-Quốc đã giao phó cho nó.

Muốn cho Hội đồng Bảo An đóng cho « ra trò » vai trò thiết yếu ấy, điều cần là phải có sự cải tổ và sung vào trong đó những cường quốc hội viên có uy lực trong thế giới vì có binh bị hùng mạnh, tài nguyên phong phú hay uy tín tinh thần lớn lao. Bao lâu Hội-đồng Bảo an chưa có được một nước như Ấn-Độ hoặc Thụy-Điển hay chưa có được một đại diện có thẩm quyền của Châu Phi da đen và Châu Mỹ la-tinh thì nó chưa thể nào có đủ khả năng bắt buộc các đại cường quốc phải chia xẻ với nó những trách nhiệm quan trọng trong công cuộc « cai trị » thế giới được.

Cần tạo lập một đội quân cảnh bị quốc tế

Trở lại Phòng Tổng thư ký, ta thấy ông Khrouchtchev không phải là người duy nhất cho rằng thành phần của nó phải phản ảnh thành phần Liên-Hiệp-Quốc đúng đắn hơn nữa rằng hành động của nó chỉ có thể là hành động có tính chất chấp hành được kiểm sát thật chặt chẽ bởi một các cơ quan có quyền quyết định ở Liên-Hiệp-Quốc, rằng các trách-vụ của nó càng nhiều và càng quan trọng thì tính cách công chính vô tư của nó càng phải được bảo-đảm nhiều hơn và chắc-chắn hơn. Nói riêng về phương diện tài-binh tổng-quát, người ta chỉ có thể bàn đến vấn-đề này một cách đứng-đắn, khi nào có thể thiết lập được một đội quân cảnh bị quốc-tế có khả năng bảo-đảm được an-ninh cho các nước đã chịu tài binh. Do đấy, ta hiểu vì sao Liên-Xô đòi được có quyền phủ quyết trong việc sử dụng lực-lượng quốc-tế tại Phòng Tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc cũng như tại Hội-Đồng Bảo-An. Lực-lượng quốc-tế này có thể gồm những phần tử Xô viết và có thể được dùng trái với quyền lợi của người Xô-viết ; ông « K » tất nhiên không thể nào chấp nhận để cho một lực-lượng như vậy được đặt ở dưới quyền điều động của một người không phải là Cộng-Sản. Theo ông « K », có thể có những quốc gia trung-lập, nhưng không thể có những người trung-lập. Đó là điều ông ta đã nói với ông Walter Lippmann hồi tháng tư vừa qua, rồi xác nhận lại với Tổng thống Kennedy tại thủ đô nước Áo, và sau hết, đã minh-định trong một thông điệp gửi cho ông này nhân dịp gặp gỡ trên. Đó là điều căn-bản giải thích cho chúng ta hiểu chủ trương mới

http://tieulun.hopto.org

của Mạc-Tư-Khoa — chủ trương troïka — mà người Xô-viết từ ít lâu nay thường đưa ra để đối phó với mọi mưu toan của Tây-Minh đòi can thiệp và kiểm sát các lãnh địa Xô-viết. Người Xô-viết cũng dụng tâm nỗ lực đưa chủ trương « troïka » của họ ra đòi áp dụng vào việc điều-hành hết mọi cơ quan chấp hành và kiểm sát quốc-tế.

Người ta có thể trách móc thái độ của Mạc-Tư-Khoa và cho Mạc-Tư-Khoa đòi quyền phủ-quyết là cốt để làm tê-liệt sự điều hành công việc của Liên-Hiệp-Quốc. Song thực tế buộc người ta phải nhìn nhận rằng, chẳng phải một mình Liên-Xô, mà bất luận nước đại cường nào cũng chưa thật sẵn-sàng từ bỏ những phương tiện bảo vệ, phòng thủ đất nước và vui lòng trao lại cho một uy-quyền quốc tế sử dụng, nhất là khi họ bất đồng quan điểm với uy quyền ấy từ nguyên tắc tổ chức cho tới cơ cấu tạo thành.

Áp lực của các nước tiểu nhược hay là Điều kiện tồn vong của Liên-Hiệp-Quốc

Chúng ta thấy nhiều nước đại cường hiện còn bị giam hãm trong các chủ nghĩa quốc gia chật hẹp và lỗi thời ; chúng ta cũng thấy một phần lớn các nước này hiện chưa chịu hiểu rằng công cuộc chế ngự nguyên tử và chinh phục không gian đã làm đảo lộn mọi quan niệm về an ninh và phát triển kinh tế của các dân tộc, cũng đòi hỏi phải thiết lập những cơ cấu mới và tạo tác một nền trật tự quốc tế mới biết tôn trọng các nước tiểu nhược và chăm lo giải thoát họ khỏi cảnh lầm than. Do đấy chúng ta có quyền nghĩ rằng các nước đại cường không thể nào không bị lo âu, nghi hoặc chi phối, khiến khó lòng hợp tác chân thành với nhau được.

Trong hoàn cảnh đó, chúng ta tin chắc, dưới áp lực ngày càng gia tăng của các nước tiểu nhược đang khao khát hòa bình và thịnh vượng, và đang là công luận của thế giới, các nước đại cường lần lần sẽ bị bó buộc phải liên kết với họ và tìm kiếm cách thế thỏa hiệp với họ trên nhiều vấn-đề sinh tử. Về mặt tinh thần, các nước đại cường tự thấy mình khó lòng còn có thể sử dụng mãi quyền phủ quyết, vì công luận có chiều hướng không chấp nhận cái đặc quyền để họ được mặc tình thao túng, bất chấp ý-kiến của các nước tiểu nhược mãi. Bấy giờ, người ta sẽ thấy nguyên tắc quân bình đa số có cơ được áp-dụng trong hết mọi cơ quan của Liên-Hiệp-Quốc, nhất là tại Hội-đồng Bảo-an. Và tới ngày đó thì Phòng Tổng thơ ký Liên-Hiệp-Quốc tất nhiên không còn đặt thành vấn đề nữa.

Nếu các nước đại-cường nhất quyết từ khước đi theo chiều hướng trên, nếu họ ngoan-cố không đáp ứng lại nguyện vọng sâu-xa của các dân tộc đòi hỏi thiết lập một tổ chức có khả năng nói ra tiếng nói của công lý, bảo-đảm hòa-bình, độc-lập và thịnh vượng thật sự cho các nước tiểu nhược thì chắc chắn Liên-Hiệp-

http://tieulun.hopto.org

Quốc trong một tương lai gần đây, sẽ sụp đổ trong rã rời và bất lực Do sự sụp đổ này, các quan-hệ quốc tế sẽ chỉ còn căn cứ được vào mãnh lực (kinh-tế, khoa học, quân sự); xã hội các dân tộc sẽ chìm vào cảnh hỗn loạn và sẽ sa vào vòng nô-lệ về kinh tế hay lý tưởng đen tối nhất. Đó là chúng ta giả tỷ như nó thoát khỏi một cuộc chiến tranh tận diệt giữa Đông và Tây hay giả tỷ như cuộc chiến tranh ấy, vì lẽ này hay vì lẽ khác, không thể xảy ra được.

HOÀNG - MINH - TUYNH

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG – ĐỦ TIỆN NGHI

TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

Cùng các bạn gởi bài :

Tất cả những bài gởi đăng về SỐ KỶ-NIỆM 5 NĂM của BÁCH-KHOA (15-1-62) và SỐ TẾT NHÂM DẦN, trân trọng xin các bạn gửi về tòa soạn trước ngày 30-11-61 để kịp chuẩn bị cho chu đáo. Đa tạ.

TÒA SOẠN BÁCH KHOA

http://tieulun.hopto.org

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

http://tieulun.hopto.org

ĐUỔI BẮT ẢO ẢNH

3

Nguyễn-Hiến-Lê

(Xem tiếp B. K. số 116)

Lúc mới dự định viết bài tiểu luận này, tôi chỉ có ý giới thiệu trong năm sáu trang quan niệm về sự thực trong văn nghệ và cách phô diễn sự thực của Marcel Proust. Nhưng rồi sau khi đọc những bài, những chương trong *XXè siècle* của P. Castex và P. Surer (Hachette), *Histoire de la Littérature française* của G. Lanson (Hachette), *Histoire de la Littérature contemporaine* của Henri Clouard (Albin Michel), nhất là hai cuốn *A la recherche de Marcel Proust* của André Maurois (Paris) và *Introduction à la lecture de Proust* của Léon Guichard (Nizet), tôi thấy cần phải viết dài hơn, vì lẽ nghệ thuật của Proust rất đặc biệt mà ở nước nhà, hình như ít ai nhắc tới.

Rất nhiều người cho rằng nghệ thuật đó chỉ hợp với việc phân tích những cảm-giác tế nhị của một hạng người thông minh, nhàn rỗi, muốn « đi tìm thời gian đã mất », nó đã không thể phổ biến được mà cũng không thể bắt chước được. Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng sự gắng sức cùng thiên tài của ông đã đánh dấu một bước đường trong công cuộc tìm cách diễn tả nội tâm mà các nghệ sĩ, kẻ trước người sau, tiếp tục đeo đuổi trong mấy chục thế kỷ nay và trong không biết bao nhiêu thế kỷ sau này nữa ; thì chúng ta, những người yêu văn học, không thể không tìm hiểu nghệ thuật đó được, nhất là khi biết bao văn hào thế giới ngưỡng mộ ông, và ở Pháp đã lập một hội gọi là « Hội các bạn thân của Marcel Proust » (Société des Amis de Marcel Proust) để nghiên cứu, tìm hiểu, truyền bá cái « kỳ công huyền ảo » (1) của ông. Vả lại, biết đâu chừng, công việc tìm hiểu Proust chẳng giúp chúng ta nẩy ra được những ý mới về cách diễn tả mà chúng ta không bao giờ dám nhận là hoàn toàn.

Vậy tôi xin lỗi độc giả sẽ ngừng hơi lâu lâu về Marcel Proust, mặc dầu tôi biết

(1) Lời của Léon Guichard « . . . pour mieux comprendre le miracle de Proust et son ouvre magique ».

http://tieulun.hopto.org

rằng bài này sẽ làm mất tính cách nhất trí, cân xứng trong các phần.

Marcel Proust sinh năm 1871 trong một gia đình phong lưu; ngay từ tuổi thơ đã mắc một bệnh khó trị, bệnh suyễn. Thôi học rồi, ông sống một đời nhàn hạ, không phải làm việc gì cả, hay lui tới các phòng khách, các khách sạn sang trọng, giao du với các hạng quý-phái, văn nhân, nghệ-sĩ, tò mò nhận xét tâm lý của mỗi người. Năm ngoài ba mươi tuổi, thân phụ ông mất, rồi năm 1905 thân mẫu ông cũng quy tiên. Ông rất buồn, mà bệnh suyễn mỗi ngày mỗi nặng, ông đóng cửa sống một mình, có khi luôn mấy tháng không ra khỏi nhà, ban ngày thì ngủ, ban đêm thì thức để viết và đọc sách ngay ở trên giường. Bốn vách phòng đều dán một lớp bấc dày để cách thanh. Vì thần kinh ông không chịu một tiếng động nhỏ nào mà ông cũng không chịu được hương thơm cho nên bạn bè thân muốn lại thăm ông thì ông phải dặn trước là không được bôi dầu thơm, không được hút thuốc. Ông sống đời một con cú như vậy luôn mười bảy năm, cho tới khi chết (1922)

Nhưng trong mười bảy năm đó, ông đã cố sức ghê gớm, đem hết cả khí huyết tâm lực để trước tác, y như để chuộc lại cái đời ăn không, phóng đãng hồi thanh xuân.

Ông soạn được bộ *A la recherche du temps perdu* (Đi tìm thời gian đã mất) gồm khoảng 15 cuốn, dày khoảng bốn ngàn trang, xuất bản từ năm 1913 đến năm 1927 mới hết. Khi cuốn đầu viết xong, ông gởi cho nhà xuất bản *Nouvelle Revue Française*, nhà này thấy văn ông kỳ dị quá, không dám mua. Sau ông phải bỏ vốn cho nhà Bernard Grasset in (1913), với nhan đề là *Du côté de chez Swann* (Về phía gia đình Swann). Cơ hồ không ai để ý tới tác phẩm đó cả. Đến André Gide cũng không thích, mặc dầu nhận nó là lạ lùng. Nhưng từ khi Léon Daudet hết lời ca tụng, giới thiệu trên báo chí, thì người ta bắt đầu nhận ông là một thiên tài. Sau đại chiến thứ nhất, năm 1919 nhà Nouvelle Revue française ân hận đã không biết xét tài ông, xin lỗi ông để ông cho phép xuất bản cuốn nhì, *A l'ombre des jeunes filles en fleurs* (Dưới bóng những thiếu nữ đương xuân). Cuốn này được giải thưởng của Hàn lâm viện Goncourt. Marcel Proust hăng hái viết tiếp, vượt mục đích mà ông đã tự vạch, và lần lượt cho ra *Le côté de Guermantes* (Phía gia-đình Guermantes) 1920-1921) *Sodome et Gomorrhe* (Sodome và Gomorrhe là tên hai châu thành giàu có thời cổ ở gần bờ biển Tử hải, xứ Palestine, theo Thánh kinh, bị lửa trời thiêu hủy vì dân cư quá trụy lạc) (1922). *La Prisonnière* (Người đàn bà bị giam) (1924) *Albertine disparue* (Nàng Albertine mất tích) (1925) và *Le temps retrouvé* (Thời gian tìm lại được) (1928).

Cả bộ có thể tóm tắt như sau : (1).

Do một sự ngẫu nhiên, ông nhớ lại rành mạch dĩ vãng, trước hết là quê hương ông ở Combray, nơi đó ông đã sống những năm thơ ấu sung sướng ; rồi nhớ cảnh gia đình ông Swann, mà bà vợ không được đoan trang cho lắm. Tác giả thấy lòng mình hướng *về phía gia đình Swann* ; nhưng đôi khi lại mơ mộng, nghĩ

(1) Theo XXè siècle — Sách đã dẫn.

http://tieulun.hopto.org

ngợi tới một gia đình khác, gia đình Guermantes sống xa hoa trong một lâu đài. Vài năm sau ông gặp ở Paris cô Gilberte, con gái bà Swann, và mối tình đầu trổ bông trong lòng ông.

Từ đó ông thường đi lại nhà ông bà Swann. Nhưng rồi cô Gilberte xa lánh ông và ông cũng quên cô đi. Trên một bãi biển miền Normandie ông gặp một bọn *thiếu nữ đương xuân*, làm quen với họ và để ý tới một cô, cô Albertine Simonet.

Ở Paris ông mê nữ công tước *Guermantes*, tìm cách làm quen mà chưa được. Rồi tới tang bà nội, tới cuộc tình duyên với Albertine. Sau cùng ông được nữ công tước Guermantes mời tới chơi nhà và ông được biết đời sống rực rỡ, sang trọng bí mật của hạng quý phái.

Ông làm quen với ông De Charlus, một người quý phái, tính tình mâu thuẫn, khi thì tốt bụng khi thì độc ác, hống hách mà lại khúm núm, thô tục mà lại nhã nhặn. Rồi ông được biết nhiều gia đình khác nữa, nhất là gia đình bà Verdurin, một bà trưởng giả, Sau ông trở về miền Normandie, gặp lại những thiếu nữ thời trước, thấy Albertine có những hành vi kỳ cục, ông nổi ghen và đau khổ (*Sodome và Gomorrhe*).

Albertine bằng lòng về Paris sống chung với ông, và mặc dầu ông *cầm tù* nàng không cho đi đâu cả, mà lòng nàng vẫn không thuộc về ông.

Một hôm *Albertine bỏ ra đi*; rồi ông hay tin nàng chết vì tai nạn. Nghĩ lại những bội bạc của nàng hồi còn sống, ông vẫn đau khổ và phải một thời gian lâu ông mới bình tĩnh lại được.

Rồi đại chiến nổ Ông buồn rầu và chua chát nhận thấy những biến đổi trong xã-hội mà ông đã tả. Một lần lại thăm nữ công tước Guermantes, ông bỗng nhiên nảy ra ý này : ghi lại những thời đã qua tức là *tìm lại thời gian đã mất*.

Cốt truyện, như độc giả thấy, không có gì cả ; một trăm người đọc thì chín mươi chín người chán, và một số đông liệng sách sau khi mới đọc được một trang đầu. Tôi xin thú thực cũng chỉ mới đọc hết cuốn đầu, tức cuốn *Du côté de chez Swann*, mà cũng mới đọc ba bốn năm nay còn lần đầu làm quen với Marcel Proust trong cuốn *A l'ombre des jeunes filles en fleurs*, cách đây trên hai mươi năm, tôi đã thất vọng, vội vàng đem trả ngay thư viện Sài-gòn. Hầu hết trang nào đọc cũng mệt như làm một bài toán, mà toàn bộ dày trên bốn ngàn trang, bạn thử tưởng tượng ! Có lẽ ông là một nhà văn nổi danh nhất mà ít người đọc nhất. Nhưng người nào đã kiên nhẫn đọc ông, thì dù không thích cũng phải nhận bút pháp của ông thực kỳ dị. Dưới đây là những nhận xét của các nhà phê-bình mà tôi đã được đọc và nhận là đúng.

Trước hết, tác phẩm của ông gồm những hồi ký. Nhưng cách ông gợi lại dĩ vãng, khác cách của chúng ta. Chúng ta muốn nhớ lại việc cũ phải dùng đến trí tuệ. Chẳng hạn khi ta bảo ngày đó tháng đó năm đó ta ra đời, tháng nọ năm nọ ta bắt đầu đi học rồi tới tháng này năm này thi đậu tiểu học... Có phải là lòng ta cảm thấy những việc đó đâu, mà do óc ta nghĩ ra hoặc tính ra, hoặc do ta đọc một tài liệu nào đó : một tờ khai

http://tieulun.hopto.org

sinh, một bức thư, một bằng cấp... Marcel Proust không dùng cách đó, mà dùng một cách tế nhị hơn, tâm lý hơn để chẳng những cảm thấy mà còn sống lại được thời gian đã qua. Cách đó là nhờ cảm giác : khứu giác, thính giác, xúc giác làm cho quá khứ như tiến tới, bắt kịp hiện tại và hiện lên rõ mồn một trong tâm hồn ông.

Ông kể ba thí dụ : một hôm nghe tiếng muỗng chạm vào dĩa, ông nhớ lại tức thì tiếng búa của một công nhân gõ vào bánh một toa xe lửa trong đó ông ngồi ; lần khác chân ông vấp phải những chỗ đá lát gồ ghề trong sân nhà công tước Guermantes rồi gợi ông nhớ một cảm giác khác y như vậy hồi ở Venise ; một lần nữa vị một miếng bánh chấm nước trà đã làm sống lại một ngày chủ nhật ở Cambray ; hồi ông còn nhỏ, được một bà cô cũng cho ăn thứ bánh đó. Mỗi lần như vậy, từng mớ hồi ký lôi kéo nhau, xô đẩy nhau hiện ra, trải ra trước mắt ông, và ông có cảm tưởng rằng quá khứ và hiện tại như dính vào nhau, khó tách ra được, khó phân biệt được ông đương sống trong thời nào nữa.

Cảm giác gợi được dĩ vãng, là việc xảy ra rất thường. Đã nhiều lần, hễ ngửi bông láng là tôi nhớ lại những buổi tối mùa hè ở quê tôi hồi xưa ; và hiện lúc này đây, nếu được nếm cái vị, cốm Vòng chẳng hạn thì tôi chắc chắn là những bạn di cư sẽ trông thấy lại cả một trời thu của đất Bắc. Nhưng cảm xúc của Marcel Proust mãn nhuệ hơn của chúng ta nhiều ; và sống cái đời « con cú » trong một căn phòng kín mít, luôn mười bảy năm, ông chuyên đào, moi ký ức, bằng những cảm giác rất tế nhị, nên ông đã nhớ lại « bất lại » được cả những việc nhỏ nhặt để chép lại cho ta. Nhất là ông gạt bỏ lý trí, chỉ dùng toàn cảm giác để gợi dĩ vãng, thành thử hồi ký của ông rất sắc bén, tươi tắn. Tài nhận xét của ông đã giúp ông một phần, bệnh suyễn lại giúp ông một phần nữa : nếu không « cấm cung », cách biệt hẳn thế giới bên ngoài thì chắc ông không viết được tác phẩm bất hủ đó.

Những hồi ký đó một khi đã hiện rồi, ông diễn tả cách nào ? Chắc độc giả đã biết rằng cách bố cục tiểu thuyết của Pháp có tính cách cổ điển, khác hẳn tiểu thuyết Anh, Mỹ, nhất là Nga. Người Pháp lựa chọn tính tiết rồi sắp đặt sao cho mọi việc trong truyện đều đưa tới đoạn kết ; họ trọng nhất tính cách nhất trí của tác phẩm, không muốn cho một đoạn nào thừa : dù tả trời đất, cây cỏ, cũng có một tác dụng cho ta hiểu thêm tâm hồn nhân vật, hoặc những hoàn cảnh đã ảnh hưởng tới tâm hồn đó. Tiểu thuyết Pháp như con đường thẳng đưa ta tới đích. Tiểu thuyết Anh, Mỹ, Nga trái lại rườm rà, gồm nhiều chi tiết không liên quan gì tới truyện cả. Tác giả cơ hồ như dắt ta thơ-thẩn trong những con đường khúc khuỷu, có khi bắt ta bỏ đường cái, rẽ vào một lối mòn để ngắm một cảnh rồi lại trở ra ; có khi lại chẳng đưa ta tới một đích nào cả, và bỗng dưng ta thấy con đường ngừng ở một bờ sông, hết lối. Quen đọc tiểu thuyết Pháp, ta thường chán nản khi đọc một tiểu thuyết Anh, Mỹ hay Nga dài bốn năm trăm trang, nhưng nếu ta kiên nhẫn chịu suy nghĩ thì thấy những tiểu thuyết đó có phần đúng sự thực hơn, diễn tả đúng đời sống hơn, tự nhiên hơn, không có vẻ quá sắp đặt, gò bó như tiểu thuyết Pháp.

http://tieulun.hopto.org

Đó là xét chung. Riêng tiểu thuyết của Marcel Proust còn rườm hơn những truyện rườm nhất của Anh hay Nga. Nhớ được việc gì ông ghi lại hết, cả những cảm giác rất phù du, những chi tiết rất nhỏ nhặt. Mới đầu ông chỉ định viết độ ngàn rưỡi trang, sau ông cứ thêm hoài, rút cục dài gần gấp ba. Nếu ông sống thêm được ít năm nữa thì chắc ông còn thêm nhiều nữa trong lần tái bản. Gặp cái gì ông nói cái đó, chẳng hạn bàn rất dài về giấc ngủ, về tật theo mốt, về hội họa, âm nhạc, tánh ghen, cả về sức gợi cảm của tên người, tên đất... Những ấn công của nhà Nouvelle Revue Française bực mình về ông. Chẳng những ông sửa đi sửa lại hoài — viết hai chục hàng thì may lắm giữ lại được một hàng — mà còn thêm nhiều câu, nhiều đoạn, tràn cả ra lề, đặc nghẹt tờ giấy. Độc giả có phần còn bực mình hơn nữa. Mới đầu ông viết hai câu liền nhau ; rồi sau ông xen vô giữa hai câu đó gần một chục trang. Như trong cuốn *La Prisonnière*, Albertine hỏi một câu ở trang 165, tới trang 172, (8 trang sau) ta mới thấy câu trả lời. Đặc biệt nhất là, cũng trong cuốn đó, ông kể một buổi sáng, nằm trong giường ông nghe những tiếng ở ngoài phố đưa lên, rồi viết một câu nhắc lại một cảm giác của một người khác mà ông đã tả ở cuốn *Du côté de chez Swann*, khoảng hai ngàn rưỡi trang trước. Như vậy ai mà nhớ cho được ? Mà nếu không nhớ được thì không hiểu được dụng ý của ông : là cho ta thấy rằng một tiếng động bây giờ có thể gợi được cả một dĩ vãng hàng chục năm trước. Một câu khác ở đầu cuốn *Du côté de chez Swann* tả đời sống ở Tansonville, ông đem nhắc lại ở cuối cuốn *Albertine disparue*, ba ngàn trang sau.

Tóm lại, ông đã phá một luật quan trọng nhất trong văn nghệ mà từ trước, dù phái cổ điển hay tả chân, lãng mạn, tượng trưng đều theo, tức luật hy sinh chi tiết để giữ nét chính, hy sinh ý vụn để giữ đại cương. André Gide bảo ông là « không chịu tháo gỡ hết những giàn mà ông đã dựng để cất lâu đài của ông ». Lời đó đúng. Ông không chịu gỡ, chính vì ông cho những giàn đó là phần tô điểm cho lâu đài; nói cho đúng hơn, ông không muốn ta chỉ nhìn thấy lâu đài mà còn nhìn thấy cả lịch trình xây cất; ông không gợi cho ta mà muốn dắt ta cùng mọi móc rồi sống lại dĩ vãng của ông.

Cách ông giới thiệu nhân vật cũng đặc biệt. Nhân vật trong truyện rất sống, sống như người thực, vậy mà trọn tác phẩm không có bức chân dung nào cả, nghĩa là không có một đoạn nào viết riêng để tả hình dung, tính tình, y phục, ngôn ngữ, cử chỉ của những nhân vật đó như trong những truyện của Balzac hay Flaubert. Phần đông các tiểu thuyết gia, khi muốn giới thiệu một nhân vật quan trọng, thì ngừng câu chuyện lại rồi tả tỉ mỉ nhân vật ; và một khi đọc hết đoạn ta biết rõ nhân vật đó rồi và chỉ cần xét trong những đoạn sau xem hành động có phù hợp với tính tình không. Cách đó giả tạo, vì trong đời sống, khi gặp ai, ta không nhận xét, phân tích người đó một cách tỉ mỉ, có hệ thống như vậy. Trừ vài trường hợp đặc biệt, thường thường ta chỉ nhìn qua, đoán được người đó vào hạng nào ; rồi trong câu chuyện, trong những lần gặp gỡ sau, ta mới hiểu biết thêm một chút, nhờ những nụ cười, khoé mắt, lời nói, thái độ, cử chỉ... Tóm lại, mỗi người lạ

http://tieulun.hopto.org

vô tình bộc lộ lần lần bản tính ra cho ta thấy, và có khi năm mười năm ta mới biết rõ được một người. Đời sống là thế.

Marcel Poust đã theo sát thiên nhiên, không vụng về như các tiểu thuyết gia khác, cho nhân vật chính nổi bật lên hàng đầu, rồi giới thiệu nhân vật đó như các nhà viết tuồng của ta hồi xưa giới thiệu Lưu Bình với khán giả: « Tôi đây, họ Lưu tên Bình, vốn dòng nho gia, nhân triều đình sắp mở khoa thi. . . »

Như vậy là kể chuyện, chứ không phải là tả.

Cho nên lần đầu tiên nói về De Charlus, nhân vật chính trong cuốn *Sodome et Gomorche*, ông không cho ta biết tên chàng, chỉ cho chàng lướt qua như một nhân vật phụ : « *Gilberte, ôi, thôi, lại đây, con làm gì ở đó? Một bà bận đồ trắng mà từ trước tôi chưa thấy, lớn tiếng gọi cô Gilberte, giọng the thé và hách dịch; bên cạnh bà một ông bận hàng tréo go, mà tôi không quen, ngó tôi chăm chú, con người lời ra khỏi mắt* ». Đó hình ảnh thứ nhất của De Charlus chỉ có vậy thôi. Hình ảnh đó đã đập mạnh vào óc ông nhất, « Cặp mắt lồi chăm chú nhìn » đó là nét đặc biệt nhất của De Charlus, lần khác ông tả kỹ hơn :

« . . . *Tôi đương một mình đi ngang qua hí trường để về khách sạn, thì có cảm tưởng rằng có ai ở gần ngó tôi. Tôi quay lại và thấy một người khoảng tứ tuần, rất cao và hơi mập, râu mép rất đen vừa nóng nảy đập một cây can vào quần, vừa mở mắt lớn ngó tôi trừng trừng (...) Ông ta liếc tôi một lần cuối, về liếc vừa táo bạo, vừa thận trọng, nhanh mà sâu, như phát súng cuối cùng bắn ra khi bắt đầu chạy, và sau khi đã nhìn khắp chung quanh, bỗng làm ra vẻ lơ đãng, ngạo vật, ông xoay mạnh toàn thân, quay lại phía một tờ yết thị, rồi chăm chú đọc, vừa đọc vừa ngâm nho nhỏ một điệu hát, vừa sửa lại bông hồng lủng lẳng ở lỗ khuyết trên áo.*

(. . Comme je passais seul devant le casino en rentrant à l'hôtel, j'eus la sensation d'être regardé par quelqu'un qui n'était pas loin de moi. Je tournais la tête et j'aperçus un homme d'une quarantaine d'années, très grand et assez gros, avec des moustaches très noires, et qui, tout en frappant nerveusement son pantalon avec une badine, fixait sur moi des yeux dilatés par l'attention (...) Il lance sur moi une suprême oeillade, à la fois hardie, prudente, rapide et profonde, comme un dernier coup que l'on tire au moment de prendre la fuite, et après avoir regardé tout autour de lui, prenant soudain un air distrait et hautain, par un brusque revirement de toute sa personne il se tourna vers une affiche dans la lecture de laquelle il s'absorba, en fredonnant un air et en arrangeant la rose mousseuse qui pendait à sa boutonnière).

Cứ theo cách đó, mỗi lần một vài quệt sơn màu, dần dần ông cho ta thấy De Charlus là một người quý phái kiêu ngạo, độc tài, vô lễ, hay la lối. Nhưng tâm lý chàng, do hoàn cảnh mà thay đổi mỗi năm một ít, đến khi về già thì thành một người khúm núm, nói lí nhí trong miệng và cúi rạp mình xuống để chào người trên.

Vậy mỗi nhân vật có thể là nhiều con người, tùy thời gian, tùy hoàn cảnh. Không những vậy, mỗi nhân vật hiện ra trong con mắt những nhân vật khác, như những người rất khác nhau ; vì nhiều lẽ :

http://tieulun.hopto.org

trước hết, đối với bạn ta có thể rất tốt, mà đối với người giúp việc, ta có thể rất nghiêm khắc; lại thêm cùng là bạn cả, nhưng người nào hợp với ta thì khen ta, người không hợp thì chê. Tâm lý đó, Paul Morand đã khéo diễn trong cuốn *Chiếc gương ba mặt* (La glace à trois faces) và Marcel Proust cũng đã tả kỹ trong tác-phẩm của ông. Thành thử tâm lý theo quan niệm của Marcel Proust rất tế-nhị, uyển chuyển; ta có thể gọi nó là « tâm lý trong thời gian » vì « tâm hồn biến chuyển trong thời gian cũng như thân thể chuyển động trong không gian »

Đọc xong những nhận xét ở trên, chắc độc giả đã thấy được quan niệm của Marcel Proust về nghệ thuật diễn tả. Ông đả đảo lối hiện thực mà ông cho rằng chỉ vẽ được cái bề ngoài của vạn vật, nhất là của con người. Ông thiên về chủ nghĩa ấn tượng, và muốn tìm sự thực ở bên trong. Không phải chỉ có một vũ trụ, mà có bao nhiêu nghệ-sĩ là có bấy nhiêu vũ trụ, vì ấn tượng của mỗi nhà một khác. Ông nói : « *Đối với mỗi người thì cái chân lý duy nhất... là khu vực cảm xúc của người đó* ». Thành thử — có vẻ như ngược đời mà lại đúng — thứ văn chương hiện thực lại xa sự thực nhất, vì nó gạt bỏ cảm xúc của nghệ sĩ đi; còn văn chương ấn tượng lại đúng sự thực hơn cả. Vì nó diễn tả thế giới theo cảm xúc của ta. Thuyết hiện thực chỉ áp dụng được vào khoa học; trong nghệ thuật, mỗi người có một chân lý riêng của mình thì không thể nói đến sự khách quan được. Hai với hai thì ai cũng phải nhận là bốn; nhưng cảnh đêm trăng thì có người cho là êm đềm, có người cho là rạo-rực, mà cả hai nhận xét khác nhau rất xa đó đều đúng hết.

Cho nên bổn phận của nghệ sĩ là tìm hiểu mình, moi những cảm xúc của mình. Muốn vậy, phải bỏ thói quen đi, bỏ lối nhìn, lối nhận xét theo công thức, theo mọi người đi; hơn nữa, phải bỏ lối dùng trí đi, mà đào sâu phần vô thức, và phần tiềm thức ở trong chúng ta. Ông mạnh bạo tuyên bố :

« *Ấn tượng đối với nhà văn có cái địa vị của thí-nghiệm đối với nhà bác học, chỉ khác điều này là ở nhà bác học, trí tuệ đi trước, còn ở nhà văn nó tới sau. Cái gì mà ta không phải lần mò tìm kiếm mà đã thấy rõ ràng ngay thì cái đó không phải là của ta. Chỉ cái nào ta kéo từ trong phần tối tăm ở tâm hồn ta ra, mà những người khác không biết được, thì cái đó mới thật là của ta* ».

Chỗ khác ông lại bảo :

« *Bút pháp đối với một nhà văn, không phải là vấn đề kỹ-thuật, mà là vấn đề thị giác của tiềm thức* ».

Tóm lại, ông đã gần phái lãng mạn hơn là phái hiện thực, nhưng vẫn khác xa phái lãng mạn, ở chỗ phái này cho vũ trụ làm rung động con tâm rồi chỉ cần ghi lại hết những cảm xúc rõ rệt của nó; còn ông thì tìm sự tinh mịch cô liêu và dùng mọi cách để cho tiềm thức hiện lần lần ra, rồi chép lại những ấn tượng nằm sâu trong tiềm thức đó, chép lại hết, cả những cái mơ hồ nhất. Mà muốn cho đúng sự thực, thì khi chúng dồn-dập tới, ta không được phân tích, xếp đặt vì cả, cứ ghi sao cho độc giả thấy sự liên quan, mật thiết với nhau, sự chồng chất lên nhau của chúng.

http://tieulun.hopto.org

Để diễn tả ông kiếm ra một cú pháp rất đặc biệt, một loại câu dài như một sợi tơ, đôi khi mới đọc, có vẻ rối như bòng bong.

Xin bạn đọc câu dưới đây :

Mon désir avait cherché avec tant d'avidité la signification des yeux qui maintenant me connaissaient et me souriaient, mais qui, le premier jour, avaient croisé mes regards comme les rayons d'un autre univers, il avait distribué si largement et si minutieusement la couleur et le parfum sur les surfaces carnées de ces jeune filles qui, étendues sur la falaise, me tendaient simplement des sandwiches ou jouaient aux devinettes, que souvent dans l'après midi, pendant que j'étais allongé comme ces peintres qui cherchant la grandeur de l'antique dans la vie moderne donnent à une femme qui se coupe un ongle de pied la noblesse du Tireur d'épine ou qui comme Rubens, font des déesses avec des femmes de leur connaissance pour composer une scène mythologique, ces beaux corps bruns et blonds, de types si opposés, répandus autour de moi dans l'herbe, je les regardais sans les vider peut-être de tout le médiocre contenu dont l'existence journalière les avait remplis, et pourtant sans me rappeler expressément leur céleste origine, comme si, pareil à Hercule ou à Télémaque, j'avais été en train des jouer au milieu des nymphes.

(A l'ombre des jeunes filles en fleurs)

Một câu như vậy, đọc cho hiểu cũng đã mệt rồi, dịch làm sao nổi? Nhưng cũng rán giới thiệu nó với những bạn không thông tiếng Pháp :

Thị dục của tôi đã tìm, với biết bao khao khát, ý nghĩa của những cặp mắt mà hồi đó đã biết tôi rồi và cười với tôi nhưng ngày đầu (1) đã ngó tôi như những tia sáng của một thế giới khác, nó (2) đã phân phát rất rộng rãi và tỉ mỉ màu sắc và hương thơm trên những chỗ hở da thịt của những thiếu nữ ấy khi họ nằm trên bờ biển cao, dốc mà chìa cho tôi những bánh « Xăng đuých » hoặc chơi trò đố nhau, đến nỗi (3) thường thường buổi chiều, trong khi tôi nằm dài ra, như hạng lực sĩ đi tìm cái cao cả của thời cổ trong đời sống hiện đại mà cho một người đàn bà cắt móng chân cái vẻ cao quý của tượng **Người nhề gai**, *hay là như Rubens mà đem những phụ nữ ông quen biết vẽ thành những nữ thần trong một cảnh thần thoại ; những thân hình đẹp, nâu và hung-hung (4) có những đặc trưng rất trái nhau, rải-rác chung quanh trên cỏ ấy, tôi nhìn họ mà có lẽ không rút hết sự tầm thường do đời sống hằng ngày chứa đầy trong bản thân họ, mặc dầu cũng không nhớ lại rõ ràng bản-nguyên thiên-thể của họ, tưởng chừng, như Hercule hay Télémaque, tôi đang chơi giữa đám nữ thần.*

Muốn hiểu câu đó, ta phải đọc lại vài ba lần, đánh dấu ý chính rồi mới tìm những ý phụ ông xen vào sau. Ý chính ở trong phần này :

Thị dục của tôi đã tìm, với biết bao khao khát, ý nghĩa của những cặp mắt (đó) (..), nó đã phân phát rất rộng-rãi và tỉ mỉ màu sắc và hương thơm trên những chỗ hở da thịt của những thiếu nữ ấy (..) đến

---

(1) Nghĩa là khi tác giả mới gặp.

(2) Tức thị dục.

(3) Nghĩa là : khao khát và phân phát rộng rãi, tỉ mỉ đến nỗi.

(4) Tức của các thiếu nữ.

http://tieulun.hopto.org

nỗi thường thường buổi chiều, trong khi tôi nằm dài ra, (...) tôi nhìn họ (...) tưởng chừng, như Hercule hay Télémaque, tôi đang chơi giữa đám nữ thần.

Còn những mệnh đề phụ :

— mà hồi đó đã biết tôi rồi và cười với tôi, nhưng ngày đầu đã ngó tôi như những tia sáng của một thế - giới khác.

— khi nằm trên bờ biển cao, dốc mà chìa cho tôi những bánh « xăng đuých » hoặc chơi trò đố nhau.

— như hạng họa-sĩ đi tìm cái cao cả của thời cổ trong đời sống hiện đại mà cho người đàn bà cắt móng chân cái vẻ cao quý của tượng **Người nhồ gai**, *hay là như Rubens mà đem những phụ-nữ ông quen biết vẽ thành những nữ thần trong một cảnh thần thoại ;*

— những thân hình đẹp, nâu và hung hung có những đặc trưng rất trái nhau, rải rác chung quanh trên cỏ ấy,

— mà có lẽ không rút hết sự tầm thường do đời sống hằng ngày chứa đầy trong bản thân họ, mặc dầu cũng không nhớ lại rõ ràng bản-nguyên thiên-thể của họ,

ông xen vào cho ý chính rõ hơn, đầy đủ hơn, linh động, rực rỡ, huyền ảo hơn. Ta thấy ông ghi lại những hồi ký của ông trong hai thời gian (thời ông gặp những thiếu nữ đó lần đầu, và thời ông nằm chơi với họ trên bờ biển) vừa tả thị dục cùng hành động của ông, vừa tả các thiếu nữ và cảnh vật chung quanh, rồi nhớ tượng *Người nhồ gai* cùng những bức họa của Rubens, tưởng tượng đời của Hercule, Télémaque với các nữ thần. Tất cả những cảm xúc đó từ trong tiềm thức hiện ra một lúc, cái nọ xen cái kia, chồng lên cái kia, và ông cố dùng một câu rất dài để diễn cho hết. Các văn sĩ khác tất bỏ bớt nhiều tiểu tiết, hoặc nếu giữ thì tách ra làm vài ba câu ; ông cho như vậy là không đúng sự thực, làm mất tính cách hợp nhất của hồi ký. Nhờ vậy khi đọc kỹ và đã hiểu được hết ý trong câu, ta cũng có một cảm giác phức tạp, nửa tiên nửa tục. — cảm giác của các nghệ sĩ, đem cái cao cả của thời cổ tô điểm cho hiện tại — và ta thấy hồi ký của ông phức tạp như đời sống mà văn ông đẹp như trong thần thoại, đầy những hình ảnh linh lung : những vẻ nhìn « như những tia sáng của một thế giới khác », thị dục « phân phát màu sắc và hương thơm » trên da thịt...

Đã có nhiều văn sĩ viết những câu rất dài, như Bossuet, Rousseau, Chateaubriand, nhưng câu của họ có giọng hùng hồn, lôi cuốn, sôi nổi, viết để ta ngâm vang lên ; câu của Proust khác hẳn, hiện ra chầm chậm, đều đều, nhẹ nhàng, ống chuốt như sợ tơ ở miệng con tằm. Ông nói với một người bạn : « *Tôi bắt buộc phải dệt những sợi tơ dài đó (. . .) và nếu tôi rút ngắn câu của tôi lại thì sẽ chỉ là những khúc ngắn của câu thôi, chứ không phải là câu* ».

Dưới đây tôi xin giới thiệu hai đoạn nữa, một đoạn tả cảnh và một đoạn giảng giải :

Cảnh Paris ban đêm, trong thời thường bị rội bom, hồi đại chiến thứ nhất.

« ... *d'autres éléments de nature qui n'existaient pas jusque là à Paris faisaient croire qu'on venait, descendant du train, d'arriver pour les vacances en pleine campagne : par exemple le contraste de lnmière et*

http://tieulun.hopto.org

d'ombre qu'on avait à côté de soi par terre les soirs de clair de lune. Celui-ci donnait de ces effets que les villes ne connaissent pas, même en plein hiver ; ses rayons s'étalaient sur la neige qu'aucun travaileur ne déblayait plus, boulevard Haussmann, comme ils eussent fait sur un glacier des Alpes. Les silhouettes des arbres se réflétaient nettes et pures sur cette neige d'or bleuté, avec la délicatesse qu'elles ont dans certaines peintures iaponaises ou dans certains fonds de Raphael ; elles étaient allongées à terre au pied de l'arbre lui-même, comme on les voit souvent dans la nature au soleil couchant quand celui-ci inonde et rend réfléchissantes les prairies où des arbres s'élèvent à intervalles réguliers. Mais, par un raffinement d'une délicatesse delicieuse, la prairie sur laquelle se développaient ces ombres d'arbres légères comme des âmes était une prairie paradisiaque, non pas verte mais d'un blanc si éclatant, à cause du clair de lune qui rayonnait sur la neige de jade, qu'on aurait dit que cette prairie était tissue seulement avec des pétales de poiriers en fleurs (...)

Par ces jours exceptionnels, toutes les maisons étaient noires. Mais au printemps, au contraire, parfois, de temps à autre, bravant le règlement de la police, un hôtel particulier, ou seulement un étage d'un hôtel, ou même seulement une chambre d'un étage, n'ayant pas fermé ses volets, apparaissait, ayant l'air de se soutenir toute seule sur d'impalpables ténèbres, comme une projection purement lumineuse, comme une apparition saus consistance. Et la femme qu'en levant les yeux bien haut, on distinguait dans cette pénombre dorée, prenait dans cette nuit où l'on était perdu et où elle même semblait recluse, le charme mystérieux et voilé d'une vision d'Orient.

(Le temps retrouvé).

... những yếu tố thiên nhiên khác mà từ trước không có ở Paris, làm cho người ta, khi xuống xe lửa, tưởng rằng mới tới một miền quê để nghỉ hè : chẳng hạn, sự tương phản của ánh sáng và bóng tối ở dưới đất, bên cạnh ta, những đêm trăng. Ánh trăng gây những ấn tượng mà các châu thành không có, dù là đương giữa mùa đông ; tia sáng của nó trải lên lớp tuyết mà không có người phu nào súc đi nữa, tại đại lộ Haussmann, như trải trên một đám băng núi Alpes. Hình cây cối phản chiếu rõ ràng và trong trẻo trên lớp tuyết màu hoàng kim mờ mờ xanh đó, xinh xắn như trong vài bức họa Nhật-Bản hoặc vài bối cảnh của Raphael ; nó nằm dài trên đất, ngay dưới gốc cây, y như cảnh người ta thường thấy trong thiên nhiên lúc hoàng hôn, khi ánh mặt trời tràn ngập rực rỡ các bãi cỏ trong đó cây mọc cách đều nhau. Nhưng do một tế nhị thú vị, bãi cỏ trên đó trải những bóng cây, nhẹ như tâm hồn ấy là một bãi cỏ trên thiên đường, không xanh mà trắng rực rỡ do lẽ ánh trăng tỏa trên tuyết màu ngọc bích, rực rỡ đến nỗi người ta có cảm tưởng rằng bãi cỏ đó dệt toàn bằng cánh hoa lê (...)

Trong những ngày đặc biệt đó, nhà nào cũng tối om. Nhưng tới mùa xuân, trái lại, thỉnh thoảng một đôi khi, bất chấp lệnh của cảnh sát, một tòa nhà riêng, hoặc chỉ từng nào đó của một toà nhà, hoặc chỉ một một phòng trong một từng vì không khép cửa lá xách lại, mà hiện ra, có vẻ đứng chơi vơi một mình trong đám tối vô hình, y như một hình giọi hoàn toàn chỉ có ánh sáng, hoặc như một hiện hình hư không. Và

http://tieulun.hopto.org

ngừng đầu thật cao nhìn lên, thì người đàn bà ta thấy trong ánh vàng nửa sáng nửa tối trong cái đêm người ta như lạc lối đó, và chính nàng như bị giam cầm đó, có cái vẻ đẹp bí mật và mờ mờ huyền ảo của phương Đông ».

Tôi nhớ một đoạn Nguyễn-Tuân tả cảnh phố Hàng Gai, hàng Đào và hồ Hoàn-Kiếm ở Hà-Nội một đêm báo động trong đại chiến vừa rồi. Cảnh cũng huyền ảo và rất đẹp. Nhưng văn của Nguyễn-Tuân tế nhị một thì văn của Marcel Proust tế nhị tới năm, sáu. Cảm xúc của Proust sâu sắc: lạ lùng. Nằm trong một phòng kín, ông cố moi từ tiềm thức tất cả những hồi ký một cách khoan khoái, gần như đau đớn, từ những hoàn cảnh nhỏ nhặt đến những câu chuyện lặt vặt, những hình, những bóng, những nét, những tiếng động, những cảm giác; rồi tỉ mỉ, kiên nhẫn ghi lại hết, như sợ rằng nếu chỉ bỏ đi một tiểu tiết thôi thì cái dĩ vãng sẽ không còn cái hồn của nó nữa. Vũ trụ đã chiếu vào tâm ông, đủ thiên hình vạn trạng, và ông nhất định phản chiếu nó lên trên giấy một cách trung thành. Mới đọc ta thấy có vẻ lộn xộn: những từ tổ xen vào giữa câu (descendant du train; boulevard Haussmann) những ý như lạc-đề (où l'on était perdu) nhưng thực ra có công dụng ghi một nét tâm-lý hoặc thêm một cảm giác; những mệnh-đề phụ chồng lên mệnh-đề phụ (quand celui-ci inonde et rend réflé chissantes les prairies où des arbres s'élèvent...) Dụng ngữ phong phú tinh xác (ses rayons s'étalaient, or bleuté, pénombre dorée, charme mystérieux et voilé d'une vision d'Orient) những tĩnh từ lựa rất khéo để sửa lại một nét, giặm thêm một màu cho thật đúng (délicatesse délicieuse; impalpables ténèbres; charme mystérieux et voilé) (1); những dò dẫm tiến lần lần tới sự tinh xác (dans certaines peintures japonaises on dans certains fonds de Raphaël; parfois, de temps à autre; un hôtel particulier ou seulement un étage d'un hôtel, on même seulement une chambre d'un étage); những hình ảnh rất đẹp (ombres d'arbres légères comme des âmes; tissue seulement avec des pétales de poiriers en fleurs; le charme mystérieux et voilé d'une vision d'Orient).

Cả trong những câu giảng giải ông cũng dùng bút pháp đó để dẫn ta lần lần, dò từng bước tới sự tinh xác, hoặc mở rộng ra, hoặc thu hẹp nghĩa lại. Những câu đó thường có những tiếng: « Có thể... Do lẽ đó... Đúng vậy... Nhưng... Thực ra... Như là... Thành thử... Trừ khi... Theo nguyên tắc... Mặc dầu... »

Nó không phải để tả, nên ít, khi chứa hình ảnh đẹp, mà chỉ nặng nề, tuy có thể rõ ràng, tổ chức rất chặt chẽ như câu dưới đây:

« *J'y trouvai quelques uns de ses amis qui dînaient toujours avec lui, nobles, sauf un ou deux roturiers, mais en qui les nobles avaient dès le collège flairé des amis et avec qui ils s'étaient liés volontiers, prouvant ainsi qu'ils n'étaient pas, en principe, hostiles aux bourgeois, fussent ils républicains, pourvu qu'ils eussent les mains propres et allassent à la messe* »

(le côté de Guermantes)

---

(1) Có chỗ ông dùng bốn tiếng liên tiếp nhau: la figure raide, géométrique, passagère et fulgurante du soleil.

http://tieulun.hopto.org

« *Tôi thấy ở đó vài người bạn của ông ta, luôn luôn ăn cơm tối với ông, (điều lạ) quý phái, trừ một hai người bình dân, bình dân nhưng được bọn quý phái cảm thấy ngay là bạn từ hồi ở trường trung học, mà sẵn lòng giao du thân mật với, để tỏ rằng họ quý phái mà, theo nguyên tắc, không cừu thị bọn trưởng giả, dù là bọn trưởng giả theo chế độ cộng hòa, miễn làm ăn lương thiện và đi lễ nhà thờ là được* ».

Rất nhiều người không ưa cú pháp lê thê, chằng chịt của Proust. Lắm câu của ông làm cho ta bực mình thật — như câu dưới đây mà tôi xin miễn dịch :

« *Elle disait : — « Enfin, on respire ! » — et parcourait les allées détrempées, trop simétriquement alignées à son gré par le nouveau jardinier dépourvu du sentiment de la nature — et auquel mon père avait demandé depuis le matin — si le temps s'arrangeait, — de son petit pas enthousiaste et saccadé, réglé sur les mouvements divers qu'excitaient dans son âme l'ivresse de l'orage, la puissance de l'hygiène, la stupidité de mon éducation et la symétrie des jardins, plutôt que le désir inconnu d'elle d'éviter à sa jupe prune les taches de boue — sous lesquelles elle disparaissait jusqu'à une hauteur — qui était toujours pour sa femme de chambre un désespoir et un problème.* » (Du côté de chez Swann)

Nhưng khi nào ông viết kỹ, cảm xúc tế nhị, hình ảnh rực rỡ, mà ta chịu khó tìm hiểu thì công của ta không đến nỗi uổng : ta sẽ được hưởng một cái thú là lạ.

François Mauriac đã khen trong cuốn **Les lois de la pensée** : « *Để diễn cái thế giới rất thay đổi và rất ít sáng sủa đó, tức thế giới cảm giác và cảm tình của ông lời nhỏ và hời trẻ, Proust đã tạo ra một thứ cầu đặc biệt. Độc giả nào chưa quen tất bỡ ngỡ : sợ lạc lối trong cái me lộ kỳ dị ấy ! Đọc câu của ông, chúng ta phải bỏ con đường cái lớn, thẳng băng, bình thường để theo những đường mòn uốn khúc (...) ; và độc giả có thể sợ rồi rút cục sẽ lâm vào một ngõ cụt. Nhưng đó chỉ là bề ngoài.*

« *Rắc rối, dài, rậm, đầy những mệnh đề thình lình xen vô giữa, câu của Proust như một cái nơm, một cái lưới vét kéo ngược dòng, mà những mắt mau của nó bắt và giữ lại lắc nhắc những ý cùng cảm giác linh động* »

Marcel Braunschvig trong cuốn *La Littérature Française* cũng bảo :

Mỗi đầu tác phẩm của ông (Marcel Proust) làm ta thất vọng vì về rườm rà của nó, rườm rà do tiểu tiết thì quá nhiều mà thiếu cân xứng trong phô diễn, thiếu những bố cục liên tiếp trong các đoạn mô tả và phân tích, rườm rà do những câu quá dài đầy những mệnh đề thình lình xen vô giữa những ngoặc đơn cắt câu ra từng đoạn. Nhưng nếu thắng được sự trở ngại đầu tiên đó, ta sẽ không hối hận đã gắng sức tiến sâu vào tác phẩm đặc sắc và nhiều ý đó, nó cho ta thấy rõ sự chuyển động của bộ máy tâm lý con người, nhờ hai cách : cách thứ nhất giống cách phóng đại của máy hiển vi, và cách thứ nhì giống cách chiếu chậm lại để phân tích cử động, trong nghệ thuật điện ảnh ».

Tôi đã nói cách phô diễn của Proust không thể phổ biến, tác phẩm của ông cũng không phải để cho đa số quần chúng thưởng thức, nó chỉ là một vật dành riêng cho một số người nhàn nhã ; nhưng dù sao ông cũng có công lớn trong công việc tìm tòi, cải thiện những cách ghi tả nội tâm và ngoại giới. Nội một việc hy sinh mười bảy năm trong một phòng kín mít cho Văn học, cũng đáng cho ta phục ông rồi.

(*còn 1 kỳ*)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

http://tieulun.hopto.org

tình trạng khẩn cấp và biện pháp cần thiết

Quốc-Dũng

HIẾN Pháp nước nào cũng vậy, nếu có ấn định các cơ cấu quốc gia thời bình cũng dự liệu những định chế áp dụng trong lúc biến. Ở Mỹ, hành pháp có quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Nhưng người công dân bị thiệt hại có quyền kiện chính phủ và toà án nhận xét từng trường hợp, có thể trừng phạt các viên chức áp dụng định chế khẩn cấp một cách bừa bãi. Ở Pháp, chỉ có quốc hội mới có quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Đạo luật ấn định tình trạng khẩn cấp lại vạch rõ quyền hạn các cơ quan và mọi hạn chế các quyền công dân.

Để rộng quyền cho các nhà chức trách phải riêng chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình hay qui định rõ ràng các biện pháp để các nhà cầm quyền cứ theo đó mà vững tâm hành sử, mỗi quốc gia có một nền pháp chế hợp với dân tộc tính của mình.

Nhưng ở đâu trong trường hợp khẩn cấp cũng nhẹ về vấn đề tiêu thụ để nặng về phương diện sản xuất.

Dân chúng tiêu thụ không những thực-phẩm như gạo, vải còn tiêu thụ cả những thú vui, những tư tưởng. Mà đã đứng trên lãnh vực tiêu thụ, vật chất, tinh thần hay tâm linh, không thể nói đến chuyện bó buộc được. Không một đạo luật nào có thể buộc ta ăn một món ta không ưa, coi bức tranh ta không thích hay nạp một ý ta không chịu.

Nhưng chúng ta không phải chỉ là con người tiêu thụ. Chúng ta còn là những cánh tay sản xuất, những tâm não sáng tác. Khi đã nói đến sản xuất, dù ta làm việc một mình hay trong một tập thể, không thể thiếu tổ chức hoặc vô kỷ luật được.

Vậy nói hạn chế tiêu thụ và tăng cường sản xuất tức là *tỉnh giảm*

http://tieulun.hopto.org

bớt tự do và *chặt chẽ thêm kỷ luật* hai khía cạnh hầu như mâu thuẫn nhưng chỉ phản ảnh những sắc thái con người toàn diện.

Mục tiêu của tình trạng khẩn cấp đã là hạn chế tiêu thụ, tăng cường sản xuất tất các biện pháp áp dụng phải thức tỉnh nhân dân, thực hiện đoàn-kết và thi hành khắc khổ.

Nạn lụt miền Tây, nạn bão ở Trung là những dịp để nhân dân thức tỉnh. Cno nên khi quyên tiền, khi làm nghĩa không thể làm cho xong việc : mỗi sở làm sẵn một danh sách đánh máy, chia trước khoản lương tháng cho 30 ngày, rồi đưa đi lầy chữ ký, gởi vội cho ủy ban Trung ương, khoe mình thu được nhiều. Trước một thiên tai cũng như trước một vụ khủng bố, điều cần không phải là số tiền đem giúp mà là trình độ thức tỉnh. Vì vậy phải học tập thầm nhuần trong toàn dân rồi sau buổi học tập mỗi người lập một quyết định, tự nguyện bỏ công của ra góp phần. Hẳn có người cho chỉ là hình thức. Dù là hình thức, ai cũng đọc cũng chép, cũng nhắc đi nhắc lại, tiếng rầm rì miễn cưỡng lúc ban đầu sẽ là tiếng sầm nổ khi giặc đến.

Cũng trong phạm vi những biện pháp thức tỉnh đồng bào, vận động nhân dân, tưởng nên thiết lập ngay tại mỗi xã một hội đồng trưởng tộc và tại mỗi tỉnh một hội đồng quản hạt gồm đại diện các nghề nghiệp.

Với thành phần như trên, ta không sợ sự len lỏi của Cộng-Sản, ta không ngại sự vận động của lưu manh. Trưởng tộc trong xã-hội Việt-Nam còn là những người có uy-tín trong tộc họ. Đại diện nghề nghiệp là người có cái gì và còn hiểu cái gì đề bênh vực. Như vậy ý kiến của các vị đó đưa lên còn xác đáng hơn là những dự án mỵ dân của những người không đại diện cho ai cả. Hơn nữa những quyết định của trên đưa xuống, do các vị ấy chuyển lại cho con cháu, cho đồng nghiệp sẽ dễ được thi hành Tại Diên-Hồng, vua nhà Trần triệu tập các bô lão đã áp dụng biện pháp đó.

Tất nhiên trong thời gian tình trạng khẩn cấp, Quốc hội lập pháp đã ủy cho Tổng Thống quyền làm luật sẽ ngưng nhóm. Các vị dân biểu sẽ về đơn vị. Chỉ một ban thường trực ở tại Thủ đô cũng đủ. Như vậy guồng máy công quyền thêm nhẹ nhàng mà ngân sách lại giảm được hàng chục triệu bạc. Cũng là một biện pháp thức tỉnh nhân dân.

Nhân dân đã thức tỉnh, nhận chân hiểm hoạ đe dọa đời sống của mình từng giờ từng phút sẽ dễ đoàn kết.

Tuy nhiên trong những lúc đầu, khi quyền dân sự phải nhường bước cho cơ quan quân sự, khó tránh được những sự trục trặc có hại cho bộ máy quốc-phòng. Vì vậy nên mở ngay tại Thủ đô và các tỉnh những khóa hội - thảo quốc-phòng để các công chức cao cấp dân sự và quân sự cùng nhau thảo luận về các vấn đề quốc phòng. Ở Pháp, Viện Đại học Quốc phòng (Institut des hautes étu-

http://tieulun.hopto.org

des de défense nat ō nale) ; ở Anh, Imperial Defence College ; ở Mỹ, National War College ; ở Gia-Nã-Đại, College de Kingston đã đem lại những kết quả rất tốt đẹp : khi hữu sự các cấp dân sự, quân sự đều hiểu rõ quyền hạn, nhiệm vụ của mình cùng các biện pháp phải áp dụng khi lâm biến.

Cương quyết bài trừ thành kiến phân chia Nam, Trung, Bắc trong mọi việc tuyển lựa cũng là một biện pháp đập tan chia rẽ.

Việc bãi bỏ mọi đặc quyền, mọi biệt lệ cũng là một biện pháp thực hiện đoàn kết cần thiết cho công cuộc cứu quốc.

Chính sách khắc khổ đã được nhiều người nói đến. Ai cũng thấy cần phải công bình và được noi gương khắc khổ do các cấp trên nêu lên. Không hẳn là vì thường tình ồ nhân thắng kỷ mà chỉ là thỏa mãn lòng mong mỏi công bằng ở những lớp người từ đời nọ qua đời kia đã chịu lắm bất công. Vả lại không riêng gì dân Việt sẵn sàng chịu mọi cơ cực nếu chung quanh ai cũng cơ cực như mình. Ở Mỹ, ở Anh, ở Pháp, ở Nhật, trong thế chiến vừa qua, vua quan đi bộ, đi taxi, sống thanh đạm, làm cực nhọc đã khích lệ sức chiến đấu của toàn dân rất nhiều.

Những ngân khoản dành được do sự tinh giảm cơ quan, san bằng lương bổng, bãi bỏ biệt lệ, các chi phí tiệc tùng, gia nhân, công thự, công xa — đủ gây thiệt thòi cho một thiểu số — sẽ có ảnh hưởng tốt đẹp về các phương diện tài chánh, quân sự, chính trị. Giáo khu Phát-Diệm đã ngăn chặn được mọi tấn công vũ bão của Cộng-Sản không phải vì anh nghĩa-dũng lương cao bổng hậu, súng ống đầy đủ mà chính tại từ cấp chỉ huy tối cao đến chú liên lạc ai cũng chỉ được một ngày hai bữa. Những lúc ý nghĩ cực khổ thoáng đến, anh nghĩa-dũng thấy cấp chỉ huy của mình còn đói rách cực khổ hơn mình vì vậy giáo khu yên ổn cho đến khi người ta đem nhập nội những bất công thường thấy ở các nơi khác.

Những ai cho các biện pháp trên sẽ thương tổn đến dân chủ, ta chỉ cần nhắc đã đành dân chủ là tự do nhưng cũng còn là trật tự, con người không những chỉ là cái máy tiêu thụ mà còn là dụng cụ sản xuất, trong tình trạng khẩn cấp thái độ thụ hưởng là phá hoại.

QUỐC - DŨNG

Một câu mỉa mai của Rivarol

Rivarol mỉa-mai bóng bẩy mà rất sâu độc tính vụ-lợi quá đáng của Mirabeau bằng một câu nói khiến người ta khó quên :

« Mirabeau có thể làm hết mọi việc vì tiền, kể cả việc thiện ».

http://tieulun.hopto.org

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. O.)

Exclusivités.

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES «
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél: 20.055*

SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

IV

Trần-hương-Tử

KIERKEGAARD, ông tổ hiện-sinh chính-thức



VIẾT về Kierkegaard trong mươi trang giấy? Thực khó quá. Viết một bài tổng-quát về những triết-gia duy-nghiệm hay duy-lý như Hume và Descartes, là việc có thể làm được, còn đưa ra một thiên tiểu luận tổng quát về tư tưởng Kierkegaard, thực là xúc phạm đến lương-tri. Và nhất là xúc phạm đến chính Kierkegaard: triết nhân đã chẳng nhắc đi nhắc lại rằng ông chống lại óc hệ thống của triết-học Hegel là gì? Vì thế chúng tôi rất sợ khi đặt tay viết về Kierkegaard. Chúng tôi không có tham vọng nói lên được điều chi rành mạch và thấu đáo. Chúng tôi chỉ dám hy vọng trình bày một Kierkegaard không nhợt nhạt quá hoặc không biến dạng quá mà thôi. Người ta không thể giản lược đời sống, nhưng chỉ có thể giản-lược một cuốn sách. Vậy mà tư-tưởng của Kierkegaard lại chính là phản-ảnh linh động của cuộc sinh hoạt, và trước hết là sinh hoạt của chính bản-thân ông.

Sau nhiều suy nghĩ, chúng tôi đã chọn cách trình bày sau đây mà chúng tôi tưởng vừa dễ đưa độc giả vào trong không khí hiện sinh của Kierkegaard, vừa có dịp để chúng ta cùng nhau suy nghĩ về một điểm quan trọng nhất của tư-tưởng ông. Trước

http://tieulun.hopto.org

hết chúng tôi sẽ phác lại cuộc đời tư của Kierkegaard, đồng thời chúng tôi sẽ đối chiếu cuộc đời đó với những trang sách mà ông đã viết trong mỗi quãng đời của ông về « những chặng đường hiện-sinh ». Phần sau, chúng tôi dành riêng cho công việc phân tích cuốn *Crainte et tremblement* (Kinh hãi và run sợ), cuốn sách được Kierkegaard quý nhất và cho là hay nhất. Nhờ cuốn sách này —, chúng ta sẽ đi sâu vào trung - tâm - điểm của lý-tưởng con người theo thuyết hiện sinh Kierkegaard.

***

Người ta hay nói : triết Hiện - sinh là triết học của những kỳ chiến bại, và người ta đã nhận xét rất đúng rằng triết Hiện-sinh phát-xuất ở bên Đức với Heidegger và Jaspers liền sau khi Đức quốc thất trận năm 1918, còn ở Pháp thì mãi sau Đại chiến thứ II nó mới xuất hiện với những loạt sách của Sartre và Marcel. Nói thế chỉ đúng một phần : nói rằng triết hiện-sinh đã được đón chào trong quảng-đại quần-chúng sau những thời kỳ bại hoại của xã-hội thì đúng, còn nói triết Hiện-sinh đã phát sinh trên bức tường đổ của chiến-tranh thì không đúng. Triết Hiện-sinh cũng thực sự mọc lên trong đống đổ nát, nhưng là đổ nát tinh thần. Người thường dân sống trong khuôn khổ xã-hội, cho nên bao lâu cái xã tắc còn đứng thì người ta còn sống thản nhiên, không ưu-tư và suy-nghĩ gì hết. Nhưng dưới con mắt tinh-tường của triết-gia, thì nơi cái xã-hội mà ai cũng cho là vững kia, đã hiện ra những dấu-hiệu của suy-đồi. Vì thế, Socrate đã nhìn thấy trước những suy-vong của Hy-lạp, những suy-vong bắt nguồn tự trong những thói xấu và những tệ-đoan đang nghiễm-nhiên được công-nhận làm tôn-chỉ hành-động cho những «người lương-thiện». Người «lương-thiện» là người của chế-độ, cho nên người đó không thể nhận-thức được sự thực, và không thể nào hoài-nghi về sự chính-trực của chế-độ. Chỉ có triết-gia mới có khả-năng nhận-thức. Socrate đã nhận-thức về thời-đại ông, và Kierkegaard đã nhận-định về thời-đại mình. Triết-học Kierkegaard là bản tuyên án tử-hình cho triết-học duy-niệm mà đại-diện đáng kể nhất là Hegel, cũng như xưa Socrate đã lên án cho bọn Ngụy-biện (sophistes) và tất cả những triết-gia muốn phóng-thể con người bằng cách dạy con người quên mình đi để chuyên-chú khảo-xát về những lẽ huyền-vi của Thiên Địa.

Nói thế, chúng tôi chỉ có ý nhắc rằng : triết Hiện-sinh đã phát-xuất tự những suy-tưởng của Kierkegaard, còn Heidegger hay Jaspers, Sartre hay Marcel chẳng qua chỉ là những triết-gia đào sâu thêm và có công phổ-biến mà thôi. Về điểm này, J.Wahl đã viết rất đúng : «Triết Hiện-sinh đã khởi-sự nơi những suy-niệm thuần-chất tôn-giáo của Kierkegaard.., Tất cả nền triết-học Hiện-sinh đã phát-xuất tự những suy-nghĩ của Kierkegaard về những uẩn-khúc của đời sống tư của ông, về cuộc đính-hôn của ông và về sự ông không thể thông - hiệp với vị-hôn-thê của ông » (J.Wahl, *Les philosophies de l'existence*, A. Colin, Paris 1954, p.7-8).

Tóm lại triết-gia thấy trước những đổ-nát tinh-thần, còn quần chúng chỉ

http://tieulun.hopto.org

nhận-thức được những đổ-nát tinh-thần đó qua những sụp-đổ vật-chất mà thôi. Triết-học Kierkegaard phải đợi một thế-kỷ sau mới được người đời hưởng-ứng. Năm 1845 là niên-hiệu cuốn «*Etapes sur le chemin de la vie*» (Những chặng đường đời) được coi là giữa mùa hoa của đời tư-tưởng Kierkegaard. Năm 1945 được coi là lúc triết Hiện-sinh đã trở thành toàn thịnh.

Soeren Kierkegaard sinh ngày 5 tháng 5 năm 1813 tại Copenhague. Thân-phụ ông là Mikael Kierkegaard, một chủ tiệm tạp-hóa khá giả, tính-tình bi-quan và độc-đoán. Ông ta bi-quan vì nhiều truyện : trước hết là truyện gia-đình ông và sau là truyện tâm-hồn ông. Nguyên quán ở vùng nhà quê, miền Jutland, ông đã trải qua những ngày nghèo khổ của cảnh chăn cừu : chính ở đây, có lần vì đau khổ quá, ông đã ngạo-mạn chửi Trời. Tội này ám ảnh ông xuốt đời và còn ám ảnh đời người con út của ông là Soeren Kierkegaard. Sau khi được 12 tuổi, Mikael Kierkegaard bỏ nhà quê để kiếm cách sinh-nhai ở Thủ-đô Copenhague : ông làm nghề buôn mũ và tạp-hóa, và chỉ trong ít năm đã trở thành giầu có. Khi được tứ tuần, ông thấy không cần buôn bán nữa : của đã dư dật mà tâm-hồn ông cần được an-tĩnh để cầu nguyện. Giữa lúc đó, bà vợ thứ nhất của ông chết ; ông cưới bà thứ hai, và đời vợ này ông mới có con, 7 người con, Soeren (triết-gia của chúng ta) là con út. Hầu hết những người con này đều chết yểu, cho nên trong gia-đình ông ai cũng tin rằng đó là « tai-họa Thiên Chúa giáng xuống trên đầu kẻ lộng ngôn xưa kia ». Sau này chính triết gia Kierkegaard nhiều lần viết trong Nhật-ký của ông rằng : cha ông là một ngành khô héo sẽ chứng kiến cái chết của các con mình, vì các người con đó không một ai sẽ sống đến tuổi 34. Thực sự, họ đều thay nhau chết sớm vào tuổi thiếu-niên, hoặc cùng lắm là 33 tuổi. Cũng vì thế, khi được 34 tuổi, Soeren Kierkegaard đã ăn mừng một bữa với chúng bạn.

Tuy nhiên nỗi mừng thì ít mà nỗi lo thì nhiều. Tất cả đời sống của S. Kierkegaard đã thấm nhuần những âu-lo của thân-phụ ông. Cha ông yêu người con út, và thường chỉ thích dẫn cậu bé đi chơi và với mình qua những nơi tịch mịch. Mẹ ông không ảnh-hưởng chi đến đời tình-cảm suy-tưởng của ông. Mẹ ông chỉ qua đời khi ông đã 21 tuổi, vậy mà các trang nhật ký của ông không dành phần nào cho bà hết. Trái lại hình-ảnh cha ông luôn luôn xuất hiện và khi cha ông quá cố năm 1838, (lúc đó ông được 25 tuổi) ông đã vô cùng bồi-hồi ghi lại những dòng sau đây : « Cha tôi vừa qua đời. Ước chi ngài sống thêm mấy năm nữa. Tôi coi cái chết của ngài như hy-sinh cuối cùng ngài đã chịu vì yêu tôi. Cái chết này chẳng những không chia rẽ ngài khỏi tôi, nhưng thực sự *cha tôi đã chết vì tôi, ngài chết để cho tôi sống*. Tất cả những gì tôi đã thừa hưởng của ngài, nhất là hình ảnh của ngài, đối với tôi, nay càng trở nên quý giá ».

Nhìn lại cuộc đời của S. Kierkegaard, người ta thấy khi ở trường tiểu-học, cậu đã tỏ ra ngoan ngoãn và trầm-ngâm khác thường. Chúng bạn thường chế cậu ta là « con ông sãi ». Chính S. Kierkegaard cũng tự nhận là « không hề biết tuổi nhi-đồng ». Trong nhật-ký sau này, ông tự xưng là

http://tieulun.hopto.org

« con của tuổi già ». Và « Các trẻ khác chơi đùa. . . », nghĩa là các trẻ chúng bạn ông chơi đùa, còn ông thì chỉ suốt ngày suy-nghĩ. Ông suy-nghĩ quá sớm. Những lời nói của cha ông, hình ảnh của Chúa Cứu-thế chịu đóng đanh mà cha ông hay gợi ra trước đôi mắt đầy suy-tư của ông, làm ông đêm ngày sống trong trầm-mặc. J.Wahl viết : « Còn là thiếu-nhi mà S.Kierkegaard đã sống như một kẻ lão-thành. Hình ảnh của Chúa chịu đóng đanh không bao giờ xa ông nữa : hai cha con ông là hai người trầm mặc nhất của loài người tự trước đến nay ». (J.Wahl, *Etudes kierkegaardiennes* Vrin, Paris 1949, p. 2).

Khi được 17 tuổi (năm 1830), S.Kierkegaard ghi tên học Thần-học ở Đại-Học Copenhague. Cha ông và người anh cả của ông muốn như thế, còn chính Soeren không để tâm vào việc học bao nhiêu. Theo những trang nhật-ký của ông, người ta thấy ông « ham đi nghe hoà nhạc và đàm thoại về văn-chương trong các tửu-quán ít ra cũng bằng đi nghe giáo-sư ở Đại-học giảng về Thần - học và Triết - học » (P. Mesnard, *Le vrai visage de Kierkegaard*, Beauchesne, Paris 1948, p 49). Đàng khác, ông bắt đầu viết nhật-ký ngay tự năm thứ hai Đại-Học. Trong các trang nhật-ký đó, người ta thấy ông ít để tâm ghi chép những lời các ông thầy dạy bằng ghi lại những ý-nghĩ riêng của ông (1)

(1) Như chúng ta biết, triết Kierkegaard chỉ là những suy-nghĩ của ông về cuộc đời riêng của ông, về những phiêu-lưu của cuộc đính hôn giữa ông và nàng Régine cùng là về tình-trạng tôn-giáo quá duy-lý của nước Đan-mạch thời đó đã quá dễ dàng đánh cánh với triết Hegel để bỏ mất phần siêu-việt đặc-sắc của tôn-giáo. — Ba chặng đường dưới đây là ba giai đoạn trong đời sống của Kierkegaard : ông đã thực sự trải qua ba chặng đường đó. Và ông coi chúng là điển-hình cho ba cách sống của con người ta. Tuy nhiên, muốn sống cho ra người hiện sinh, nghĩa là muốn trở nên con người có giá trị đích-thực, chúng ta phải bắt chước Kierkegaard vượt qua hai giai-đoạn trên để vươn tới giai-đoạn cuối cùng là giai đoạn tôn-giáo. — Nơi mỗi giai-đoạn, chúng ta sẽ chú ý xem Kierkegaard mô-tả những tình-trạng và những vẻ đặc-sắc của mỗi đợt sống. Giữa những giai đoạn đó, có một tương quan biện-chứng, nghĩa là mỗi giai-đoạn đều mang trong mình cái mầm-mống sẽ tiêu hủy nó : chẳng hạn Khoái-lạc mang mầm-mống Chán-nản và ê-chề (Chán-nản sẽ làm cho chàng Don Juan tỉnh-ngộ), Đạo-hạnh mang mầm-mống Hài-hước (humour) v v.. Khi đọc ba Giai - đoạn, chúng ta nên coi đó là ba bước để đi tới Hiện-sinh chính-thực của Kierkegaard, đừng coi chúng một cách rời rạc.

✱ **Giai đoạn Hiếu - cảm.** — Với những năm đầu ở Đại-học, Kierkegaard bắt đầu gieo mình vào đời sống trụy-lạc Sau này khi viết sách, ông gọi quãng đời này là *Giai-đoạn Hiếu-cảm* (stade Esthétique). Đây là đời sống của con người mê sắc và mê theo những cảm-giác nhục-dục. Thực sự ông có đi tới những thí-nghiệm tội-lỗi mà ông mô-tả về con người Hiếu-cảm không ? Khó mà biết rõ được. Các học-giả như Bohlin thiên về cách hiểu rằng : những tội-lỗi mà sau này Kierkegaard luôn luôn nhắc đến một cách ân-hận, có thể chỉ là những « trụy-lạc của trí tưởng-tượng mà thôi », hoặc cùng lắm là những trụy-lạc của cảm giác thẩm-mỹ. Chẳng hạn như trang sau đây của ông viết sau khi nghe bản nhạc-kịch *Don Juan* của Mozart : « Hãy nghe những thanh-âm dịu dàng và ấm-áp của đàn vĩ-cầm ; hãy nghe tiếng gọi của khoái-lạc và những giao động của dục-tình ; hãy nghe nỗi điên-cuồng toàn thắng của lạc-thú ; hãy

http://tieulun.hopto.org

nghe sức thúc-bách như nước vỡ bờ của đam-mê ; hãy nghe nhịp thở của ái-tình ! Hãy nghe giọng rủ rỉ của cám dỗ ! Hãy nghe này, hãy nghe bản *Don Juan* của Mozart ! » (*Le Banquet* ; dẫn trong P. Mesnard, Op. cit..p 58).

Dầu sao, người ta nắm được hai sự kiện nầy : thứ nhất Kierkegaard đã dùng những năm đầu ở Đại-Học để chơi bời *phiêu-đãng* như một kẻ giang-hồ, đến nỗi có năm (như năm 1836) ông xài hết số tiền cha ông cho, rồi còn nợ nần một số tương-đương với 25.000 đồng bạc ta nữa. Sự kiện thứ hai : cũng trong năm 1836, Kierkegaard bắt đầu suy-nghĩ nhiều về *tội-lỗi*, một đề-tài trước kia ông chưa để ý tới, nhưng tự nay sẽ không bao giờ rời bỏ ông.

Bây giờ chúng ta hãy xem những nét ông dùng để tả người Hiếu-cảm, qua cuốn sách của ông nhan-đề là « *Nhật-ký của chàng dụ-dỗ gái* » (Journal du Séducteur). Chàng ký tên là Johannes, và nàng là Cordelia (Johannes tức cũng chính là Juan hay *Don Juan*, điển hình của loại Sở Khanh giang-hồ trong văn-chương Tây phương ; còn Cordelia, ta tạm dịch là cô *Tâm*). Cuốn Nhật-ký này ghi lại tất cả những gặp gỡ, những cảm xúc, những tiến triển của ái-tình : cứ sau mấy trang ký-sự, người ta lại được đọc những bức thư đi thư về của chàng Sở Khanh, những bức thư có thể dùng làm mẫu cho những cậu con trai si-tình của mọi thời. Đây là một mẫu : « Tâm yêu của anh. « Của anh », nói lên nghe thâm-thú-y làm sao ! Nói « của anh » không có nghĩa là em là của anh, nhưng chính là anh đã thuộc về em hoàn toàn, cũng như khi ta nói « Chúa của tôi » (mon Dieu) thì ta xưng ra ta là tôi con của Thiên Chúa. Nếu không có nghĩa đó, thì trời sẽ sa và đất sẽ sụp, em nhỉ . . Người ta kể rằng ngày xưa thần Sông yêu mê-ly một cô thiếu-nữ, thì em ạ, tâm-hồn anh cũng là một thần Sông say-mê em. Cho nên có những lúc yên trời, hình-ảnh em sáng rực trên mặt nước sông ; còn những lúc sóng tình nổi dậy, thì con sông nhào lên nhào xuống như muốn dìm hình ảnh kia vào sâu trong lòng mình ». (*Le Journal du Séducteur*, in lại trong cuốn *Ou bien... Ou bien...* bản dịch của nhà Gallimard, p 316-317).

Nhìn vào bản-tính của ái-tình kiểu Don Juan, chúng ta thấy ái-tình này được cấu-tạo toàn bằng dục. *Dục* theo cả hai nghĩa : nhục-dục và dục-vọng. P Mesnard gọi nó là « phàm dục » (cette gloutonnerie du désir. Op. cit., p. 191). Tôn-chỉ của ái-tình này là : hưởng cho nhiều, luôn luôn thay đổi cách hưởng lạc. Đối với Don Juan, thì cô nào cũng đẹp và mỗi cô có một vẻ đẹp khác nhau : cho nên anh chàng phải tìm cách hưởng hết lượt :

> « Bao nhiêu thiếu nữ là bấy nhiêu cái đẹp, không bao giờ có hai vẻ đẹp giống nhau. Khi tôi đã xem và ngắm ngía từng trăm vẻ kiều-mỵ đó, nghĩa là sau khi tôi đã cười duyên, than thở, tán tỉnh hoặc đe loi, cười, khóc, hy vọng, chán nản, được, thua..., bây giờ tôi hồi tưởng lại tất cả, thì lòng tôi rạo rực và tình dục tôi bốc cháy. Đúng rồi, tôi mê cô ấy, chính cô ta sẽ thuộc về tôi ». (*Journal du séducteur*)

Nhưng cô ấy là cô nào ? vì cô nào cũng đẹp, mỗi cô đẹp một vẻ, « mỗi

http://tieulun.hopto.org

người một về mười phân vẹn mười » ! Cái thói chơi Xuân của chàng Juan là ong bướm đậu rồi lại bay, cần bay đi, bay mãi để hưởng những « của ngon vật lạ ». Vì thế khi chàng tự hỏi cái cô mà chàng say mê nhất, thì chàng đâm lúng túng không biết cô đó là cô nào, cô đó *có thật* hay chỉ là một thiếu nữ « lý-tưởng » trong mộng, một nàng tiên mà chàng còn đang chạy theo và chưa gặp thấy ? Đó là ý nghĩa trang Nhật-ký sau đây :

« Si-tình, khoái thực ; nhất là khi người ta biết mình si-tình. Và đó chính là điểm quan-trọng. Tôi có thể vô cùng bực-tức vì nàng lại biến mất rồi, mất lần thứ hai. Nhưng theo một phương-diện, điều này làm tôi thích thú : hình-ảnh của nàng bây giờ lúc ẩn lúc hiện, khi như *có thực*, khi lại xem như *huyền-ảo*... Và tôi tự lấy làm sung sướng được coi mình như con cưng của chư thần ; có là con cưng của chư thần mới có diễm phúc *si-tình lần thứ hai*... Ái-tình còn mang nhiều huyền-nhiệm, mối-tình thứ nhất đã huyền-diệu lắm ; chưa bằng mối tình thứ hai này... Hai lần nàng đã đến, hai lần nàng lại biến đi : điều này chứng tỏ rồi đây nàng còn đến với tôi nhiều lần hơn nữa ». (*Journal du Séducteur*, p. 261). (1)

Don Juan lao đầu chạy theo bóng hồng, và đó thực chỉ là những cái bóng. Người đàn bà chỉ đẹp ở xa xa : « Người đàn bà chỉ ám ảnh người đàn ông khi người đàn ông chưa chiếm được họ » (Dẫn trong Mesnard, Op. cit., p. 203). Và khi cô con gái mơn mởn xuân kia chưa vào tay ai, thì cô ta tưởng mình có thể làm bà hoàng, bởi vì thiếu chi những ông hoàng cưới những cô bé Lọ Lem. Nhưng chỉ sau vài năm, thì nàng tiên mà Don Juan theo đuổi kia đã trở thành « bà Bang bán bánh bèo » ở góc chợ ! Tình trạng này dần dần gieo chán-nản vào lòng Don Juan. Chán nản và nhọc mệt. Trong lúc chán nản ngồi thừ ra như thế, Kierkegaard đã viết câu ngạo mạn sau đây, có ý nhại lại câu Tháng Kinh « Tự nguyên-thủy đã có Ngôi Lời » (Jean I, 1) :

> Tự nguyên-thủy đã có Chán - nản (Au commencement était l'ennui) Vì chán-nản, chư thần đã sáng-tạo nên con người. Rồi Adam, nguyên-tổ chúng ta cũng chán-nản vì cô đơn, cho nên bà Eve được tác-tạo. Rồi tự đó, cùng với sự phát triển của loài người, chán-nản cũng phát-triển và lan tràn khắp thế giới. Adam một mình đã chán nản. Khi Adam ở với Eve, thì hai mình cũng chán-nản ; khi có thêm hai con là Cain và Abel, thì cả gia-đình cùng chán-nản, và khi có cả một loài người đông đúc, thì cả lũ người cùng chán-nản » (*Le Banquet*, dẫn trong Mesnard op. cit., p. 204).

Không những chán-nản, chàng si-tình còn *đau-khổ* nữa. Đây là một yếu-tố tâm-tình hoàn toàn mới : trước đây Don Juan chỉ biết say sưa đi tìm hoa và lạc thú. Khi đó anh chàng như người mất trí,

(1) Ở đây ta thấy Kierkegaard cho sự kiện « si tình lần thứ hai » là điều may phúc, chư-thần chỉ dành cho những người con cưng. Nhưng sau này, ở giai-đoạn Đạo-hạnh, Kierkegaard sẽ cho tính cách ong bướm này là « đáng điếm », bất trung và thiếu đồng-nhất-tính là tính-chất căn-bản của nhân-vị.

http://tieulun.hopto.org

chưa hồi-tỉnh về hành-động của mình. Họa may anh có suy-nghĩ, thì chỉ là suy-nghĩ kiếm cách nào hiệu-nghiệm để đạt được cô nọ cô kia. Anh chưa nghĩ gì về anh hết. Nay, sau nhiều ngày chán-nản, anh ngồi nghĩ lại : Anh thấy khấy khổ tâm. Trước hết anh thấy những đau khổ của người mà anh đã « yêu » một cách ích-kỷ : ái tình nông nổi đã gây bao đổ vỡ trên những cuộc đời xuân kia. Don Juan (chính là Kierkegaard trong giai đoạn này) bây giờ mới nhận ra tội ác của mình : bao nhiêu thắng lợi trước kia của chàng là bấy nhiêu chết chóc của những người mà chàng bảo là chàng yêu. « Những ái tình dở dang đó là những thiên tình-sử đau đớn nhất trong đời. Và cũng là những nỗi đoạn trường thấm thía và độc ác nhất ».

✱✱ **Giai-đoạn Đạo-hạnh.** – Năm 1840, Kierkegaard đính-hôn với nàng Régine Olsen. Chấm dứt thời kỳ phiêu-đãng. Khi đó thân phụ của ông đã quá cố được hai năm ; người anh cả của ông khi đó đã thành mục-sư, nghe tin này, hết sức khuyến-khích ông, vì hy vọng rằng cuộc đời gia-đạo sẽ cải-thiện ông. Soeren Kierkegaard làm quen với nàng Régine tự 3 năm trước đây. Hai bên đã thừa đủ thời giờ hiểu biết nhau : chàng biết nàng là một tâm-hồn chân-thành và ngây thơ, nàng cảm-phục trí thông-minh và sự hiểu biết tâm-lý của chàng. Nên biết nàng đã được một thanh-niên tuấn-tú khác theo rồi : thanh-niên đó là Frédéric Schlegel, lúc đó là một trang thanh-niên trí-thức đầy tương-lai và sau này được bổ nhiệm chức toàn-quyền quần-đảo Antilles. Régine không để ý tới Schlegel, mặc dầu chàng yêu nàng tha-thiết và chàng có một tương-lai huy-hoàng. Régine chỉ yêu Kierkegaard thôi; vì yêu chàng nên nàng sẽ điêu đứng vì chàng, vì những lưỡng-lự và sau cùng vì sự chàng đã đẩy nàng tới chỗ hai bên phải đoạn-tuyệt trong thương nhớ. Tất cả đều do tâm-hồn quá phức tạp của Kierkegaard.

Phức-tạp và do-dự. Đó là tình-trạng tâm-hồn Kierkegaard thời đó. Ông thầm yêu và theo rõi nàng tới một năm trời, mà vẫn chưa dám tỏ tình với nàng : «Thời kỳ quyết-định đã gần. Một năm nay rồi, nghĩa là tự hôm tôi thấy nàng lần đầu tiên và đâm mê nàng, tôi vẫn theo rõi nàng khi ở nhà cũng như khi ra đường ; nhưng nàng không biết chi hết... Tôi biết mỗi tuần nàng đi học âm-nhạc một lần : tôi hỏi được địa-chỉ nhà ông giáo dạy nhạc, và may quá, liền bên cạnh có một hàng bán bánh ngọt. Thế là tôi ngồi trong hàng bánh để rình nàng khi đến và khi về». (*Etapes sur le chemin de la vie*, Gallimard, p. 166-167).

Rồi chính khi chàng chuẩn bị tỏ tình và xin đính-hôn với nàng, người ta đã thấy những do-dự và băn-khoăn lộ ra : «Đã một năm rồi. Tôi đếm từng phút. Tôi đã nghĩ nhiều : phải cưới được nàng, nếu không sẽ không lấy ai hết. Xin Chúa phù-hộ cho hạnh-phúc của chúng tôi. Nhưng có lẽ tôi không dám xin cưới nàng, hoặc là cưới nhưng với điều hiện là không coi nàng như vợ, mà chỉ là một cái gì ích lợi cho tôi thôi... Nói thực ra, tôi sợ nàng ưng cũng bằng sợ nàng chối. Vì tôi quen sống trong trầm lặng với những ý-nghĩ u-ẩn, có lẽ nàng chối lại hay cho tôi hơn». (*Etapes*...p.169). Nhưng điều phải

http://tieulun.hopto.org

đến đã đến : Kierkegaard xin đính-hôn với Régine. Cả hai họ cùng mừng. Régine mừng lắm. Chỉ riêng Kierkegaard cũng mừng, nhưng không mừng được mấy ngày. Vẻn vẹn sau một tuần lễ, chàng đã viết cho nàng những bức thư xin lỗi và muốn hủy-bỏ cuộc đính-hôn đó. Nàng bị điên đảo, nhưng quyết một lòng thủy-chung, cho rằng chàng có tâm-hồn quá tế-nhị. Còn Kierkegaard lại không nghĩ thế : chàng nhất định không thành-hôn ; không phải vì chàng yêu ai khác, nhưng chỉ vì chàng đã hoàn toàn thất-vọng. Chàng đã hy-vọng nhiều vào nàng, coi nàng như người vợ lý-tưởng duy-nhất. Nay sau nhiều năm, chàng vẫn thấy nàng không thể cùng chàng chung sống cuộc đời tôn-giáo, cho nên đoạn-tuyệt với nàng là đoạn-tuyệt với đời sống phu-phụ.

Khi đính-hôn với Régine, Kierkegaard đã tưởng có thể thực-hiện lý-tưởng của ông trong đời sống gia-đạo. Nói cách khác, ông đã muốn dấn thân vào *Giai-đoạn Đạo-hạnh* (Stade Ethique). Nhưng ông đã thất vọng về nàng Régine. Và đây là những lý-do : « Đây là đầu đuôi câu truyện. Nàng là một thiếu nữ duyên dáng và nết na, nhưng nàng thiếu hẳn những đức-tính tôn-giáo. Về phương-diện tôn-giáo, người ta thấy nàng coi Thiên Chúa như một ông cậu có tuổi và quảng-đại, luôn luôn chiều theo ý các cháu... Nàng biết tôn-giáo và hay nói đến Chúa. Nhưng nàng có thể yêu một người thanh-niên hơn yêu Chúa ». (*Etapes*... p. 193). Đối với một người ít những đòi hỏi về tôn-giáo, nàng Régine là một người vợ lý-tưởng, nàng chân thành, vui tính, thận trọng, tâm-hồn nàng vừa ngây thơ vừa giầu tình yêu tha-thiết. Nhưng Kierkegaard đòi người yêu phải cùng chàng vươn lên tới *Giai-đoạn Tôn-giáo* (Stade Religieux). Đó là điều nàng tỏ ra bất lực, mặc dầu những cố gắng của chàng để giúp nàng về phương-diện ấy. Cho nên Kierkegaard viết về nàng : « Đã một năm rồi. Xem ra nàng không có lấy một ý-niệm gì về tôn-giáo. Nàng cần phải được biến-cải, Nhưng khổ cho tôi, nàng cứ ngây thơ như một đứa trẻ, và những bàn giải của tôi có ảnh-hưởng gì mấy đối với nàng đâu ? Và tôi cũng không nên kèm nàng dữ quá, kẻo trở thành ông thày dạy đạo của nàng chăng (son catéchiste) ? Ước chi tôi thành công trong việc nâng nàng lên, hay nói đúng hơn, ước chi nàng biết tự mình vươn lên tới mức bay liệng trong không-khí tôn-giáo ; khi đó mọi sự sẽ tốt đẹp cả... Nhưng không, nàng chỉ trầm mặc khi ở yên một mình, còn hễ có ai thì nàng lại vui vẻ như thường ». (*Etapes* p. 185).

Kết cục, vì không đưa nàng lên mức sống tôn-giáo sâu xa như chàng được, Kierkegaard đành tìm cách đoạn tuyệt với nàng. Để nàng khỏi bị đau đớn quá, chàng tìm cách làm cho nàng khó chịu đến tột bậc : chàng cố tình làm cho nàng tưởng lầm rằng chàng tồi tàn, giở hơi và độc ác. Chàng làm ra bộ thế để nàng, chính nàng xin đoạn tuyệt, chớ không phải chàng muốn thế. Đọc lại những trang Nhật-ký của kỳ này, người ta thấy Kierkegaard ruột đau như cắt, vì chàng yêu nàng vô cùng mà lại phải làm bộ lạnh lùng và độc ác với nàng. Sau này khi Régine trở về với người tình-địch của Kierkegaard là Schlegel và cưới Schlegel rồi, Kierkegaard vẫn một niềm yêu và nhớ nàng. Hình ảnh

http://tieulun.hopto.org

nàng hiện ra ở mỗi trang của những sách mà chàng viết sau này cho đến khi chàng chết năm 1855.

Nhìn vào tính chất của *Giai-đoạn Đạo-hạnh* (Stade Ethique), chúng ta thấy có một sự vượt bậc đối với Giai-đoạn Hiếu-cảm: tôn-chỉ sinh-hoạt của người Hiếu-cảm là phiêu-đãng, còn tôn-chỉ của người Đạo-hạnh là *trung-tín*. Chủ đích của người Hiếu-cảm là khoái-lạc, và chủ đích người Đạo-hạnh là *nhiệm-vụ*. Người hiếu-cảm là người sống qua ngày, còn người đạo-hạnh thì sống cho một tình yêu vĩnh-cửu. Đó là điểm khác nhau căn-bản giữa hai hình-thức ái-tình, ái-tình của chàng Don Juan và ái-tình của người chồng trong gia-đạo. Kierkegaard coi sự trung-tín của đôi vợ chồng là cái làm cho ái-tình của hai người có tính-cách vĩnh-cửu và thần-thánh: « Tình yêu của đôi vợ chồng là tình yêu xây trên cảm-giác, nhưng tình yêu nầy trở nên cao trọng vì lời thề sắt son, hai người sẽ yêu nhau mãi mãi, muôn đời. Chính tính-chất vĩnh-cửu này phân biệt tình yêu chính-thực và sự đam-mê nhục-dục ». (*Ou bien..Ou bien...*, dẫn trong Mesnard, p. 228). (1)

Kierkegaard đã để lại những trang sách hùng-hồn và cảm-động về tình yêu của đôi vợ chồng. Ông chống lại những kẻ coi gia-đạo là mồ chôn ái-tình: những câu trả-lời của ông thực là chân-thành và quyết-liệt. Theo ông thì tình yêu của đôi vợ chồng mới đáng gọi là tình yêu, và tình yêu là bản-chất của đời vợ chồng: « Tình yêu là yếu-tố cốt-tử của cuộc hôn nhân. Nhưng hôn-thú và tình yêu, cái nào sinh ra cái nào?... Hôn-thú không phát-sinh ái-tình, nhưng giả-thiết là đã có ái-tình rồi. Tuy nhiên tình yêu đó không phải là đã qua, nhưng còn mãi ngày nay và sau này. Rồi đời sống gia-đạo mang đến cho hai người một yếu-tố mới, yếu-tố không có trong tình yêu: đó là yếu-tố đạo hạnh và tôn-giáo. Chính vì thế, đời sống gia-đạo xây trên nhẫn-nại, còn ái-tình thì không biết nhẫn-nại là chi » (*Ou bien... Ou bien...*, p. 372-373). Yếu-tố *nhẫn-nại* này là mào đầu để Kierkegaarh ca tụng giá-trị của đời sống gia-đạo, nhất là đức-tính trung-thành của tình yêu vợ chồng. Trong nhiều trang, Kierkegaard gọi tình yêu phu-phụ là « mối tình đầu-tiên »: tình yêu giữa đôi vợ chồng là tình yêu đầu-tiên và cũng là tình yêu sau chót. « Mối tình đầu-tiên » này quý trọng vì nó vững bền như Thiên Chúa: chính Thiên Chúa bảo đảm sự trung-thành của đôi vợ chồng, cho nên mối tình đầu-tiên này sẽ là mối tình duy-nhất của hai người cho đến muôn đời muôn kiếp.

Bọn ích-kỷ sẽ cãi lại rằng: đời sống gia-đạo giết chết ái-tình, vì sống trong gia-đình là sống những chuỗi ngày đều đặn và buồn tẻ. Kierkegaard trả lời: « Tình yêu vợ chồng có thể coi thời-gian là thù-địch của mình, và cũng có thể coi thời-gian là giá-trị và là nơi toàn thắng của mình ». (Ibid., p. 450). Mọi sự tùy ở tình yêu có chân-thành không. Khi tình yêu chân-thành, thì nó thắng được tất cả mọi trở ngại. Người mình có câu: « Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn ». Thánh Kinh có câu: « Tình yêu mạnh như

(1) Trung-thành và vĩnh-cửu là những đặc-tính của tình-yêu chân-thực. Khi cưới nhau, hai người coi nhau như « bạn trăm năm » nghĩa là sẽ *suốt đời trọn tình với nhau*. Khác hẳn tâm-hồn chàng sở khanh đàng điếm.

http://tieulun.hopto.org

sự chết ». Cho nên Kierkegaard đã hoà theo : « Tình yêu phu-phụ thật là mạnh, mạnh hơn cả thế giới hợp lại ». (Ibid., p 417). Khi tình yêu đã mạnh như thế, thì còn gì mà nó không thắng nổi ? Cho nên tình yêu phu-phụ sẽ làm cho cuộc sống thường nhật, người ngoài coi là buồn tẻ vì quá đều đặn, lại trở nên phong-phú và đầy ý-vị : « Tình yêu trong gia-đạo giống như dòng suối kia. Tôi thường thích đến ngồi bên bờ suối : vẫn một dòng nước đó mãi, vẫn một điệu nhạc rì rào, vẫn những làn cỏ xanh, vẫn những gợn sóng li ti và vẫn những con cá nhỏ ấy. Coi đều đặn quá, nhưng cũng biến đổi thay ! Những chuỗi ngày trong gia-đạo cũng thế, coi đều đặn lắm, nhưng thực sự là đầy những đổi mới cho những ai sống trong đó ». (Ibid., p , 453-454).— Sau cùng, Kierkegaard trả lời những kẻ viện lý rằng căn-bản của đời sống gia-đạo là *Bổn-phận*. Theo những kẻ kia, thì bổn phận sẽ giết chết ái-tình. Kierkegaard bảo họ rằng họ lý-luận sai vì họ coi hai cái đó như hai sự kiện khác nhau. Thực sự không phải thế : « Anh coi bổn-phận như kẻ thù của tình yêu, còn tôi coi chúng là bạn thân. Người sống trong đạo phu-phụ không lý-luận như anh, nghĩa là họ không phân biệt tình yêu một bên và bổn phận một bên như anh vừa nói. Đối với hai vợ chồng, mọi cái đều xuất diễn trong tình yêu, cho nên bổn-phận cũng nằm trong tình yêu... Nếu tình yêu không thắng nổi sự gay go của bổn-phận, thì tình yêu đó không mạnh vô song. Mà không mạnh vô song, thì không phải là tình yêu phu-phụ ». (Ibid., p., 456). Saint Augustin đã viết một câu rất xưa và rất thâm-thúy : « Đã yêu thì không biết quản ngại » (ubi amatur, non laboratur).

Tóm lại, người Đạo-hạnh là người sống trung-thành với bổn-phận. Đời phu-phụ mang lại cho con người những giá-trị tinh-thần đáng kể : và giá-trị cao quý nhất có lẽ là tính-chất trường-cửu và vĩnh viễn của tình yêu phu-phụ mà Kierkegaard đã nói đến trên đây. Ông *còn nói thêm* rằng : đời sống gia-đình là trường dạy đức-tính cho con người : « Tôi quyết rằng gia-đình là trường dạy cho con người có đức-tính (école de caractère) ». (*Ou bien... Ou bien...*, p. 396). Sánh với người Đạo-hạnh, nghĩa là người sống trong gia-đạo, thì những kẻ sống phiêu lưu như Don Juan thiếu bản lịch-sử : bọn Don Juan là những kẻ mà Kierkegaard nói rằng : « Ở nhà buồn quá, họ đi du lịch ngoại-quốc ; ở ngoại-quốc cũng buồn, họ lại về để chịu buồn ở nhà vậy. Để có bạn bè, họ nuôi một con chó thực choai v. v... » (Ibid. p. 404). Trái lại, chính sự trung-thành làm cho người Đạo-hạnh có lịch-sử, mà lịch sử tính là chính nền tảng đời sống tinh-thần của con người : « Tình yêu trong gia đạo có tính-chất lịch-sử vì tình yêu đó biết quy tất cả những biến-cố của dĩ-vãng vào cuộc sống hôm nay : tình yêu đó không đứng ngoài để nhìn vào những biến-cố đó, nhưng chính nó đồng-hóa mình với sự tiến-diễn đó ». (Ibid. p. 419 et 420).

Đời Đạo-hạnh cao đẹp thay ! Nhưng cũng hiếm thay ! « Tình yêu chân-chính là điều hiếm có ; đời sống gia-đạo đích-thực lại càng họa hiếm hơn ». (Dẫn trong P. Mesnard, p 261). Sự thực, Kierkegaard đã không sống trong gia-đạo : ông không lấy vợ, không phải vì ông cho rằng đời gia đạo không tốt cho con người, nhưng chỉ vì riêng đối với hoàn cảnh giữa ông và nàng Régine, ông thấy rằng đời phu-

http://tieulun.hopto.org

phụ sẽ làm chướng-ngại đời sống Tôn-giáo của ông. Mà đối với Kierkegaard, thì bất cứ ai đều phải vươn lên tới *Giai-đoạn Tôn-giáo* (Stade Religieux).

✱✱✱ **Giai-đoạn Tôn-giáo.**— Năm 1840, Kierkegaard đính-hôn với nàng Régine nhưng, như chúng ta biết, chỉ sau mấy ngày ông đã viết thư cho nàng để xin hủy bỏ lời giao-ước. Trong quãng bảy tám tháng trời, mối tình dở dang đó giày vò Kierkegaard và Régine, cho đến ngày 11 tháng 8 năm 1841, Kierkegaard gửi trả lại nàng Régine chiếc nhẫn đính-hôn, và ngày 11 tháng 10 năm đó, hai bên mới hoàn toàn đoạn-tuyệt với nhau. Về quãng đời này của Kierkegaard, R. Verneaux đã viết : « Thấy rằng không thể tâm-hiệp ý-đồng với nàng, chàng nhất định bẻ gẫy cuộc đính-hôn. Nhưng để nàng khỏi quá đau đớn, chàng tìm cách dập tắt ái-tình trong hồn nàng. Tâm-hồn chàng tơi bời, khi chàng làm bộ lạnh-lùng với nàng trong nhiều tháng. Khi cuộc đoạn-tuyệt đã xong, Kierkegaard còn lại một mình với một mình Thiên Chúa, để sẵn sàng chu-toàn sứ-mệnh của ông. » (R. Verneaux, *Leçons sur l'Existentialisme*, Téqui, Paris 1949, p. 25). Sứ-mệnh của ông là mang Tôn-giáo lại cho triết-học, và đem con người trở về với Thiên Chúa : hai kẻ thù bắt buộc ông so kiếm là Triết-học duy-thức của Hegel và hàng giáo-phẩm trưởng-giả của nước Đan-mạch thời đó. Một điều ai cũng thấy là sức hoạt-động văn-hóa của Kierkegaard bắt đầu tự sau năm đoạn-tuyệt với người vợ chưa cưới của ông.

Giai-đoạn Tôn-giáo là giai-đoạn khó hiểu nhất trong cuộc đời và trong các sách vở của Kierkegaard. Chúng ta chỉ cần nhớ vài điều căn-bản sau đây. Trước hết, ông gọi đời Đạo-hạnh là sinh-hoạt thông-thường, sinh-hoạt trong phạm-vi của phổ-quát (vivre dans le général). Nói cách khác, đời Đạo-hạnh là đời hợp-lý, bởi vì đạo-hạnh là luân-lý, mà luân-lý là sống theo những luật-lệ mà lương-tri con người ai cũng thấy là cần. Kierkegaard quen lấy Socrate làm điển-hình cho con người đạo-hạnh. Trái lại đời Tôn-giáo nhiều khi đưa ta vượt lên trên những luật-lệ của Luân-lý · trường-hợp rõ nhất là hành-động của tổ-phụ Abraham (mà chúng ta sẽ bàn đến sau đây), vì trọn niềm tin-tưởng vào Thiên Chúa, Abraham đã giẫm chân lên trên những luật-lệ trọng-đại nhất của Luân-lý. Abraham đã giết con để tỏ dạ trung-thành tuyệt-đối với Thiên Chúa. (1) — Điều thứ hai, được coi là một mặt khác của cùng một chân-lý trên đây : con người

(1) Muốn hiểu điều này, chúng ta nên nhớ Kierkegaard là người theo đạo Kitô tức Da-tô (Tin-lành). Hơn nữa ông là người có tâm-hồn rất sùng-đạo và coi đạo là một giá-trị cao hơn Luân-lý thông-thường. Trong viễn tượng này, ông phải chống lại hai kẻ thù : triết học Hegel và hàng Giáo-phẩm Đan-mạch thời đó. Thực ra hai kẻ thù của Kierkegaard đã liên-minh với nhau : Hegel cho Tôn-giáo chỉ là một giai-đoạn trong triết-học mà thôi, chính triết học Hegel có tham vọng giải quyết những mâu thuẫn giữa tôn-giáo và lý-trí ; về phía nhà đạo, thì Giám-mục Martensen là người tôn sùng thuyết Hegel và muốn dùng triết Hegel thay thế cho thần-học. Như vậy môn-sinh của Hegel và Giáo hội của Đan-mạch thời đó sát cánh với nhau để *chối bỏ tính-chất siêu-việt của Tôn-giáo*. Để chống lại hai kẻ thù đó, Kierkegaard cần phải chứng minh được rằng : trên lãnh vực lý trí loài người, còn có một lãnh-vực siêu-việt ; trên những giá-trị của Luân lý là cái *kết hợp những con người lại với nhau* còn có những giá-trị cao-cả của Tôn-giáo là cái *liên đới con người với Thượng-Đế*. Một công hai việc : hễ chứng minh rằng có giá-trị vượt lên trên lãnh-vực của lý-trí thông-thường, tức là cũng một trật chứng minh có lãnh-vực tôn-giáo và đó là lãnh-vực vượt trên tất cả những lý-luận sắc bén của triết-học, kể cả triết Hegel.

http://tieulun.hopto.org

phải vươn tới giai-đoạn Tôn-giáo thì mới vãn-hồi được giá-trị nhân-vị của mình. Tại sao thế? Thưa vì bao lâu còn sống trong vòng đạo-hạnh, con người còn phần nào sống trong phóng-thể : khi đó con người mới *sống như mọi người* thôi. nghĩa là còn sống trong phổ-quát, chưa sống theo nhân-vị độc-đáo của mình. Chính đời sống Tôn-giáo sẽ đưa chúng ta vươn lên tới sinh-hoạt độc-đáo của nhân-vị (1) Cho nên Kierkegaard coi Socrate, vị thánh-hiền của nhân-đạo chủ-nghĩa, là điển-hình của đời sống Đạo-hạnh, và coi Abraham, người cha của tín-đồ, là điển-hình của đời sống Tôn-giáo.

Những đặc-tính của đời sống Tôn-giáo gồm lại trong hai chữ *độc-đáo* và *tin-yêu*. Con người Tôn-giáo là con người đã vãn-hồi được nhân-vị của mình, không còn bị trói buộc bởi những luật-lệ phổ-quát của Luân-lý nữa. Nhưng xin hỏi : Tự đâu con người có thể biết mình là một nhân-vị độc-đáo ? Kierkegaard thưa rằng : tự ý-thức về tội-lỗi. Trong cuốn *Le concept d'angoisse* (Quan-niệm về ưu-tư), chúng ta luôn luôn gặp câu này, được coi như chủ-đề của cuốn sách : «Chính tội-lỗi là cái làm cho con người tự cảm thấy đơn-độc». Tội-lỗi không phải là cái chi vô-lý hay hữu-lý, nhưng nó là một xúc-phạm đến Thiên Chúa : tuy nhiên, chính vì thế mà tội lỗi đặt ta trước nhan thánh Ngài, «chính tội-lỗi đã đặt tương-quan giữa ta và Tuyệt-đối». Đã vậy, tội-lỗi không thuộc về phạm-vi của Đạo-đức-học nữa, nhưng thuộc phạm-vi Tôn-giáo : «Muốn lấy lý-luận để giải-nghĩa sự hiện-diện của tội-lỗi trong thế-giới, là muốn làm một việc điên-rồ và chỉ những hạng người duy-lý kỳ-khôi mới hành-động như thế mà thôi». (*Le concept d'angoisse*, trad. Ferlov et Gateau. Gallimard, éd. 1960, p.73). Hạng người duy-lý kỳ-khôi đây là ai ? Kierkegaard gọi rõ tên họ là Hegel và đồ-đệ : «Hegel là người muốn lấy lý-luận để giải nghĩa tất cả mọi sự, cho nên ông ta chỉ là một cụ đồ theo nghĩa, không hay mà thôi». (*Concept d'angoisee*, p. 30). Như vậy, ý-thức về tội-lỗi là một kinh-nghiệm bản-thân : ai muốn lấy khoa-học hay triết-học để giải-nghĩa là làm một việc thậm phi-lý. Tội-lỗi không thuộc lãnh-vực tri-thức, nhưng thuộc lãnh-vực hiện-sinh (Ibid.,p.24). – Tội-lỗi làm cho con người có tương-quan với Tuyệt-đối. Lòng tin yêu của người Tôn-giáo càng làm cho con người đối diện với Thiên Chúa một cách đích-thực hơn nữa. Tin và Yêu : đó là hai đề-tài chủ-chốt cuốn *Crainte et tremblement* (Kinh-hãi và run-sợ). Trong số tới chúng tôi sẽ toát lược những nét chính của cuốn sách đó, vừa để trình bày những nét đặc sắc của đời Tôn-giáo mà chúng tôi mới chỉ vừa gợi ý trên đây, vừa để cùng nhau đi sâu vào một tác-phẩm của Kierkegaard.

Qua mấy trang trên đây, chúng ta thấy rằng Kierkegaard đã khai mạc một thứ triết-lý mới. Đọc ông chúng ta không còn cảm thấy mình bị lạc lõng trong *cõi luận lý hình thức của triết*

---

(1) Nói một cách đơn-giản : Luân-lý là mối tương-quan giữa ta và xã-hội, vì luân thường là cái dây nối những con người lại với nhau. Còn tôn-giáo thì mở đường cho con người có thể trực tiếp với Thiên Chúa : tôn-giáo là mối dây nối con người lại với Thiên Chúa.

http://tieulun.hopto.org

Kant hay triết Hegel nữa, nhưng chúng ta luôn luôn được chứng-kiến một tâm-hồn vật lộn với mình để vượt qua «những chặng đường đời». Triết Kierkegaard là triết *về đời sống*, và là triết *để mà sống* cho ra người. Không phải chỉ triết-lý xuông và bàn luận về những vấn-đề trừu-tượng xa xôi, nhưng triết Kierkegaard đã đem con người về với cuộc đời và bản-thân mình. Tuy nhiên con người chỉ biết sống theo sinh-lý như Don Juan, chưa phải là con người chính-thực, vì chưa ý-thức về ý-nghĩa cuộc nhân-sinh. Tư-tưởng của Kierkegaard là một nền *triết-học* thực-thụ vì nó là một suy-tưởng sâu xa về cuộc đời. Vì thế nó mang tên là triết-học hiện sinh nghĩa là triết-học về cuộc đời con người. Triết Kierkegaard chấm dứt thời kỳ toàn thịnh của triết duy-niệm Hegel.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Tháng 10-61, nhà xuất bản Sông Hương sẽ phát hành :

NỖI BUỒN CỦA ANH

— Thi-phẩm thứ ba của Thế-Viên

— Bìa : Ngọc Dũng — phụ bản : Lữ Hồ

Tác-phẩm mang nỗi buồn của thời đại, các bạn yêu thơ xin đừng bỏ qua.

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG*

— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*

— Rượu đốt 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— *Các tiệm tạp-hóa*

— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454

— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

http://tieulun.hopto.org

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG LOẠI THUỐC KHÁNG SINH MỚI

Võ-quang-Yến

CHÚNG ta ở một thời đại bất cứ đau gì cũng đòi thầy thuốc dùng thuốc kháng sinh (antibiotique) để chữa. Thuốc kháng sinh bành trướng rất mau lẹ và hiện nay không biết có bao là loại khác nhau. Tuy vậy, trừ các bác sĩ và dược sư, mấy ai biết rõ thông thạo tất cả các loại thuốc mới nầy. Đối với phần đông chúng ta, thuốc kháng sinh chỉ quanh quẩn xung quanh chất pênixilin. Kể ra cũng dễ hiểu, cách đây 15 năm, thuốc pênixilin mỗi năm chỉ sản xuất được có 20 kilô, hiện nay số ấy tăng lên đến 750 tấn ! Trình bày trong những ống chứa một triệu « đơn vị », hằng năm các nhà thuốc phát ra hơn một tỷ ống như vậy.

Những bước đầu của thuốc kháng sinh

Người ta thường bảo kỷ nguyên pênixilin bắt đầu từ tháng 9 năm 1928. Hồi ấy một bác sĩ người Anh, ông Alexandre Fleming, đang thí nghiệm với một loại vi sinh (microbe) (1) sống trong bụi bặm, loại staphilôcôt vàng, thì chú ý tới một đặc điểm tình cờ xảy ra : trong một đám vi sinh vật vô ý để ra khí trời, ông nhận thấy mọc ra một loại nấm cỏn con, loại pênixilum nôtatum. Đụng chạm với nấm nầy thì bao nhiêu vi trùng (bactérie) (1) đều biến mất. Loại nấm nầy đã được cấy trong một dung dịch thường. Ông Fleming lại để ý nếu đem chế loãng hằng ngàn lần, dung dịch vẫn còn phá hoại nhiều đám vi trùng. Dung dịch được đặt tên là pênixilin, danh từ dành cho chất thuốc kháng sinh sau nầy trích ở dung dịch ra. Bước đầu của thuốc kháng sinh thật đầy hứa hẹn. Nhưng lúc ấy phương tiện còn thiếu nhiều, các hóa sư cũng chưa biết làm sao trích và lọc sạch được chất thuốc quý hóa kia. Công cuộc khảo tầm phải đợi 8 năm, nhờ hai nhà bác học Ernst Chain và Howard Florey ở viện đại học Oxford tiếp tục. Hai ông nầy tìm ra được ở trong dung dịch của Fleming không phải một chất pênixilin mà ít ra cũng 5 chất ! Hiện nay người ta đặt cho các loại pênixilin ấy những tên khác nhau : F, dihyđrô, K, X và G. Loại pênixilin G

---

(1) Chúng tôi theo bác sĩ Nguyễn-Văn-Ái trong cuốn Vi trùng học (Nhà xuất bản Đại học, Huế) phân biệt : vi sinh vật = microbe và vi trùng = bactérie.

http://tieulun.hopto.org

được dùng nhiều nhất để chữa bệnh. Ngoài ra, dùng các phương pháp canh cấy (culture) khác, người ta lại còn tìm ra được hằng trăm chất pênixilin khác, công thức hóa học gồm có một phần lớn giống nhau và một phần nhỏ khác nhau chút ít. Trên thị trường thuốc men, từ 10 năm nay, nhiều thuốc kháng sinh khác cũng được tung ra. Ngoài các loại pênixilin, vài chục thuốc kháng sinh khác đã được đem bán nhưng một phần lớn khác nữa vì tính chất độc nên không ra khỏi ngưỡng cửa các phòng thí nghiệm. Thật vậy, một chất kháng sinh muốn được dùng để làm thuốc trị bệnh cần phải có đủ một mớ điều kiện gắt gao : thuốc cần phải thật hiệu nghiệm mà vô hại, phải đủ ổn định để không thay đổi tính chất sinh vật học trong lúc đang được dùng. Ngoài ra, thuốc cần phải được dễ dùng và dễ bào chế những số lượng lớn. Thuốc pênixilin trên thị trường thuốc men lấn hẳn các thuốc kháng sinh khác là nhờ có đủ tất cả các điều kiện nầy, nhất là từ 1945, sản xuất pênixilin trở thành kỹ nghệ. Trong những nhà thuốc sản xuất lớn, người ta cấy nấm pênixilum trong những bể cạn đường kính rộng nhiều thước. Lúc trước nấm chỉ cấy ở trên mặt dung dịch, bây giờ người ta hoàn hảo phương pháp cấy trong khắp dung dịch, làm tăng năng suất lên 10 lần. Môi trường thường dùng là một chất dùng bắp cho lên men mà làm thành, hay được gọi là « nước nhúng » (eau de trempe).

Thuốc kháng sinh dần dần lan rộng

Nhưng thuốc pênixilin có một nhược điểm : thuốc không trừ khử được tất cả các loại vi sinh. Thường thuốc chỉ trị được các vi sinh streptôcôt (ở các mụt nhọt, màng niêm, bệnh sốt hậu sản), staphilôcôt (chứng sưng mủ, nhiễm trùng huyết), pnơmôcôt (bệnh sưng phổi, nhọt mủ phổi), các trực vi trùng (bacille) các bệnh lậu và dương mai. Những vi sinh vật khác, đặc biệt các vi trùng chịu đựng được môi trường axit như các trực vi trùng các bệnh thương hàn, dịch hạch và nhất là ho lao thì không đếm xỉa gì đến thuốc pênixilin và vẫn tiếp tục hoành hành Vì vậy sau khi Chain và các cộng tác viên trích ra được các loại pênixilin, nhiều viện khảo cứu khác cũng bắt đầu ngay tìm các thuốc kháng sinh khác. Ở Hoa-Kỳ, Wassmann điều khiển một nhóm khảo cứu viên học hỏi về loại nấm ăctinômit và năm 1944, họ trích ra được chất steptômixin. Đây là chất kháng sinh thứ nhì được người ta biết nhiều. Chất thuốc nầy diệt được một phần nào trực vi trùng ho lao. Vào khoảng 1950, nhiều thuốc kháng sinh khác được tìm ra nhan nhản. Ngoài hai chất pênixilin và streptômixin vừa thấy ở trên đáng kể là các thuốc clôrômixêtin và tifômixin dùng để chữa bệnh sốt, thương hàn rất hiệu nghiệm : các thuốc ôrêômixin và teramixin trong nhóm têtraxiclin cũng rất tốt để diệt trừ một loạt trực vi trùng hoành hành ở phổi và ruột. Từ mười năm nay, các chất kháng sinh mới được phát minh rất chóng và hướng về nhiều phương diện. Chất đêclômixin cũng thuộc nhóm têtraxiclin nhưng còn hay hơn thuốc ôrêômixin vì thuốc đào thải ra ngoài chậm hơn. Thuốc canamixin dùng để chữa những trực vi trùng ho lao, loại chống lại được thuốc streptômixin, và tiếp ứng thuốc pênixilin trong vụ chữa chứng bại huyết (septicémie) do vi trùng staphilôcôt gây nên. Bên Nhật, người ta trích ra được

http://tieulun.hopto.org

chất côlistin dùng để trị những cảm nhiễm ở ruột. Nhiều chất kháng sinh như chất grisêôfulvin trị rất hay những chứng bệnh ở ngoài da do những loại nấm rất nhỏ gây ra. Để tẩy trừ những sũng phù (tumeur), nhiều thuốc kháng sinh cũng đã được tìm ra : mitômyxin C, steptômigrin điazômixin, nhưng kết quả chưa được hoàn toàn. Dùng để chữa ung thư không thể đem mổ được, thuốc chỉ giúp bệnh nhân sống thêm được ít lâu trong vòng một năm.

Những loại thuốc kháng sinh khác

Nhưng chỉ những thứ năm loại pênixilum hay ăctinômit mới chỉ được dùng để trích thuốc kháng sinh. Nhiều vi trùng chẳng hạn chống nhau một sống một chết, nên các nhà bác học cũng đã nghĩ cách chế tạo thuốc kháng sinh từ những vi trùng. Năm 1939, René Dubois trích thuốc gramixidin từ vi sinh Bacillus brevis. Nhiều thuốc kháng sinh khác lại tìm ra được trong các thứ nấm lớn, trong phấn hoa nhiều loại cây. Một nhà sinh lý học Mỹ, John Sieburth, tình cờ lại phát minh được một thuốc kháng sinh từ cây rong. Nói là tình cờ nhưng phải có con mắt của nhà bác học và tốn công khảo sát mới tìm ra được. Trong một cuộc đi công cán ở Nam cực ông nhận thấy bao tử của nhiều loại chim ở Nam-Dương không có vi trùng. Lấy làm lạ, ông khảo sát thức ăn của các loại chim ấy. Biết được chim ăn tôm, ông dò xét tôm và con đường tìm tòi đưa ông lại một thứ rong phù du (plancton). Dùng nhiều phương pháp hóa học phân tích cây rong, ông đã tìm ra được một chất kháng sinh khá mạnh. . .

Đến đây, ta chỉ thấy chất kháng sinh dùng làm thuốc chữa bệnh. Năm 1950, một nhà bác học Mỹ khác, Sukes, lại tìm được một tính chất mới của chất kháng sinh : nuôi gà chóng lớn. Dùng thuốc ôrêômixin chẳng hạn, cứ cho trộn 1 miligam với 1 kilô đồ ăn thì thời gian nuôi gà thâu lại được 15%. Với cách cho ăn ấy, bây giờ chỉ cần 9 tuần đã có thể có gà to bằng gà lúc trước phải nuôi tới 12 tuần. Phát minh nầy vạch thêm một con đường mới cho chất kháng sinh. Nhiều phòng thí nghiệm chuyên hướng về phương diện nầy. Người ta còn thử với heo và bê và thấy kết quả rất mỹ mãn. Trái lại, những thuốc ôrêômixin hay teramixin rất có hiệu nghiệm với các loại thú trên thì lại không có một tác dụng gì đối với bò về mặt thịt, còn về sữa thì tăng được 10%.

Thuốc kháng sinh trong ngành chăn nuôi

Làm sao giải nghĩa được hiện tượng nầy ? Người ta biết trong bao tử thú vật cũng như trong các ống tiêu hóa đầy dẫy những vi sinh vật rất có hại cho sự nẩy nở của sinh vật. Khi cho chất kháng sinh vào, có hai tác dụng đồng thời : thuốc trực tiếp diệt trừ những vi sinh vật có hại và gián tiếp che chở bao bọc những vi sinh vật sản xuất sinh tố. Thuốc kháng sinh dần dần được dùng rất nhiều trong ngành chăn nuôi ở Âu Mỹ đến nỗi năm 1956 số lượng nhiều chất kháng sinh dùng để cho súc vật ăn lớn gấp bội số lượng những chất ấy dùng trong dược phẩm. Mới đây, thuốc kháng sinh lại được đưa vào ngành nuôi ong. Những ong bị bệnh «mụn» (loque) được cho uống nước đường trộn với các chất ăctiđiôn hay đuramixin. Nhưng công dụng của chất kháng sinh chưa phải dừng ngang đây. Người ta biết nhiều chất như

http://tieulun.hopto.org

thịt, cá để lâu bị hư hỏng vì vi trùng phá hoại. Như vậy chất kháng sinh có thể dùng làm quân bảo vệ. Đặc biệt ở các xứ nóng mà máy làm lạnh chưa được thông dụng, chất kháng sinh dùng để diệt vi trùng rất tiện lợi. Ở Dakar, năm 1958, trong phòng thí nghiệm trung tâm chăn nuôi, hai giờ trước khi giết một con thú, người ta cho tiêm vào cứ 100 kilô thì 1 gam thuốc kháng sinh, và ngay sau khi giết lại rải thêm một lớp thuốc. Bên Hoa-Kỳ là xứ trữ rất nhiều thịt, cá cùng hoa quả và các thức đồ ăn làm sẵn, người ta cứ cho rải vào những dung dịch ôrêômixin trước khi để dành.

Ngang đây, người ta không khỏi đặt một câu hỏi : dùng thuốc kháng sinh như vậy để cho súc vật ăn hoặc để trữ thịt, cá có hại cho người dùng không ? Những người bênh vực phương pháp bảo rằng khi nấu nóng thức ăn thì chất kháng sinh cũng phân giải ra. Thật vậy, người ta đã thấy chất pênixilin chẳng hạn không chịu được sức nóng. Nhưng những mảnh phân tử bị phân giải ra sẽ đi đâu, lâu ngày có thể có những tác dụng gì ? Số người chống cũng không ít, nhất là người ta lại tìm ra được chất côlestêrôl trong huyết quản các thú vật được cho ăn ôrêômixin, mà người ta đã biết chất nầy tồn tại quá nhiều trong cơ thể có hại đến bực nào !

Phải coi chừng khi dùng thuốc kháng sinh

Hiện nay nhiều thuốc kháng sinh được trình bày thành viên hay xirô rất dễ uống. Trong nhiều gia đình, hễ nhức đầu nghẹt mũi một chút là kiếm thuốc kháng sinh cho uống. Người ta quên rằng nếu thuốc diệt được vi trùng thì cũng có tác dụng ít nhiều trên cơ thể ta. Thuốc pênixilin chỉ có tác dụng nếu dùng thật nhiều, nhưng các thuốc streptômixin, tifômixin thì chỉ hơn một chút định phân trị liệu là đã có hại. Thuốc streptômixin chẳng hạn có thể có tác dụng ở tai trong và lâu ngày không biết, nhất là ở trẻ con, có thể gây thành điếc. Thỉnh thoảng người ta còn thấy có hỗn loạn thần kinh (désordre nerveux) theo sau là hỗn độn tinh thần (confusion mentale) và mê sảng. Nhưng những hiện tượng nầy còn hiếm, thường tác dụng đánh vào những cơ quan tuần hoàn và thận. Ngoài ra, một hiện tượng khác đáng được chú ý nhất là khi thuốc thuộc về loại uống : thuốc uống xong vào thì ruột trở nên hoàn toàn sạch vi trùng nhưng cũng là một chỗ trống để các vi sinh vật khác dễ bề tấn công. Thường là một loại nấm cỏn con, loại candida albican, ăn lan rộng toàn ống tiêu hóa, có khi là loại staphilôcôt vàng rất độc, có thể gây ra chứng bại huyết chết được. Những tác dụng thường gặp hơn là những phản ứng dễ cảm (sensibilisation). Bệnh nhân thấy ngứa ngáy khó chịu, mề đay nổi khắp mình như người ta thường thấy ở các chuyên viên hay vận dụng thuốc streptômixin. Chứng bệnh ngoài da nầy thường lâu ngày mới phát ra nhưng cũng có khi thuốc có tác dụng tức thì. Ngoài ra nhiều trường hợp đầu độc cũng đã được ghi xét với bất cứ thuốc kháng sinh nào, ngay cả thuốc pênixilin là thuốc dễ dùng nhất. Ở Hoa-Kỳ, từ khi thuốc kháng sinh ra đời cho tới 1959 người ta tính ra có tới 1.000 người chết vì thuốc pênixilin !

Tương lai của thuốc kháng sinh

Một duyên cớ khác để ta cần phải đề phòng khi dùng thuốc kháng sinh là thói

http://tieulun.hopto.org

quen. Lúc đầu vi sinh vật bị thuốc diệt nhưng với thời gian thì quen dần, và đến một lúc chịu đựng được hoàn toàn thuốc. Nhiều loại vi sinh lúc trước gặp thuốc pênixilin chẳng hạn thì biến mất cả, bây giờ thuốc không còn có một tác dụng gì nữa. Năm 1949, trong một nhà hộ sinh ở London, người ta dùng thuốc pênixilin để trị một nạn dịch do vi trùng staphilôcôt gây ra ; kết qnả là 60o/o các cô nữ khán hộ vẫn còn mang trong mũi và cuống họng loại vi trùng ấy. Trong nhiều nhà thương khác, từ ngày có thuốc kháng sinh, người ta không còn giữ gìn các lệ luật vệ sinh như lúc trước nữa : nhà thương trở nên trung tâm truyền nhiễm vi sinh staphilôcôt. Ở Luân-đôn bác sĩ Barber cho biết năm 1957, 70% bệnh nhân ở nhà thương có mang ở trong mình vi sinh vật ấy, dùng pênixilin bất cứ định phân nào cũng chẳng diệt được. Người ta vội kiếm cách cô lập các bệnh nhân ra và 2 năm sau rút phân suất ấy xuống được một nửa.

Để thử giải nghĩa hiện tượng nầy, có nhà bác học bảo là luật đào thải : thuốc kháng sinh khi diệt trùng có để lại một vài ba vi sinh vật đặc biệt hùng mạnh gây giống cho những loại vi trùng cương ngạnh sau nầy. Nhưng nói như vậy chưa giải nghĩa được vì sao vi sinh vật chống lại được thuốc kháng sinh. Nhiều công tác tế nhị về sinh hóa học cho biết vi sinh staphilôcôt khi gặp thuốc pênixilin thì tự chế tạo ra một chất khác, chất pênixilat, để làm cho chất pênixilin hết còn có tác dụng. Chất pênixilat kia chẳng qua chỉ là chất pênixilin thêm một phần tử nước. Các công tác nầy cũng đã chứng minh được sự hiện diện của chất pênixilin đã xúi dục staphilôcôt sản xuất giếu tố (enzyme) tự vệ : nếu người ta thả pênixilin vào một canh cấy staphilôcôt thì số lượng pênixilat tức khắc tăng lên 400 lần. Phương pháp độc nhất để chống lại tính chất này của vi trùng là kiếm cách chế tạo cho được nhiều thuốc kháng sinh mới! Riêng về thuốc pênixilin canh cấy người ta đã tìm ra được nhiều. Lấy thuốc pênixilin thiên nhiên ấy làm gốc, người ta có thể tổng hợp ra được nhiều loại pênixilin nhân tạo khác. Trong số nầy thuốc BRL 1241 được nghe nói tới nhiều nhất, nhất là công thức đã tính làm sao để cho chất pênixilat không thể phát sinh ra được. Nhưng sau 2, 3 tháng áp dụng, hiện đã thấy có loại staphilôcôt không chịu phục tùng. Chắc hẳn không phải là chất pênixilat nhưng hiện người ta cũng chẳng hiểu tại sao. Gần đây, khoảng tháng 7 vừa qua, tờ British Medical Journal lại cho biết một chất pênixilin khác đã tổng hợp ra được, đặc biệt rất dễ uống đồng thời diệt được rất nhiều loại vi trùng. Ngoài các bệnh mà pênixilin đã trị được, thuốc nầy còn chống được những chứng sốt thương hàn, kiết ly, những tổn thương ở bọng đái cũng như bệnh đau cuống phổi kinh niên. Nhưng liệu các vi sinh vật sẽ chịu đầu hàng bao lâu ?

Thuốc kháng sinh nói đúng ra không phải bắt đầu nghe nói đến từ Fleming, mà năm 1887, Pasteur và Harré đã chứng minh lần đầu tiên những loại vi trùng có thể chống lại vi sinh than (charbon). 7 năm sau Vinazo Tiberio, trong một tạp chí y khoa Ý cũng nhấn mạnh tính chất chống vi trùng của nhiều giống mốc (moisissure). Năm 1897, ở Lyon, Ernest Duchesme kết luận luận án bác sĩ của ông : Nếu cư tiếp tục khảo cứu sự cạnh tranh giữa các giống mốc

http://tieulun.hopto.org

meo và các loại vi sinh thì sẽ đi đến những phát minh có thể dùng trong môn vệ sinh phòng bệnh và các phương pháp trị liệu. Duchesme có ý nghĩ mà không thực hành nên phải đợi đến 1941, nghĩa là 12 năm sau vụ phát minh pênixilin của Fleming, lần đầu tiên thuốc kháng sinh được áp dụng ở viện Bệnh lý học William Dunn ở bên Anh. Từ đấy cuộc tranh đấu giữa người và vi trùng càng ngày càng quyết liệt. Rồi đây e sợ sẽ bất phân thắng bại vì bên người càng ngày kỹ thuật càng tiến, ta lại càng hiểu biết nhiều hơn cách chống đỡ của vi trùng để tìm cách diệt trừ nhưng tuồng như bên vi trùng lúc nào cũng sẵn sàng tiếp đón những tấn công của ta và chế biến phương pháp tự vệ.

VÕ-QUANG-YẾN

☆

CHÁN CHƯỜNG

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

Gió kép mưa đơn khéo lạc loài
Sầu nay chưa dứt lại sầu mai
Giang san từ buổi lầm tang tóc
Hoa thảo nhiều phen đã thở dài
Sử vẫn đau thêm hồn kẻ khuất
Sách càng khơi mãi hận người trai
Xa trông ảo ảnh đài Hi-vọng
Đương ngả nghiêng trên lớp sóng đời

S. K. Đ.

http://tieulun.hopto.org

đọc một trang sử của ông Nguyễn-Văn-Mùi

Nguyên-Phương

TÔI xin bắt đầu với một ghi nhận, vì tiếng *trang sử* đang nói đây không phải hiểu theo nghĩa bóng như trong câu « trận Đống-Đa để lại một trang sử vẻ vang » chẳng hạn, mà hiểu theo nghĩa đen, nghĩa là một trang giấy trên đó có chép sử vào. Hiểu như thế, đoạn sử của Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi đã chép và tôi sắp đem bàn tới dưới đây, nói cho đúng, không phải chỉ chiếm có một trang, mà đến một trang rưỡi giấy. Định hạn rõ ràng như vậy, để nêu lên qui mô hẹp hòi của bài nầy, vì tôi không có cao vọng đem ra phân tích cả quyển sách khá lớn và có mục đích khá quan trọng của vị giáo sư nói trên, tức là quyển *Việt sử và Thế giới sử*, lớp Đệ Nhị (in lần thứ tư, 1960, do Thăng long xuất bản) dày đến 420 trang, nhưng chỉ chọn lấy một đoạn vấn đề có thể nhìn kỹ vào cách sử dụng tài liệu cũng như cách trình bày của một quyển giáo khoa rất được thông dụng trong các trường Trung học của miền Nam tự do nầy. Tôi nói « chỉ chọn một đoạn vấn đề có thể nhìn kỹ » vì thực sự việc chép sử, nhất là chép sử để làm sách giáo khoa, là cả một công trình to tát, đòi phải có nhiều công phu và phương pháp, đòi phải có dồi dào tài liệu. và phải có tài nữa để trình bày tài liệu đó cho vừa sức của lớp và khuôn khổ của bài giảng. Một bài sử giáo khoa không phải là một bài sử theo qui mô tự nhiên của nó, vì theo qui mô tự nhiên, nó sẽ phức tạp, đầy chi tiết, nó sẽ rộng rãi, dài dòng. Trái lại, nó chỉ có thể là một bài tóm lược, một câu chuyện tiểu thu cho vừa một tầm độ nào đó. Nó chẳng khác gì một pho tượng thu nhỏ lại, và vì đó rất khó khăn. Tượng làm bằng người thật đã phải có nghệ thuật nhiều mới giống, nay thu nhỏ lại hỏi còn phải khéo léo biết bao mới có thể khỏi sai chạy hư hỏng ? Đã thu lại một chỗ, thế tất các chỗ khác cũng phải giữ tỷ lệ đó mà thu lại, như thế mới tránh được nạn đuôi to hơn đầu. Một bài sử giáo khoa chỉ có thể toát lược, mà toát lược làm được hoặc là nhờ lựa chọn, hoặc là tóm tắt đại ý. Nhưng lựa chọn không phải dễ,

http://tieulun.hopto.org

vì phải chỉ nhặt lấy những sự kiện cho thật *điển hình*, và tóm tắt đại ý cũng không phải dễ vì không phải chỉ biết *gói ghém* một đoạn dài lại trong ít chữ là đủ, mà còn phải làm sao cho câu gói đó không có ngược với bất cứ sự kiện nào trong câu chuyện mà mình, vì tóm tắt, không thể nhắc tới. Bởi đó một bài sử giáo khoa là cả một công trình nghiên cứu đồng thời là cả một kỹ thuật hành văn.

Mấy điều rất dĩ nhiên tôi vừa sơ lược nêu lên đó đòi phải có nhiều thận trọng nơi người chép sử giáo khoa cũng như nơi người tìm hiểu giá trị của bài đã chép, bởi đó trong cả quyển sách lớn của Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi, tôi chỉ chọn lấy một đoạn vắn nằm trong một trang rưỡi giấy. Cố nhiên là khi chọn, tôi không thể lấy bừa bất cứ đoạn nào, vì có nhiều đoạn tính cách vắn lại gặp một chỗ bất lợi là không đầu không đuôi. Bởi đó tôi đã cố gắng tìm cho được một đoạn vừa vắn vừa đầy đủ một câu chuyện, và tôi đã gặp được một đoạn thiếu ở trang 129, đề là « Việc Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) ».

Việc Đồ Phổ Nghĩa là một việc khá quan trọng trong lịch sử Việt-Nam. Chẳng những nó làm cớ cho Súy phủ Saigon ra cướp Bắc việt, mà nó còn là một chứng muôn đời nói rõ sự yếu đuối của lực lượng Việt-Nam dưới triều Tự Đức. Một tên lái buôn có thể tung hoành mười tháng trời dọc sông Hồng hà và nhất là ở Hà-Nội, mà triều đình Huế đành phải ngồi nhìn, rồi cuối cùng phải đi cậy đến kẻ thù vừa cướp xong Nam việt ra giúp để đuổi. Thật là oái oăm ! Nhưng việc đó đã xảy ra như thế nào ? Và nhất là Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi đã thuật lại làm sao trong quyển giáo khoa của ông ? Tôi xin phân tích dưới đây để thấy rõ giá trị của một trang rưỡi sử dùng cho lớp Đệ Nhị trong vùng Việt-Nam tự do. Để xét đoạn sử của Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi, tôi đã đọc các sử liệu chính sau đây :

1) *Thực lục, Đệ tứ kỷ*, các quyển 47, 48, 49, sau nầy các chỗ trích, tôi chỉ đề là *TL*.

2) Quyển nhật ký của Jean Dupuis, do ông Le Gros trình bày nhan đề là *La conquête du Tonkin par Vingt-sept Français*, Paris, Maurice Dreyfoss, không có năm xuất bản, sau nầy, các chỗ trích, chỉ đề là *Conquête*.

3) Quyển *Histoire de l'Intervention Française au Tonkin de 1872-1874*, của F. Romanet du Caillaud, Paris, Challamel Ainé, 1880, sau nầy sẽ đề tắt là *Histoire*.

4) Quyển *Origines de la Conquête du Tonkin*, của Jules Gros, có Dupuis đề tựa, Paris, Picard et Kaan, 1886, sau nầy sẽ đề tắt là *Origines*.

Về phương diện giá trị sử liệu, cố nhiên các sách đó không giống nhau, và trong cùng một quyển sách, không phải chuyện nào cũng đáng tin như chuyện nào, vì như *Thực lục* chẳng hạn, dựa vào các châu bản để viết, mà các sớ ở Bắc do các quan phụ trách tại đó gửi về kinh, không phải bao giờ cũng tả đúng tình hình Bắc-Việt lúc đó, rồi quyển nhật ký của Dupuis cũng thế, về cách đối xử tàn tệ với các quan Việt-Nam, có thể ông ta không giấu giếm gì, nhưng ông không khỏi sửa chữa đôi tí ở những chỗ có

http://tieulun.hopto.org

thể làm cho công trạng ông ta nổi lên đối với chính phủ Pháp. Khi dùng đến các tài liệu vừa kể, tôi sẽ để ý đến các điểm đó cùng các điểm tương tự. Bây giờ, thử bắt đầu vào việc nhận xét đoạn sử của Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi.

Mở đầu việc Đồ-Phổ-Nghĩa, ông viết :

(1) « Một người lái buôn Pháp là Đồ-Phổ-Nghĩa muốn mượn sông Hồng-Hà để đem khí giới sang Vân nam đổi lấy khoáng vật».

Đó là một câu vào loại tóm tắt đại ý, nói lên lý do Đồ-Phổ-Nghĩa vào Bắc việt. Theo ông, lý do đó gồm hai phần, mượn đường sông Hồng-hà, là phương tiện, và đem khí giới sang Vân-Nam để đổi lấy khoáng vật, là mục đích. Nhưng, dầu đây là tóm tắt đại ý, hỏi nói bấy nhiêu đã đủ chưa, hay còn buộc phải nói gì khác nữa ? Xét ra, câu mở đầu của giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi về việc Đồ-Phổ-Nghĩa đó chưa thoả mãn được người đọc, dầu là người đọc rất biết ở đây tác giả phải toát lược. Có những câu hỏi rất tự nhiên hiện ra và cần phải trả lời, ví dụ, tại sao Đồ-Phổ-Nghĩa lại lên Vân-Nam, tại sao ông lại biết sông Hồng-Hà đi được mà vào mượn, và trong trường hợp bấy giờ của nền bang giao giữa triều Huế với Súy phủ Saigon, hỏi có phải Súy phủ xui ông ta làm như vậy để lấy cớ mà xâm chiếm Bắc-Việt không ? Câu mở đầu của ông Mùi chẳng những không có gì để trả lời cho các câu hỏi vừa nêu lên, mà lại hình như không nghĩ gì đến các câu hỏi đó. Vì toát lược mà ông không thể nghĩ đến sao ? Nếu toát lược là mục đích của ông, thì chắc ông đã không nói dài giòng một cách không cần thiết như « để đem khí giới lên Vân-Nam đổi lấy khoáng vật». Hỏi chi tiết đem khí giới lên Vân-Nam và đổi lấy khoáng vật có ăn thua gì là bao với vấn đề chính, tức là làm cớ cho người Pháp lấy Bắc-Việt ở đây ? Nếu gói ghém lại trong tiếng « lên Vân-Nam buôn bán » có phải đã thừa đủ rồi không ? Và như thế sẽ chừa lại chỗ để nói đến những điều cần như Đồ-Phổ-Nghĩa trước đã buôn bán ở Vân-Nam và năm 1871 đã từ Vân-Nam xuống khai phá sông Hồng-Hà, xuôi mãi đến Bảo-Hà mới ngược lên Vân-Nam lại, và bởi tự mình thấy sông Hồng-Hà có thể thông thương được, ông nhất quyết dùng sông đó để buôn bán với Vân-Nam. (Xem *Histoire*, trang 47-53). Cố nhiên là trong bài dạy, không thể nói nhiều như thế, nhưng buộc một điều là phải trình bày làm sao để không loại bỏ các việc như thế ra ngoài, chẳng hạn như nói : Một người Pháp là Đồ-Phổ-Nghĩa buôn bán ở Vân-Nam và biết chắc sông Hồng-Hà có thể đi lại được, nên muốn mượn đường đó để thông thương. Câu nầy so với câu của ông Mùi, không dài hơn bao nhiêu, nhưng đầy đủ hơn biết bao. Nhưng, với những khuyết điểm vừa kể, câu mở đầu của giáo sư còn là một câu khá vào hạng nhất của đoạn sử bàn đến.

Mở như vậy rồi, giáo sư tiếp :

(II) « Đồ - Phổ - Nghĩa vào nói với Thống đốc Nam-Kỳ xin giúp y để đi qua Miền Bắc dễ dàng. Thống đốc Nam-kỳ hứa sẽ cho một chiếc tàu đi theo ».

http://tieulun.hopto.org

Ngay từ câu này, tác giả đã gặp khó khăn thực sự với sử liệu. Theo các sử liệu tôi có thể có, thì việc xảy ra không giống như ông Mùi nói đó Trước hết, một chỗ sai nhỏ, nhưng nếu là sử gia lương tâm chắc không ai làm thế, đó là tiếng Thống đốc, vì Thống đốc Nam-Kỳ lúc đó là Đô đốc Dupré, mà ông đã đi nghỉ chưa về ; người cầm đầu Nam-Kỳ năm 1872 là tướng d'Arbaud, mà ông chỉ là Quyền Thống đốc. Muốn trách chỗ lỗi thôi đó, thiết tưởng dùng tiếng Suý phủ là ổn nhất. Nhưng đây mới là chỗ sai to hơn : Đỗ-Phổ-Nghĩa vào nói với Thống đốc Nam-kỳ. Hỏi bấy giờ ông ta ở đâu mà lại *vào* ? Ở ngoài Bắc rồi sao ? Chưa. Vậy ở đâu ? Ở Thượng-Hải ? Ở Hồng Kông ? Không. Sau khi biết được về sự có thể lưu thông của sông Hồng-Hà, ông trở lên Vân-Nam như đã nói, rồi về Thượng-Hải, rồi sau đó về vận động, không phải ở Saigon, mà ở Pháp, và không phải với Thống đốc Nam-Kỳ, mà với Bộ trưởng Hải quân Pháp, phó Đô đốc Pothuau. Ông ta vận động gì ? Có phải « để qua Miền Bắc dễ dàng » như sử gia Nguyễn-Văn-Mùi nói không ? Không. Ý của Dupuis khi đến gặp Bộ trưởng là chỉ để dùng một chiếc tàu Chính phủ Pháp ở Saigon để ra Huế cho tăng uy thế trước mặt triều đình Việt-Nam. Tất cả sự can thiệp ông mong nước Pháp giúp lúc đó thu lại có thể. Ông Bộ trưởng ra điều kiện là Dupuis phải chịu phí tổn về nhiên liệu. Dupuis bằng lòng Thế là ông Bộ trưởng cũng bằng lòng và cho thư để Dupuis cầm sang Saigon. (*Histoire*, trg 55-56). Xem đó, viết như ông Mùi, thật là không đúng. Còn không đúng nữa, câu ông tiếp theo : « Thống đốc Nam-Kỳ hứa sẽ cho một chiếc tàu đi theo ». Thật vậy, khi Dupuis sang Saigon gặp d'Arbaud vào tháng năm 1872, viên Quyền Thống đốc không hứa cho *một* chiếc tàu *đi theo*. Ở Saigon, ai cũng khuyên không nên cho tàu của Suý phủ chở Dupuis ra Huế, và chương trình của ông bị bỏ. Bấy giờ để an ủi Dupuis, d'Arbaud có nói rằng : « Không ai bỏ rơi ông đâu. Hằng tháng, tôi sẽ một tàu ra liên lạc với ông ». (*Conquête*, trg. 39 ; *Histoire*, trg, 57). Hỏi như thế mà tóm tắt lại là « Thống đốc Nam-Kỳ hứa sẽ cho một chiếc tàu đi theo » sao ?

Câu sau đó nói :

(III) « Đỗ-Phổ-Nghĩa cùng với một người Pháp và một người Trung-Hoa từ Hương-Cảng đem ba chiếc tàu chở hàng hóa đến Hải-Phòng để sang Vân-Nam ».

Không hiểu tại sao ông Mùi lại chỉ kể lấy một người Pháp và một người Trung-Hoa. Nếu đếm số người Pháp trong thương đoàn của Dupuis, thì cố nhiên là nhiều hơn một, và số người Trung-Hoa cũng vậy. Chúng ta đã thấy Le Gros để cho tập nhật ký của Dupuis là La Conquête du Tonkin par vingt-sept Français. Và người Trung-Hoa giúp Dupuis, ngoài Ly-ta-lao-yé, còn biết bao nhiêu người Hán khẩu nữa. Thật là khó hiểu lý do đã xui giáo sư Mùi viết câu trên. Tôi tìm mãi mới biết được là giáo sư đã tóm tắt, nhưng không phải tóm tắt lịch sử, mà tóm tắt ông Phan-Khoang ở trang 175, quyển *Việt Pháp Bang Giao Sử lược*, nhưng vì bỏ bớt đi nhiều, thành ra câu vô nghĩa. Ông Phan-Khoang viết : « *Từ Phổ Nghĩa và một người Pháp* tên Mi-dô (Millot buôn bán ở Thượng-Hải) *một người Tàu* tên

http://tieulun.hopto.org

Lý-Ngọc-Trì, tự xưng là Tri phủ và đại diện quan Tổng đốc Vân-Nam, *Từ Hương-Cảng đem ba chiếc tàu* con là Hồng-Giang, Lao-Kay, Sơn-Tây, *chở hàng hóa đến Hải-Phòng* rồi định do sông Hồng-Hà *lên Vân-Nam* ». Tôi xin gạch dưới các chỗ ông Mùi dùng đó để nêu rõ cách toát lượt đại ý của ông.

Và ông viết tiếp :

(IV) « Trong lúc đó Pháp cũng cử trung tá Sénès đem tàu Bourayne ra Bắc, Sénès nghe tin Đồ-Phổ-Nghĩa đã đến Quảng-Yên liền điều đình với Khâm sai Lê-Tuấn để cho hắn đi qua, Nhưng Lê-Tuấn trả lời rằng chưa có lệnh của triều đình nên không thể tự quyết định được ».

Ghi nhận đầu tiên về chỗ nầy là chữ *Pháp*. Nó không rõ nghĩa. Hỏi ở đây ông Mùi muốn chỉ chính phủ Pháp nói chung, hay là chỉ Suý phủ Saigon ? Mà chính sách của chính phủ Pháp bấy giờ không giống như chính sách của những kẻ làm đầu Suý phủ. Đang khi Suý phủ muốn ra chiếm Bắc-Việt, thì ở Pháp người ta lại dè dặt, không muốn. Nếu sử gia Nguyễn-Văn-Mùi nhận rõ việc đó chắc ông đã thận trọng hơn và dùng chữ Suý phủ Saigon thay vì chữ Pháp suông. Rồi cách của giáo sư nói về Sénès cũng không được đúng, vì thực sự từ khi Sénès biết được Dupuis đã đến cho đến khi ông ta về tàu *Bourayne* gặp Lê-Tuấn và Dupuis để bàn việc phải mất lâu ngày, chứ không phải *liền*. Quả vậy, Dupuis đến Hải-Phòng là ngày 9 tháng 11, lúc đó Sénès còn ở Hà-Nội và Bắc-Ninh, và đến ngày 18 ông này mới về tàu gặp Dupuis, Hôm sau, Lê - Tuấn mới cùng xuống chiếc *Bourayne* để hội đàm. (*Conquête*, trang 30, 31). Sau hết, hỏi Lê-Tuấn bấy giờ giữ chức gì, có phải là Khâm-sai như ông Mùi nói không ? Tìm trong *Thực lục*, tôi thấy ông Lê-Tuấn không phải là Khâm-sai mà làm Kinh lược. Nói về chuyện Đồ-Phổ-Nghĩa, *Đệ tứ kỷ*, quyển 47, trang 25a, có viết « *Phụ liên* thuyền quan đáo thư Kinh lược Lê-Tuấn », và về sau khi nói đến Lê-Tuấn, người ta cứ gọi ông với chức Kinh lược (*Tl.* 48, trang. 21a 31b).

Thử đọc tiếp :

(V) Đợi lâu không thấy gì, Đồ-Phổ-Nghĩa đem tầu lên Hà-Nội rồi thuê thuyền sang Vân-Nam ».

Với mấy lời đó Giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi đã tóm lược những việc mà Dupuis kể từ trang 33 đến trang 79 trong nhật ký của ông. Đó cũng là toát yếu những điều tác giả *Thực lục* cho là qnan trọng và đã lần lượt thuật trong các quyển 47 trang 25a, 25b, 26ab, 29a, quyển 48 trang 1a. Thiết tưởng sức tranh đấu với Đồ-Phổ-Nghĩa của các quan triều Huế, như Lê-Tuấn, Lê - Hữu - Thường, Bùi-Thức-Kiên, Hoàng-Tá-Viêm, một bên cố vươn đi cho được, bên kia cố trì lại, dọc sông Hồng-Hà, từ Quảng-Yên, qua Hải-Dương, Hà-Nội, Sơn-Tây, Hưng-Hóa, cũng là một sự kiện đáng nêu lên không nhiều thì ít, vì chính sự cố trì hoãn của các quan Việt-Nam này đã làm cho Dupuis khi trở về đem theo 150 quân, và rồi ở lại lộng hành ở Hà-Nội.

Sau đó, đến câu :

(VI) « Mấy tháng sau, Đồ-Phổ-Nghĩa chở đồ khoáng vật ở Vân-Nam về, đem theo một bọn lính Cờ Vàng ».

http://tieulun.hopto.org

Ngoài những khuyết điểm thông thường về cách toát lược như ở các chỗ khác (chẳng hạn nói Mấy tháng, thay vì nói bốn tháng) câu này chứa một điểm sai hẳn sự thật, đó là việc Dupuis » đem theo một bọn lính Cờ Vàng ! ». Dupuis rất hiểu rõ quân nào là quân Cờ Đen và quân nào là quân Cờ Vàng, vì ông đã phân tích chỗ đó khá chi tiết (*Conquête*, trang 54-56) vậy mà không bao giờ ông gọi 150 quân ông đem theo về Hà-Nội là quân Cờ Vàng. Trái lại ông nói rõ nguồn gốc của toán quân đó. Theo ông, thì ngày 18 tháng ba, khi nghe nói về các khó khăn các quan Việt gây nên cho việc thông thương của Dupuis, quan đề đốc Vân-Nam nói nếu cần ông sẽ cho 10.000 quân để chiếm sông, nhưng Dupuis không muốn để Bắc Việt rơi vào tay người Tàu và để dành cho Pháp nên chối và cuối cùng chỉ nhận có 150 người (*Conquête*, trang. 75-76). Về sau bao giờ chỉ về toán quân về theo ông đó, Dupuis cũng gọi bằng danh từ lính Vân-Nam. Rành mạch như vậy, sao gọi họ được bằng tên Cờ Vàng ?

Câu tiếp đây cũng không khỏi sai :

(VII) «Người Pháp bạn hàng của Đồ-Phổ-Nghĩa vào Saigon báo cho Súy phủ biết tin tức ở Bắc rồi đem đồ khoáng sản sang bán ở Hồng-Kông ».

Trong việc chép sử, vấn đề thời gian cần phải để ý, việc trước, việc sau không được lẫn lộn Theo đó, câu vừa trích có hai việc trước sau phân biệt nhờ chữ *rồi*, nghĩa là người Pháp kia vào Saigon trước, mới sang Hồng-Kông sau (Nên ghi nhận ở đây sự dùng trong cũng một đoạn mà chỗ thì Hương-Cảng, chỗ thì Hồng-Kông). Nhưng thực ra, ông Millot đã sang Hương Cảng, rồi mới vào Saigon. Con đường Millot đã đi là : khởi hành từ Hanoi ngày 5 tháng 6, chiếc *Lao kay* của ông rời cửa sông Thái-Bình ngày 12, đến Hải-Nam ngày 14, và ngày 27 đến Hương-Cảng. Ngày 13 tháng 7, ông bỏ Hương-Cảng đi Saigon trên chiếc *Sindh*, và sau đó từ Saigon trở lại Hương-cảng trên chiếc *Tigre*. (*Conquête*, trang 119 ; *Origines*, trang. 140-143).

Rồi đến các câu :

(VIII) Đồ-Phổ-Nghĩa ở lại Hà-Nội, đóng ở Phố Mới để tính việc buôn bán. Hắn cùng với mấy người khách trú mua gạo muối định chở lên Vân-Nam. Khi ấy nước ta có lệnh không được chở muối sang Tàu, nên quan chức Hà-Nội không cho Đồ-Phổ-Nghĩa làm việc ấy».

Kể ra mấy câu nầy tương đối khá hơn các câu trước, nhưng không phải là không có chỗ phải sửa chữa mới đúng với chân lý lịch sử. Thật vậy, sử liệu không hề nói đến việc «nước ta có lệnh không được chở muối «*sang Tàu*». Lệnh nầy, nếu có, chắc trong *Thực lục* đã nói đến, vậy mà không gặp thấy đâu cả. Xem kỹ, chỉ thấy có lệnh cấm chở muối gạo lên thượng du mà thôi. Lệnh đó thế nầy : . . .nghiêm cấm trung châu chư thương thuyền bất hứa vãng thượng du, nhất thiết diêm mễ.... bất đắc đái vãng, thuỷ lục giai nhiên. (q. 48, trang. 15a) Và lên thượng du chưa phải là sang Tàu. Nhưng sau những câu tương đối khá đó, sẽ đến một câu rất kém về phương diện chép

http://tieulun.hopto.org

sử nhất là chép sách giáo khoa như trong trường hợp nói đây. Câu đó thế nầy :

(IX) « Hắn không chịu lại còn tỏ vẻ ương ngạnh sấc láo (hành động như một kẻ thắng trận ở nơi vừa chinh phục). (Il se conduit au Tonkin comme en pays conquis). Đó là lời của chính viên Thống đốc Dupré trong một bức thư gởi cho Lãnh sự Pháp ở Viễn Đông ngày 23-6-1873 ».

Một câu thấy dài mà tựu trung không có mấy ý nghĩa. Nhưng đáng nêu lên hơn cả đó là cách trình bày. Ngoặc câu tiếng Pháp vào đó, hỏi thêm được ích lợi gì cho lịch sử của một đoạn cần phải rất súc tích nầy ? Và câu cắt nghĩa do lai của câu đó lại xem ra càng thất thế, vì không những nó vô bổ mà thôi, mà nó còn tỏ ra thừa thãi một cách lố bịch. Trong một quyển sách dày và chỉ nói về một vấn đề như quyển *Việt-Pháp Bang Giao sử lược*, 393 trang, của ông Phan-Khoang, mà khi ông trích câu tiếng Pháp và nói do lai của câu đó, (trg. 176), ông còn biết dồn nó xuống dưới cước chú, huống hồ đây là một bài giáo khoa phải hết sức toát lược và chỉ được nêu ra những gì hết sức điển hình, mà có thể thượng những câu như vậy lên chính bài sao ? Ông Nguyễn-Văn-Mùi có ngoặc câu tiếng Pháp lại, nhưng câu giải thích căn do ông lại không ngoặc, còn kể ra chi tiết, nào ngày tháng, nào thư gửi cho ai... Đó là một tình trạng đáng tiếc.

Câu sau :

(X) « Các quan lại Hà-Nội, y theo huấn lệnh của Triều đình Huế, chỉ dùng chính sách dịu dàng để dàn xếp công việc, nhưng Đỗ-Phổ-Nghĩa càng có những hành động khiêu khích ».

Nói cho đúng, đây là một câu may mắn nhất trong cả đoạn sử nầy. Nhưng một câu may mắn nhỏ lại bị những câu không may mắn to che lấp mất, đó là những câu tiếp theo đây. Hãy đọc đã rồi hãy phê bình :

(XI) « Quan Hà-Nội bắt mấy tên khách buôn cùng bạn với Đỗ-Phổ-Nghĩa thì y bắt quan thành phòng Hà-Nội và quan huyện Thọ-Xương xuống tàu giam lái và phá hủy huyện lỵ. Một hôm gặp một viên quan ta đi võng y bắt đánh rồi đập phá cai võng tan tành Rồi y cứ tự tiện cho 8 chiếc thuyền chở muối ngược sông Hồng-Hà, nhưng dọc đường quân ta nã súng bắn, nên lại phải trở về Hà-Nội. Trước đó ít ngày, y đã cho người vào cầu cứu với Súy phủ Saigon ».

Mấy câu nầy chứa nhiều chỗ phải đính chính, nên phải xét dần dần từng loại một. Trước hết là phương diện thời gian. Đọc đoạn vừa trích, đại cương thấy chia làm hai phần bởi chữ *rồi* (Rồi y cứ tự tiện. .). Thế nghĩa là các việc kia phải xảy ra trước việc Dupuis cho 8 thuyền muối đi. tức là phải xảy ra trước ngày 2 tháng sáu, 1873. (Đọc nhật ký của Dupuis trong ngày đó thấy có nói : Enfin, ce soir, vers quatre heures et demie, huit jonques chargées de sel ont fait route pour le Yûn nan, trang 116). Nhưng thử xem ba việc ông Mùi kể ra đó xảy tới lúc nào. Trước hết việc bắt quan phòng thành Hà-Nội : thật ra việc nầy xảy ra hai lần cho hai viên quan khác nhau, lần trước là ngày 4 tháng năm (*Conquête*, trg. 98-100) và lần thứ hai là ngày 2 tháng 6, chính ngày các thuyền muối ra đi (*Ibid*, trg 117). Như thế việc quan phòng thành bị

http://tieulun.hopto.org

Dupuis giam xảy ra trước khi 8 thuyền muối khởi hành. Đến việc ông huyện Thọ Xương bị bắt : việc này, theo Dupuis kể rành mạch, thì lại thấy nói tới trong ngày 1 tháng 10, tức là gần bốn tháng sau việc các thuyền muối (*Ibid*, trg 169). Và việc quan đi võng cũng sau nữa : việc này ngày 20 tháng sáu mới được nói đến. Vậy là ba việc mà chỉ có một việc trước, còn hai việ: sau, mà sử gia Nguyễn-Văn-Mùi đã cho lên trước cả ba.

Bây giờ đến phương diện nhân quả của các biến cố. Theo giáo sư Nguyễn-Văn-Mùi thì ba việc hành hung của Dupuis được thuật lại là do một cớ : « quan Hà-Nội bắt mấy tên khách buôn cùng bọn với Đồ-Phổ-Nghĩa ». Đây tôi kể ra lý do thực sự của các việc hành hung. Khi Dupuis đi Vân-Nam rồi, chính quyền Hà-Nội bắt giam một số người có liên lạc với ông ta, như cho ông ta mượn thuyền để đi hoặc giúp ông trong việc buôn bán. Trở về Hà-Nội, ông đòi các quan tha cho họ. Các quan chưa kịp tha thì Dupuis bắt quan phòng thành giam dưới tàu, đó là lần đầu, (4 tháng 5). Lần thứ hai, thừa thủ của một thuyền khách đi mua đồ ăn, quan phòng thành mới nhậm chức muốn tỏ ra sốt sắng vì công vụ liền bắt các người đó giam lại. Dupuis đi lùng bắt quan phòng thành đó xuống giam để trả thù. Về việc phá võng, thì như thế này : Hai người Bắc-Kỳ đã bằng lòng đi thuyền muối (vụ 8 thuyền) cho Dupuis, nhưng đến phút cuối cùng, sợ lệnh các quan nên thôi không đi nữa. Các quan bắt hai người đó giam lại. Tức, Dupuis bắt một quan giam để trả thù. Các quan lớn Hà-Nội bảo bọn làm đầu người Quảng-Đông trong thành phố đến xin Dupuis tha. Dupuis tha, nhưng đánh cho quan nhỏ đó ít roi đã mới cho đi. Các quan lớn Hà-Nội lại bắt bọn làm đầu phường Quảng-Đông đánh. Dupuis không chịu thua, nhân dịp hắn đi quanh thành phố gặp một quan đi võng, hắn bắt đánh và phá võng. Vậy, nếu trường hợp quan phòng thành có thể nói được là Dupuis trả thù cho người khách, thì trường hợp đây phải nói là ông ta trả thù cho người Việt-Nam. Sau hết việc quan huyện Thọ Xương lại có một cớ mới. Vào lối tháng 9, 1873, Dupuis đã làm chủ các phố phường Hà-Nội, các quan lớn như Nguyễn-Tri-Phương, Bùi-Thức-Kiên, chỉ ở trong vòng thành hào, và nếu đi ra thì phải lén lút sợ Dupuis bắt. Ở ngoài lúc đó để thi hành lệnh các quan lớn, chỉ có quan huyện Thọ-Xương, vì vậy Dupuis căm vị quan nầy đặc biệt. Đàng khác được thế Tổng đốc Lưỡng-Quảng ủng hộ, hắn muốn bắt các quan trong thành phải làm thông cáo nói là từ nay mọi người được tự do đi lại với hắn. Ngày 29 tháng 9, hắn viết thư giục các quan Hà-Nội làm việc đó và bắt quan huyện Thọ-Xương mang vào, đe rằng nếu quan huyện không làm, thì rồi sẽ biết. Quan huyện giao thư của Dupuis lại cho trưởng phường Quảng-Đông, chứ không chịu đem vào thành. Thế là sáng sớm ngày 1 tháng 10, Dupuis đem quân đến bắt quan huyện về giam. Tóm tắt việc nầy, Dupuis nói : N'ayant ce matin aucune réponse des mandarins, nous avons arrêté le sous-préfet et détruit une partie de la sous-préfecture. Ông đã kể lý do tại sao không phá được hết công đường quan huyện mà chỉ phá được một phần thôi. Như thế, khi thuật lại trong lịch sử mà nói ông ta đã phá ủy huyện lỵ, tưởng đó cũng là một

http://tieulun.hopto.org

chỗ không thận trọng sự thật nữa. Nói chung, khi viết, ông Nguyễn-Văn-Mùi không lấy lời ông nói ra làm quan hệ bao nhiêu.

Điểm thứ ba là về phương diện thuật chuyện. Khi kể các việc như vừa nói xong, ông Mùi thêm : « Trước đó ít ngày, y đã cho người vào cầu với Súy phủ Sài-Gòn ». Ông nói trước đó ít ngày, tức là ngày trước khi thuyền ra đi Vân-Nam, ngày 2 tháng 6. Như thế thì không thấy nói đến việc Dupuis sai ai đi Sài-Gòn cả ngoài Millot Dupuis bàn đến việc Millot sẽ đi từ ngày 28 tháng 5. nhưng thực ra Millot đến ngày 5 tháng 6 mới đi. Vậy ở đây chắc ông Mùi muốn nói đến việc Millot đi Sài-Gòn. Nhưng nếu thế thì chẳng phải là thừa sao ? vì ông Mùi đã nói đến việc Millot đi Sài-Gòn trước kia rồi. Đôi khi một việc cũng cần phải lặp lại. Nhưng thử hỏi ở đây có cần không ?

Và bây giờ chúng ta thử đọc câu cuối cùng của trang rưỡi sử tôi vừa phân tích :

(XII) « Triều đình Huế cũng đã sai sứ vào Sài-Gòn để thương nghị về việc ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ và nhờ Súy phủ phân xử việc Đồ-Phổ-Nghĩa ».

Về chân lý lịch-sử, thiết tưởng câu này không được hoàn toàn đúng. Vì thực sự không phải Triều đình Huế sai sứ vào Sài-Gòn để thương nghị việc ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ. Chỗ nói đến việc này trong *Thực-Lục* chép là Triều đình có ý gửi sứ đi Tây : Sơ (chính nguyệt nhật) Phủ súy trí thư yêu lập tân ước (tiền bức chiếm Long, Giang, Hà, tam tỉnh, chí thị trí thư yêu ngã lập ước nhượng giao). Đình nghị vi thử, khủng phi tha quốc chủ ý, thỉnh tiên phát sứ như Tây vấn minh, phản hồi lãnh biện. Đế nhiên chi. (*Tl.* q. 48 trg. 21a). Và rồi sách đó gọi nguyên kinh lược Lê-Tuấn là « như Tây chính sứ ». (*Ibid.*, trg. 31b). Thà rằng thay vì lặp lại chuyện đi Saigon của Millot hay dẫn do lai câu nói của Dupré, ông Mùi nói rõ hơn đôi tí về các chỗ như thế nầy thì hơn. Về cách thuật chuyện, câu cuối cùng nầy cũng không tỏ ra có mạch lạc chặt chẽ gì. Tiếng *cũng* vị giáo sư dùng (Triều đình Huế *cũng*. . .) chỉ là một dây nối lỏng lẻo, không khác gì trong một trường hợp trên (Trong lúc đó Pháp cũng cử trung tá Sénès. . .). Thiết tưởng trong một đoạn sử như đoạn nầy, các tiếng dùng phải được cân nhắc hơn

Thế là chúng ta vừa đọc xong một trang rưỡi sử giáo khoa. Tôi đã đọc cẩn thận để xứng đáng với sự quan trọng của vấn đề. Tôi đã chia đoạn sử của ông Nguyễn-Văn-Mùi viết ra làm 12 chặng, và chặng nào tôi cũng đã phải dừng lại để ghi nhận điểm nầy hay điểm khác, chỉ trừ chặng thứ (X). Các điểm tôi nêu lên phần nhiều là những điểm không được tốt, nó nằm vào hai loại, loại sai sự kiện lịch sử và loại khuyết điểm về phương pháp trình bày. Hai loại đều quan trọng cả, nhưng nhất là loại trước. Cảm tưởng của tôi khi đọc xong là : Sao mà sai nhiều quá ! Một sách giáo khoa cần phải hay và đúng, và nếu không được hay lắm đi nữa thì ít nhất cũng phải đúng chứ. Đàng này đã không hay, mà lại không đúng nữa. Không phải là tất cả các điều ông Nguyễn-Văn-Mùi thuật đều không đúng, nhưng vì những chỗ sai đã nhiều đủ để làm cho cảm tưởng chung không còn tốt đẹp gì. Mà đây là một sự không tốt đẹp có tính cách quan trọng, vì nó có hậu quả

http://tieulun.hopto.org

quan trọng, lý do là bởi đây là một đoạn sử giáo khoa. Nó không tốt đẹp không phải hoàn toàn tại tác giả của nó. Nói cho công bằng, ông Nguyễn-Văn-Mùi đã đem sở đắc sở năng của ông ra để viết, và có thiện chí khi viết Nhưng đáng buồn là ở chỗ người ta đem nó ra để dạy và đáng buồn hơn là hình như người ta không có gì tốt hơn nữa để dạy. Nói thế nghĩa là nêu lên rằng công việc dạy sử nói riêng, và trình độ sử học nói chung, ở bậc Trung học, còn quá thấp kém. Sự thấp kém nầy do di sản chúng ta thừa hưởng bởi thế hệ trước, mà cũng là do sự bừa bãi đối với vấn đề Sử của thế hệ hiện tại. Ta thử nhìn vào chương trình học sử của Bộ Quốc gia giáo dục, rồi hãy nhìn vào khả năng của những người đảm đương việc dạy sử ở các trường Trung học chúng ta thì đủ rõ. Một quyển sách dùng làm sách giáo khoa mà có thể chứa những đoạn sử như đoạn tôi vừa phân tích, nếu giao vào tay một vị giáo sư không được huấn luyện gì về Sử nữa, thì hỏi sẽ để lại trên trí óc học sinh những gì ? Quan niệm thông thường cho việc viết sử, nhất là việc dạy sử là một việc dễ Nhưng chính quan niệm đó đã là cớ sâu xa sinh ra những đoạn sử như đoạn vừa nói. Cho là dễ làm cho nên dễ sai, rồi đem cái sai dạy lại một cách sai hơn nữa vì không chú ý, như thế càng ngày càng xa chân lý lịch sử. Mà cộng-sản cũng là một hiện tượng và chân lý lịch-sử. Tai hại cố nhiên là to tát. Phân tích một đoạn sử như tôi vừa làm trên đây chỉ là hé mở cái màn dày đặc che đậy những tai hại đó Với tất cả lòng kính cẩn và tin nhiệm đối với các nhà lo việc giáo dục, tôi chắc rằng các vị đó sẽ để ý cất cái màn kia đi cho trí óc con em được giải phóng khỏi nhiều lầm lạc.

NGUYỄN-PHƯƠNG

BỆNH

MẶC-THU

hững hờ một đóa mây trôi
nẻo bờ ngan ngát sông trời bặt tăm
gối nghiêng nghe chật dáng nằm
chợt thương niếu thuốc âm-thầm sủi reo

M. T.

http://tieulun.hopto.org

NGÀNH HẢI-HỌC ĐÃ TIẾN-TRIỂN NHƯ THẾ NÀO ?

Trịnh-Thiên-Tứ

TRƯỚC khi tìm hiểu mặt-trăng, mặt-trời và các hành tinh khác trong Thái-dương-hệ, , con người cần phải hiểu một cách rõ ràng nơi họ sống : Trái-Đất. Nhiều thiên tai xảy ra hàng ngày trên mặt đất càng làm cho người ta chú-trọng đến nó hơn. Với một diện-tích bằng 70,8% toàn thể địa-cầu, từ xưa đại-dương đã lôi cuốn sự chú-ý của con người. Trong hiện.tại, nhiều vấn-đề đặt ra buộc nhân-loại, dầu muốn dầu không, cũng phải giải-quyết, như tìm thêm thực phẩm, tìm thêm các nguồn năng lực v.v. đã giúp cho ngành hải-học tiến-triển một cách mau chóng trong 50 năm gần đây.

Hải-học hay hải-dương-học là một ngành chuyên-khảo về đại-dương, gồm có : môn động-học khảo sát sự di-chuyển các khối nước, môn vật-lý khảo-sát các tính-chất quang, âm, điện của nước biển, môn hóa-học khảo-sát tất cả các tính chất cũng như thành phần các nguyên-tố cấu tạo nên dung dịch nước biển, môn động-vật-học khảo sát đời sống ở đại-dương cùng những vấn-đề liên-hệ, các môn địa-vật-lý-học, địa-chấn-học cùng khảo-sát hình dạng bờ và đáy biển v.v... Nói tóm lại, hiện giờ lãnh vực khảo-sát của ngành hải học rất rộng rãi, bao gồm nhiều khoa phụ thuộc khác.

Trong những năm gần đây, chúng ta thường nghe nói các cuộc khám phá mới mẻ của ngành này, như việc tìm các loại rong ăn được có thể làm thực phẩm trong tương lai, việc khám phá các chiều sâu trên 10 ngàn thước và gần gũi với chúng ta hơn : cuộc khảo-sát hải-học quốc-tế đã được tổ chức tại biển Đông-hải. Ngày nay, người ta có thể ngồi trong các đĩa-lặn để đi du-lịch trong lòng đại-dương không sợ áp.xuất cao, lạnh-lẽo hay đen tối và có thể quan sát hoặc bắt hải-vật ở đây, nếu muốn ; con người tự hỏi : Trên đường tiến triển

http://tieulun.hopto.org

của ngành Hải-học, người ta đã vượt qua những trở ngại nào, và trong tương lai, đại-dương sẽ giúp được gì cho chúng ta ?

Những sự hiểu-biết trước thế-kỷ 19.

Ngày xưa, người ta quan - niệm đại-dương như một làn sóng vô-tận, ôm choàng lấy lục địa và đất là giới-hạn cuối cùng, của thế-giới. Bất cứ người nào dám vượt qua một đoạn đường biển đều được coi như can đảm và tham lam. Những người đầu tiên mở đầu các cuộc mạo-hiểm trên đại-dương là các lái buôn. Từ đời này qua đời khác, họ vạch ra các con đường hàng hải đầu-tiên với những chiếc thuyền mỏng manh của họ. Họ buôn bán gia-vị, lụa, ngà voi, gỗ quý v.v...

Hai ngàn năm trước Thiên - Chúa Giáng-sinh, người Phéniciens, những thương gia nổi tiếng thế-giới, đã thiết lập các trạm hàng hải trên bờ Hồng-hải và Ấn-Độ-dương. Đồng thời ở Ai - cập, nhiều Hải - đăng cũng được thiết-lập, với những lò lửa thật lớn, giúp cho các thương thuyền tránh được tai họa bất ngờ. Nhiều trường dạy lái thuyền theo các điều - kiện thiên-văn được thiết-lập, và lúc bấy giờ Địa - trung . hải được coi như « thao trường » của cuộc phiêu - lưu này trong bất cứ lãnh vực nào : vụ-lợi về vật-chất hay thỏa-mãn về tinh-thần. Tiếp theo thời kỳ tập dượt ven bờ, vào khoảng 300 năm trước kỷ-nguyên chúng ta, hai Ông Pytheas và Marseillais mở một thời kỳ mới trong sự khám phá đại-dương Một cuộc di - chuyển đến gần Bắc . cực, vòng quanh qua Anh-cát-lợi, đảo Shetland, Ái-nhĩ-lan, không nhằm một mục- tiêu có lợi nào (mua bán vàng, bạc v v..) đã được hai Ông thực hiện nhờ sự trợ giúp của các khoa địa-dư và thiên-văn-học. Nhiều cuộc thám-hiểm tưởng tượng trong thời kỳ này còn thấy ghi lại. Hérodote, Aristote, Hippargue, Ptolémée đều chú ý đến Đại-dương. Người ta bắt đầu vẽ các bản - đồ, xác định vị-trí các cửa biển, tính khoản cách tàu phải vượt qua. Dòng nước, sức gió, thủy-triều là ba yếu tố được chú-ý nhứt thời đó. Trong thời kỳ này, nước nào có nhiều hải-cảng lớn, tiện - lợi, có thể canh cải ngành hàng hải để tiến lên địa - vị một cường quốc. Biển cả đã dẫn đường cho những đoàn quân xâm lăng và là sào huyệt của các đoàn cướp biển.

Chính người Vikings và Ai-Cập châm ngọn lửa thiêng vượt Đại-tây-Dương đầu tiên. Người Ai-Cập đã đưa vào ngành hàng-hải một loại lái mới (étambort), địa bàn và quan tinh nghi (astrobale). Nhờ những sự cải-tiến kỹ thuật này, ngành hàng-hải đã tiến xa. Với những chiếc thuyền buồm, người Vikings đã khám phá ra Bắc-Hải, đến tận xứ Gaule và phía nam Anh-cát-Lợi. Họ tìm ra Ái-nhĩ-Lan, miền Groenland và cập bến ở Bắc-Mỹ.

Vài thế kỷ sau, Henri Le Navigateur (Bồ-đào-Nha) bắt đầu tìm con đường đưa đến các nơi có nhiều gia vị và vàng. Không đầy một trăm năm sau,

http://tieulun.hopto.org

từ 1497-1498, Vasco de Gama vượt đến Ấn-Độ. Công cuộc chinh đông bắt đầu khởi sự với sự chinh phục Thái-bình-Dương của người Polynésiens. Sau đó, Christophe Colomb vạch con đường sang Mỹ-Châu, Balboa khám phá ra Thái-bình-Dương, Magellan đi vòng quanh trái-đất. Tất cả những kết quả do các nhà thám hiểm trên tìm thấy được, Ông Varenius một nhà khí-tượng kiêm thiên-văn-học, trình bày trong quyển : « Géographie des terres et des mers ». Tiếp theo, Bernouilli khảo cứu về thủy-động-học, Newton phát-biểu các định-lý về thủy-triều, về sau được Laplace bổ cứu thêm.

Vào thế kỷ 18 mở đầu nền văn minh hiện đại, các nhà hải-học cũng lợi dụng những tiến triển trong vấn đề kỹ-thuật để chinh phục đại-dương. Cook, La Pérousse, de Kranklin bắt đầu khám phá Bắc-cực và quyển sách hải-học đầu tiên có tên « Courbes de Niveau » được chào đời. Song song với việc khám phá ra máy hơi nước, ngành hải-học đã bắt đầu tiến bước trong hậu bán thế kỷ 19.

Tóm lại, vào giữa thế kỷ 19, trái-đất chỉ được khám phá có một phần, với một vài hòn đảo, một vài con đường hàng-hải và lục địa Bắc-cực. Đời sống bí hiểm trong lòng Đại dương, bản chất đáy và chiều sâu các Đại-dương chưa được nghiên-cứu và phải chờ đến thế kỷ sau.

Những cuộc khảo-sát đầu tiên.

Khi máy hơi nước được phát minh và dùng trang bị một số tàu bè, những cuộc mạo hiểm bắt đầu được tổ chức thường xuyên.

Năm 1885, Trung úy Maury thuộc Hải-quân Hoa-Kỳ cho in quyển « Géophysique de la mer » bàn về vấn đề gió, dòng nước địa-thế đáy biển ở một số quốc gia v.v... có mục đích giúp cho các thuyền-trưởng quân-sự cũng như dân sự để dùng trong sứ mạng của họ. Đây là một tài liệu quan trọng vì trước đó tuy đã có nhiều tài liệu khác, nhưng tất cả đều bị giữ bí mật không giúp ích gì cho ngành hàng hải.

Từ đó, nhiều cuộc khảo-sát lớn lao bắt đầu được thực hiện : Dolphin (Hoa-Kỳ, 1851-1852), Astrobale và Zelée của Dumont d'Urville (1837-1843), nhưng mãi đến cuộc khảo-sát quốc-tế Challenger (Anh-Quốc), ngành hàng-hải mới bước vào kỷ-nguyên mới.

Các nhà hải-học bắt đầu tìm phương-tiện để đo chiều sâu, và vấn đề này, mãi đến đệ nhị thế chiến mới được giải quyết nhờ sự khám phá ra phương pháp « phản hồi » của Marti. Các loại « cào » cũng như các chai lấy nước dưới chiều sâu được cải-tiến nhiều. Môn hóa-học bắt đầu khảo-sát các nguyên-tố chứa trong nước biển.

Nước Anh nằm giữa biển khơi nên nhiều người cho rằng người Anh « bẩm tánh » (inné) đã thích biển cả. Cuộc khảo-sát Challenger của họ được chuẩn-bị rất chu đáo và quy mô : Le Challenger là một chiếc thuyền buồm được trang bị thêm

http://tieulun.hopto.org

một động cơ 1200 mã lực, có thể cung cấp năng-lực cần thiết cho các trục kéo, các phòng thí-nghiệm. Từ tháng 12-1872 đến tháng 5-1876, Challenger đi qua ba Đại-dương đo chiều sâu, lấy mẫu vật, bắt hải-vật điểm mẩu sinh-vật. Kết-quả cuộc khảo-sát được viết trong 50 quyển sách lớn, các mẫu vật được giữ làm tài-liệu để khảo-sát trong 50 năm về sau, và tất cả hiện được giữ ở sở Challenger (Challenger Office) tại Edimbourg. Hiện giờ, các nhà hải-học cho rằng ngành này được phát sinh bắt đầu từ cuộc khảo-sát trên với đủ khía cạnh của vấn đề : địa-dư về đáy biển, lý-hóa-tính của nước biển sự lắng đọng các chất vẩn, đời sống sinh vật trong lòng Đại-dương.

Nhiều cuộc khảo-sát khác được thực hiện tiếp theo tại nhiều quốc gia : Tuscarora (Mỹ, 1873-1874) khám phá ra hố Tuscarora sâu 8514 mét, Garelle (Đức, 1874-1876) Valourous (Anh, 1875), Gettysburg (Mỹ, 1876) Blake (1877-1879) khám phá ra hố sâu 8341 mét ở Porto-Rico v.v... Năm 1885 ông Hoàng Albert de Monaco, một sĩ quan hàng-hải Tây-Ban-Nha lập một viện hải-học đầu tiên hiện còn mang tên Ông. Phương tiện dùng để khảo-sát bấy giờ gồm ba chiếc tàu có tên Hirondelle, Princesse-Alice-I, và Hirondelle-II. Công trình của Ông giúp cho ngành hải-học rất đáng kể. Ngoài sự khảo-sát các sinh-vật sống dưới sâu, khám phá ra các hố sâu, Ông Thoulet và các chuyên-viên ở đây còn khảo-sát sự lắng đọng chất vẩn, độ mặn v.v...

Ngoài ra, các cuộc khảo-sát còn giúp cho Richard chế tạo ra nhiều dụng cụ hải-học và dụng cụ bắt sinh-vật dưới sâu hiện còn dùng hay đã được sửa đổi đôi chút.

Tóm lại, vào hậu bán thế kỷ 19, tất cả các nhà hải-học, dầu họ đứng trên phương diện kinh-tế, chánh-trị hay khoa-học, đều đồng ý rằng các hoạt động của nhân-loại cần đặc-biệt hướng về đại-dương. Với sự phát triển của ngành này, người ta hy-vọng sẽ có thêm nhiều mỏ vàng mới, nhiều nguyên-lực mới, nhiều thị-trường mới. Với mục-đích trên, nhiều cuộc khảo-sát hải-học đã được tổ-chức và ngành hải-học bắt đầu thành hình từ năm 1885.

Ngành hải-học ở thế-kỷ 20.

Các kết-quả thâu lượm được trong cuộc khảo-sát quốc-tế Le Challenger đã đưa các nhà hải-học từ ngạc nhiên nầy sang ngạc nhiên khác, và bắt họ phải tìm tòi, khám phá những điều còn thiếu xót hầu có thể giải-nghĩa tất cả hiện-tượng xảy ra trong lòng đại-dương. Thí dụ như muốn giải-thích sự thay đổi về nhiệt-độ hay độ mặn của nước biển, người ta cần kiện toàn các phương-pháp đo tới một độ chính xác có thể. Đồng thời, nhiều cuộc khảo sát qui mô cũng được tổ-chức, đường khảo-hành được nghiên-cứu kỹ-lưỡng, các trạm xác định rõ ràng, có mục-đích giúp cho sự giải-đoán về sau dễ dàng. Trong 50 năm gần đây, ta có thể kể các cuộc khảo-sát quốc-tế quan-trọng sau đây : Dana II, Discovery II, Al-

http://tieulun.hopto.org

batross, Galathea, Snellius, Carnegei v. v. . .

Những cuộc khảo-sát trên thường có chương trình làm việc trong hai ba năm giữa biển và chú trọng vào một vùng, hay một khía cạnh đặc-biệt nào đó.

Muốn giải thích một số hiện tượng trong lòng đại-dương, ta cần phải biết một cách chính xác nhiều yếu-tố căn bản chẳng hạn như sự phân phối nhiệt-độ, độ mặn, sự chứa hay hòa tan các chất vẩn, các chất bồ-dưỡng, các yếu-tố xác định những tích-chất về động-lực-học. Muốn được các dữ-kiện trên, người ta cần phải có các dụng cụ đặc biệt cho ngành này. Nhiều máy móc đã được cải tiến trong hơn 10 năm gần đây, nhờ những kết quả thu lượm được trong lãnh vực lý-hóa-học và kỹ-thuật.

Muốn thực hiện một cuộc khảo sát trong lòng đại-dương, tàu phải trang bị các loại đĩa lặn tối tân có thể giúp con người chịu được các điều kiện không thích hợp tại đây và quan sát hay bắt sinh-vật, lấy mẫu đất đá. Hiện giờ ở các nước có ngành hải-học mở mang, đều có những chiếc tàu đặc biệt được chế tạo dành cho ngành này. Trên một tàu hải-học, ngoài số dụng cụ cần thiết còn được trang bị sẵn các phòng thí-nghiệm, thường không được rộng lắm, nhưng cũng đủ chỗ để phân chất mẫu nước lấy được, xác định và điểm màu mẫu vật. Những công việc này cần thực hiện ngay trên tàu vì đợi đem về phòng thí nghiệm, mẫu vật sẽ bị hỏng. Trước đây chúng ta có dịp thấy chiếc tàu hải.học The Stranger khi viếng Saigon, mặc dầu chật hẹp, nhưng vẫn có hai phòng thí nghiệm cần thiết của loại tàu này.

Trong các dụng cụ cần trang bị cho một tàu hải-học hiện giờ, đầu tiên ta phải kể các máy dò chiều sâu. Máy có công dụng ghi lại một cách liên tục chiều sâu đáy biển các nơi tàu đi qua với một độ chính xác đáng kể. Thứ đến phải kể các trục quay dùng để thả dụng cụ xuống nước, nhiều khi sâu trên 10 ngàn thước. Loại máy này đã được biến chế tiện lợi, chạy bằng điện có thể kéo và thả một vật nặng trên 10 tấn. Dây cáp cũng được chế tạo theo mục đích bền, chịu rỉ, có sức chịu đựng đáng kể. Muốn lấy nước ở các chiều sâu lên khảo-sát, người ta phải dùng một loại bình tự động có tên là Chai lật-ngược (bouteille à renversement). Chai sẽ tự động đóng hai đầu, giữ nước bên trong khi chúng ta muốn. Bên cạnh chỉ được gắn các nhiệt kế đặc biệt để định nhiệt độ ở chiều sâu nơi lấy nước. Nhiệt-kế cũng bị lật-ngược, làm đứt cột thủy ngân để khi đem lên mặt, ta có thể đọc được nhiệt-độ ở dưới sâu mà không bị ảnh hưởng của nhiệt độ bên ngoài Hiện giờ đã có các loại máy đo nhiệt độ, độ mặn, độ dẫn-điện tự ký một cách liên tục. Các dụng cụ này chưa có thể dùng để đo nhiệt độ ở chiều sâu quá hay dùng liên tiếp trong một thời gian lâu.

http://tieulun.hopto.org

Muốn đo cường độ và phương của dòng nước, người ta dùng một máy có tên là courantomètre. Với máy này, ta có thể đo được cường độ dòng nước chảy ở một nơi cũng như phương của nó. Máy gồm có một chong chóng và một đuôi để lái theo phương dòng nước. Sức nước chảy mạnh hay yếu sẽ làm cho chong chóng quay nhanh hay chậm và ta có thể tính vận tốc nước theo đơn vị thời gian. Hiện đã có một vài loại máy tự ký được dùng vào mục đích trên. Để khảo sát dòng nước trên mặt, trước kia, người ta dùng phao nổi, nhưng hiện giờ chai nổi đã được thay thế vì dùng phao có nhiều bất tiện.

Hiện giờ, sự thay đổi của thủy-triều có thể ghi ngay vào lúc biến động nhờ máy thủy - triều - bạ. Máy thường được đặt ven bờ biển. Nhiều hiện - tượng mới lạ trong sự lưu chuyển các khối nước đang được khảo sát ví dụ như hiện tượng sóng nội-tâm. (onde interne).

Sự khảo sát về độ thâm nhập của ánh-sáng có phần dễ dàng nhờ tế-bào quang-điện.

Vấn-đề lấy các mẫu đất dưới đáy biển để quan sát đời sống sinh vật tại đây hay tìm hiểu về cách cấu-tạo địa-chất được thực hiện dễ dàng nhờ các máy cào (carote). Người ta có thể lấy lên nguyên thứ tự một cột bùn sỏi, cát, đá cao gấp hai lần một tòa nhà 15 từng.

Các mẫu nước lấy được trong một cuộc khảo hành được quan sát và phân tích kỹ-lưỡng. Người ta biết trong nước biển hiện chứa gần đủ số các nguyên tố có trong vũ trụ, và đặc biệt chứa nhiều muối Cl Na nên được gọi là « dung dịch mặn ».

Tất cả các nguyên tố này được chia ra ba nhóm chính. Nhóm thứ nhứt gồm có chừng 10 chất căn bản trong sự cấu tạo nước biển. Một số mang điện dương như Na, P, Ca, Strotium một chất mới tìm thấy rất quan trọng trong đời sống ở Đại-dương Các chất còn lại mang điện âm gồm có Cl, Br, S, C. Chừng ngần ấy nguyên-tố đủ biểu hiện tất cả tính chất lý - hóa - học của nước biển và các chất còn lại, với thành phần bách phân ít-ỏi nhưng cũng giữ một vai trò quan-trọng, đặc biệt về ngành động vật-học. Nhóm thứ hai gồm có các muối bổ dưỡng như các hợp chất của N. P. Si. Trong những hợp chất của Nitơ, hữu ích nhứt là các muối Ammoniac, nitrite và nitrate. Phosphore cũng góp phần quan-trọng trong cuộc sống hầu hết các sinh vật cũng như các chất vẫn hòa tan khác. Vì các muối trên rất cần thiết cho đời sống sinh-vật ở Đại-dương nên hiện giờ trong hầu hết các cuộc khảo sát, người ta đều phân tích tìm Nitơ và phót - pho. Nhóm thứ ba trong nước biển có tên là oligodynamique gồm có đa số các nguyên tố hiện có trong vũ-trụ. Tuy số lượng rất ít, nhưng rất quan-trọng trong đời sống sinh vật ở đây. Kết quả mới nhứt cho biết trong một

http://tieulun.hopto.org

khối nước biển có chừng 5 đến 7 mg đồng và số lượng ít ỏi này được vài loại rong, một số lớn hải-vật (cua) dùng trong sự biến thể. Số lượng radium trong nhiều loại tunicacé rất nhỏ, thường không đầy một milligram trong một tấn. Ngoài hai nguyên tố trên còn có sắt, kền, kẽm, i-ốt, manganèse, cobalt, v.v.. Các nguyên tố này đều được phân-tích về lượng cũng như về phẩm để khảo sát các sự liên hệ giữa đời sống sinh vật và môi-trường.

Ngoài ba nhóm kể trên, còn có chất phóng xạ. Các cuộc khảo sát trong mười năm gần đây cho biết trong nước biển có chứa các chất phóng xạ như uranium, ionium, radium, thorium v.v... Dĩ nhiên số lượng rất ít và được kết-đọng trong các lớp đất đá dưới đáy. Người ta đã tìm thấy nhiều lớp đất đá với số lượng phóng xạ khác nhau. Các nguyên-tố kết-đọng nhiều nhứt là thorium 233, ionium 230, radium 228. Vấn đề phân tích độ mặn (salinité) cũng được cải-tiến nhiều. Ngày trước người ta tìm tính-chất này qua chất trung gian Clo, nhưng hiện-giờ, người ta đã tìm ra nhiều phương-pháp khác, chẳng hạn như khảo-sát độ khúc xạ, đo độ dẫn-điện để suy ra. Sự thâm-nhập của ánh sáng được đo đến một độ chính xác đáng kể cũng như độ trong suốt và mầu sắc nước biển. Muốn đo mầu sắc, người ta, hoặc so sánh với mầu một dung dịch sulfat-đồng-ammôniac pha dần dung-dịch chromate-sút, hoặc dùng đĩa Decchi sơn nhiều mầu, thả chìm trong nước biển cho đến khi không còn trông thấy. Phương pháp tinh vi hơn cả là dùng tế-bào quang-điện như đã nói trên. Ngoài ra, người ta còn đo sự chứa chất vẩn trong nước biển tạo nên bởi những vi-ti sinh-vật hay các chất vô cơ bé nhỏ. Hiện giờ, người ta dùng các tia sáng để đo độ vẩn cũng như chúng ta thấy bụi bay trong phòng nhờ ánh sáng mặt-trời xuyên qua khe cửa.

Về phương diện tìm hiểu hình thể đáy biển, nhiều cuộc khảo-sát đã được tổ-chức cho mục-đích này, chẳng hạn như cuộc khảo-sát xuyên đại-dương Albatross, và trong lãnh vực này, người ta đã thâu lượm được nhiều kết quả đáng chú-ý. Những cuộc khảo-sát gần đây nhứt đã đem lại nhiều sự bất ngờ cho số nhà khoa học. Quan niệm đáy đại-dương sâu như một lòng chảo đã bị đánh đổ, và người ta tìm thấy địa-thể đại-dương không khác gì trên lục địa.

Những miệng núi lửa vĩ đại đã tắt nằm dưới đáy đại dương, những cánh bình-nguyên rộng vô-tận, những hố sâu có vách thẳng đứng, những khối nước lúc nào cũng di chuyển với một lưu lượng lớn hơn bất cứ con sông nào trên mặt đất, đã được khám phá. Đo độ phóng xạ ở các mẫu vật lấy được dưới đáy biển, người ta nhận thấy nhiều nơi có bùn «già» trên 150 triệu năm. Để có thể lấy mẫu đất-đá ở chiều sâu trên 10 ngàn thước, người ta phải dùng những loại «cào» thật khoẻ và tàu trang bị cũng được chế tạo đặc biệt rất tốn kém.

http://tieulun.hopto.org

NGÀNH HẢI-HỌC ĐÃ TIẾN-TRIỂN NHƯ THẾ NÀO ?

Người ta không những chỉ muốn lấy mẫu-vật hay bắt sinh vật trong lòng đại-dương lên khảo-sát mà có tham vọng muốn du-lịch trong lòng đại-dương tối âm u như loài cá. Ở Mỹ, một viện Hải-học đã thành lập một đoàn chuyên khám phá, chụp hình đáy biển. Đoàn đã khám phá ra nhiều điều mới lạ trong lòng đại dương. Ở Nam-cực hay Bắc-cực, người ta đã dùng những máy lặn trong sự khám phá. Các máy lặn có dây chuyền hơi, trong bước đầu đã giúp cho các nhà hải-sinh vật khám phá ra đời sống sinh vật trong đáy biển. Một người thợ lặn Ý đã xuống sâu 120 mét và một người thợ Anh khác, thở hỗn hợp hélium-oxy xuống sâu 165 mét. Nhưng muốn xuống sâu hơn, người ta phải được che chở bên trong các máy lặn để tránh sự lạnh-lẽo, sự tối-tăm và sự gia tăng áp xuất. Nhiều máy lặn đặc biệt được chế tạo và hiện giờ, người ta đã xuống sâu được 10 ngàn thước mà không sợ gặp phải các trở ngại trên. Nhiều dự án đang được xúc tiến để chế tạo ra các đĩa-lặn hay bầu lặn hầu có thể thám hiểm bất cứ nơi nào trong lòng đại-dương.

* * *

Trình bày những tiến-triển của ngành Hải-học, chúng tôi không ngoài mục đích giúp các bạn hiểu rõ một ngành khoa-học còn tương đối mới mẻ đối với chúng ta. Những kết-quả hữu ích của ngành này đã được nhiều báo chí đề cập đến. Chúng tôi xin phép sẽ bàn đến trên tạp-chí này những lợi ích con người thâu lượm được trong đại-dương ở hiện tại cũng như tương-lai.

Tài-liệu tham khảo :

— Scientia tháng 7/1957
— Impact-Science et Société
— Ma Mer.

Trinh-Thiên-Tứ
Hải-học-viện Nha-trang

Có thù và không có thù

Choderlos De Laclos ghi lại câu sau này trong bức thư số CLII của bà hầu tước De Merteuil gửi cho tử tước De Valmont :

« Một là hầu tước có thù, hai là hầu tước không có thù. Nếu hầu tước có thù thì phải mua chuộc lòng người để người quí mình hơn quí thù ; nếu hầu tước không có thù, hầu tước lại càng cần mua chuộc lòng người hơn để khỏi có thù ».

http://tieulun.hopto.org

Thư Hè

Mộng-Trung

Chị Th... mến.

ĐỊNH khi đến nơi sẽ viết thơ về chị, nhưng hè nào cũng vậy cứ ra khỏi Ba-Lê ít chục cây số, mắt không còn vướng những dãy lầu cao ngất, cột đèn giăng giăng, nóc nhà thờ chọc trời nhọn hoắt, những ống khói nhà máy sừng sựng đen xì thì hồn lại bâng khuâng bởi những chòm cây, dáng liễu, những luồng gió dào dạt và đàn chim vút cánh về phương trời xa trong vắt gợi lại hình ảnh cố hương. Nơi đó, mình có bao nhiêu kỷ niệm khó quên và bao người thân mến mà riêng mình, tuổi cũng như lòng: càng chồng chất thêm ngày tháng càng đậm tình nhớ thương, vậy nên chưa đến nơi, đã nhơn giờ nghỉ dọc đường, viết thư này cho chị.

Lấy khoảng trống trong lòng hay gợi mạnh hình bóng dĩ vãng, hại cớ đều có thể xui mình nhìn tỉ mỉ vào mọi việc trước mắt để tự an ủi hay cho nỗi buồn càng thấm thía hơn thêm.

Tuy vậy tôi cũng cố nhận xét để kể cho chị nghe những chuyện không lạ chi với người Việt ở Pháp. Nhưng đối với người ở mỗi góc trời cách biệt nhau, có lẽ ai cũng muốn biết qua phong tục, cách sinh hoạt của dân khác giống, hoặc muốn nhìn tận mắt phong cảnh đất nước xứ người.

Ở đây, tôi không nói được về một vấn đề nào quan trọng như « những nhà khảo-cứu đến xứ người tìm tài liệu », mà tôi chỉ có thể phác họa sơ phong cảnh các nơi tôi có đi qua và lần lượt kể lại trong những bức thư sau một ít nhận xét và cảm tưởng về sinh hoạt cùng thể thức nghỉ hè theo lối cắm trại bên Pháp.

Trên đường ra biển Manche, bao nhiêu là xe từ trong kinh thành ánh sáng tuôn ra quốc lộ, mà bên trái mình thì chỉ lưa thưa những chiếc xe nhà, xe hàng, thỉnh thoảng có xe ngựa chở sữa tươi từ các làng kế cận hoặc ngoại ô chạy về Ba-Lê.

http://tieulun.hopto.org

Hơn mười giờ trưa, chúng tôi đi được một phần ba đường. Lối đi thỉnh thoảng xuống dốc lên đồi làm cho khung cảnh hai bên thay đổi luôn xem rất ngoạn mục. Xe chạy quanh theo triền, leo lên đỉnh, xuống chơn đồi, lúc qua làng khi vào xóm ở đâu đường cũng được tráng nhựa bằng thẳng. Có những khoảng trên thông lộ mới làm xong, rộng thênh thang láng mịn xe chạy êm như chạy trên thảm. Nhiều khi xe xuyên vào lòng một quả đồi bị xẻ nửa để làm đường. Xe chun vào hai hàng cây mọc hai bên đồi cao giao ngọn với nhau mát rợp, lối đi ngay phăng phăng dẫn dốc lên những quả đồi khác; mình có cảm giác con đường « thiên lý » lợp lá cây ấm cúng nầy sẽ dẫn du khách lần lên một động tiên nào.

Cảnh rất đẹp và nên thơ, nhưng mình muốn thả hồn lên tiên tạm quên việc trần tục trong giây lát cũng không được. Cạnh bên, xe phía sau qua mặt mình vù vù, rồi khi đến các ngã ba ngã bảy mình phải để ý những tấm bảng trắng rất to hình mũi tên có ghi bằng mực đen tên ngả nào sẽ đi đến tỉnh nào rất rõ ràng. Nhìn qua nhận được ngay con đường mình sẽ đi đến nơi mình muốn, khỏi sợ lạc. Đường nào eo ngặt có thể gây ra tai nạn, người ta cắm bảng bắt buộc ngừng xe để tài-xế có dịp nhìn kỹ hai bên trước khi phóng xe ra lộ cái. Phạm luật nầy cũng như cho xe chạy khi đèn đỏ còn cháy sẽ bị phạt sáu chục ngàn quan (60.000 frs).

Xe quanh vào làng, quang cảnh rộn rịp trong buổi chợ nhóm làm mình không nghĩ ngợi gì được nữa, tôi lấy chiếc áo « len » ra đan nốt phần cuối cùng; và đây là chiếc áo « len » thứ sáu tôi đã đan trong mùa hè.

Chắc chị không khỏi lấy làm lạ khi nghe tôi đan áo lạnh giữa mùa hè? Sống ở xứ tuyết mà đông con như tôi thì mùa đông phải lo sắm đồ mùa hè và mùa hè thì làm ngược lại, và đi nghỉ hè ở bờ biển Manche thì ngoài việc may sắm những « mai-ô », quần đùi, mình không được quên rằng dù đã có áo « len » mỏng, mỗi người còn phải có một cái áo « len » thật dày. Vì những hôm bể động, trái gió, trở trời hay khi vị chúa Đông-quân cao hứng dấu mặt trong áo nàng Mây vài phút là tất cả du khách ở ven biển Manche đều muốn run cả.

Không thời giờ bỏ phí, tôi vừa đan, vừa tiếp tục « nghiên cứu » về phong cảnh và màu sắc chung quanh. Trong cách phục sức và trang hoàng nhà cửa. Phụ nữ Âu-Châu thường dùng màu sắc rất tươi và sặc sỡ. Có lẽ đó là thói quen vì vốn trời cho trước mắt họ đã có sẵn rất nhiều màu sắc tự nhiên. Nếu chị có dịp thấy, người xứ nầy da thật trắng, má thắm sắc đào và môi như thoa phớt một lớp son hồng. Tóc họ đen, xám tro, đỏ hung như râu bắp, màu cà phê đợt và đậm,

http://tieulun.hopto.org

vàng óng mượt như tơ tằm, hoặc sáng ánh như màu bạc pha đồng. Mắt họ màu xanh lục, xanh da trời, xám tro, nâu và vàng trong sắc thau hay xanh leo lẻo như mắt mèo.

Đất phần nhiều là đồi nồng chập chùng, nên trừ sông rạch ra, ta ít khi thấy một thửa ruộng có nước đọng. Những mẫu ruộng vuông dài thẳng ranh tăm tắp, sau khi được máy cày xới lên và trang bằng mặt, đất khô xốp mịn màng màu bánh mật trông ngon lành như một khuôn bánh tổ bên mình Có nơi đất đen xám, màu cà phê, vàng dợt màu rơm tùy theo chất phên bón lâu ngày tạo thành màu đất, Đất trắng nếu thửa ruộng đó ở gần đồi có chất vôi.

Lá cây có nhiều màu : xanh ve chai như phần nhiều cây rừng, xanh đen như Tùng, xanh đọt chuối như Tóc Tiên, ngả vàng như Thùy Liễu (Saule pleureur) xanh nguyệt bạch như Liễu (Saule), mang ba màu xanh đậm, xanh dợt và đỏ chót ngoài ngọn như cay Bạch-anh (Vigne Vierge) và tím ngọt như Liễu-Nhật (Saule Japonais). Hai bên đường là giống Dương-ngô-Đồng (Platane) dáng như cây Bàng bên mình. Có nơi trồng toàn giống Saule. Giống cây nầy về mùa đông rụng hết lá, người ta cắt trụi tất cả nhánh con và cưa sát những cành to, chỉ chừa cháng hai cháng ba thật ngắn trên ngọn ; thân cây trơ trụi như những cây cột. Mỗi lần nhánh con bị cắt đi còn để lại trên ngọn cây những cái mắt nhỏ u nần, lâu ngày ngọn cây nở lớn ra giống những cái đầu gối đầy thẹo đưa lên trời trông xấu xí, vô duyên đến tội nghiệp.

Tôi có cảm giác nó như những tội nhân bị phạt đứng giữa trời đông lạnh lẽo, nhưng về hè, nhánh con đầy lá biếc nhỏ mà dài lại tỏa ra đều đặn ngọn cây thành dáng tròn trĩnh như những đầu người tóc hớt ngắn bay xấp xảy phất phơ theo chiều gió.

Xe chạy giữ hai hàng cây bất tận tôi lại có cảm giác khác (chị đừng cười tôi nhé) : mình như một « chánh khách quan trọng » đang dong xe giữa hai hàng quân lính mặc đồng-phục đứng thẳng răng rắc hai bên đường. Dài theo quốc lộ thỉnh thoảng có bảng đề chữ thật to : « Muốn an toàn, phải uống có điều-độ » để nhắc chừng các ông tài xế chạy xe đường xa, ăn cơm trưa uống rượu nhiều mà có thể gây ra tai uạn. Mới thấy hàng chữ trên có lẽ chị nghĩ rằng : những người nghe theo lời khuyên nầy sẽ nhịn rượu bữa trưa hoặc nhấm vài ngụm cho đỡ ghiền. Không đâu, trong xe « autobus » và dưới tàu hầm người ta cũng treo bảng y như vậy, nhưng dưới hàng chữ đó người ta ghi thêm : « Đừng nên uống quá một lít một ngày ! » Người Pháp như vậy là ngoan lắm rồi đó chị à.

Hết bị phạt đến được khuyên, mà số người chạy xe vong mạng cũng không phải ít. Mình tuân theo luật đi đường là một việc, mà mình

http://tieulun.hopto.org

chết vì lỗi họ cũng dễ như chơi. Muốn vừng bụng mình chịu thua họ, cho xe chạy chậm lại và vô sát lề đường để cho họ qua mặt mình « ren rét » thì khỏi thò đầu ra xe mà chưởi mình là « dân nhà quê » Đó là tật lớn của người Pháp.

Nắng nhiều, đường xa mà không thấy mệt. Bên nầy vào tháng bảy dương lịch trời không tối âm u đến mười giờ trưa như mùa đông mà hơn năm giờ sáng nắng đã bắt đầu giải ánh vàng lên vạn vật. Từ Ba-Lê đến vùng chúng tôi nghỉ hè, càng trưa nắng càng ấm chứ không nóng bức người như bên mình ; thỉnh thoảng có những hôm nắng bất thường nhưng trời không tốt đều và nóng như ở miền Nam nước Pháp.

Tới Lisieux, xe chạy được hơn nửa đường, chúng tôi ngừng xe giải khát. Như các tỉnh khác, ở đây cũng có bán bưu ảnh và các món đồ làm bằng cây, đất, sắt hay plastique mà luôn luôn người ta khắc hoặc viết tên chỗ sản xuất để du khách mua làm tặng vật hay kỷ niệm cuộc du hành. Nhưng đặc biệt nhất, trên các món đồ và những miếng mề-đay phần nhiều đều có chạm hình nhà thờ và ảnh bà Thánh Thérèse vì tại đây người ta đồn bà Thánh này linh thiêng lắm. Nữ danh ca Edith Piaf có đến cầu xin cho tình nhân là Cerdan được thắng trong trận đấu võ tranh giải vô địch thế giới với La-Motta. Ngoài ra còn có thứ cờ nhỏ lối một tấc bề ngang, vài tấc bề dài, hình tam giác mà các nước bên này đều có bán. Trên cờ có vẽ hoặc thêu tên tỉnh, dấu hiệu hay hình ảnh đặc biệt trong vùng. Nhiều du khách khi qua mỗi nơi mua một lá cờ rồi treo lên sợi dây dài quấn vòng quanh chiếc xe, khi xe chạy cờ bay lăng tăng phất phới xem vui rộn. Nhìn vào đó mình biết chủ nhân chiếc xe đã đi du lịch qua những chốn nào.

Chúng tôi mua bưu ảnh gởi cho các bạn rồi tiếp tục cuộc hành trình. Từ Lisieux đến Villers-sur Mer hai bên đường không còn giống Liễu (Saule) nữa, mà toàn là Peuplier (cây Bạch-dương). Tôi thích dáng cây « quân-tử » (tên tôi đặt riêng cho Peuplier) nầy và cho nó là đẹp nhất trong các loại cây. Thân nó suôn vượt thẳng cao vút lá tròn mà nhỏ, mọc lưa thưa chung quanh những nhánh rất mảnh mai và ngay như ngọn roi. Nhánh không đâm ngang mà vươn lên cùng một chiều với thân cây. Xa trông, ngọn nó trội hẳn trên ngọn cây chơi vơi ở lưng trời, mình biết ngay là giống Bạch-dương ; và trước mắt mình nó như hai hàng dù khổng lồ xếp lại cắm ngược cán đều đặn hai bên đường

Trừ những thửa ruộng, khắp đồi nồng người ta trồng nhiều nhất giống (Betterave) (củ cải tía dùng làm đường ăn) ít bắp và bí rợ. Khi gặp được hai thứ nầy, tôi nài mua một ít đem về để tưởng tượng lại hương vị quê hương chứ thật ra không làm sao nuốt trôi được, vì nó

http://tieulun.hopto.org

lạt nhách không mùi vị chi cả. Người bản xứ không biết ăn bắp non. Bắp để thật già và bí rợ chỉ dành nuôi ngựa, heo và bò. Những thức ăn mình cho là ngon mà họ dùng nuôi thú vật, cũng như đầu, cồ, cẳng, mề gà và phổi heo bên nầy họ chỉ để cho mèo và chó ăn.

Trong những cánh đồng còn chờ gieo giống, hoa dại chen nở đủ màu mà nhiều nhất là ba loại : cúc trắng, Mỹ - nhân - thảo màu đỏ thẩm và Thi-xa-cúc (bluet) màu xanh. Ba màu nầy giống hệt màu cờ nước Pháp.

Những miếng rẫy củ cải đỏ trổ hoa vàng hực, bắp cải tím, rau cải xanh, chen lẫn với những ruộng lúa mì chín vàng nằm phơi phới dưới ánh nắng như những tấm thảm hoa khổng lồ còn mới nguyên căng phơi trước mắt mình

Đồng nội điểm màu sắc thiên nhiên tươi sáng làm tôi say mê những hình ảnh đính vào tâm não tôi mạnh nhất là những bó rơm khô ; hình ảnh của quê hương ! Những bó rơm đập hết lúa đặt nằm ngay ngắn trong các thửa ruộng gặt chưa xong trên đỉnh đồi, giống những đốm hoa trên những chiếc chiếu của thợ trời đang dệt dở dang ; hay những con khỉ lông lù xù ngồi chồm hổm quay mặt về một phía. Trong tưởng tượng thì như thế. Nhưng khi đến gần, nó cũng chỉ là những bó rơm khô xơ xác đã cho đời hết chất tươi, nhựa sống, chỉ chờ ngày vào miệng bò. Nó cũng như người : càng hữu ích càng vất vả đáng thương, phải không chị ?

Chắc chị cười tôi hay « quan trọng hóa » sự vật, nhưng nào đã hết đâu ! Trên chót đồi, thỉnh thoảng có một cây rơm to nằm cô quạnh giữa khung trời cao rộng, như bao đồ hành lý đã cột miệng cẩn thận của vị tiên ông nào đó về trời lúc sớm tinh sương mà bỏ quên lại dưới trần. Những đàn cừu trắng, vàng, lông dày cộm, quần queo đi ăn tận đỉnh đồi, cỏ che lấp chơn, xa trông như những con sâu khổng lồ bò cà thun trên mặt cỏ.

Mải mê « nghiên cứu » và ghi chép mà chỉ còn độ bảy cây số ngàn là tới Villers-sur Mer (nơi chúng tôi nghỉ hè). Xe bắt đầu rẽ vào tỉnh Deauville, một thị trấn lớn ở cạnh Villers-Sur-Mer và sát bờ biển Manche thuộc Côte Fleurie. Tỉnh này sánh với Cannes, Nice thì không thấm gì, nhưng cũng đã thường đón tiếp những ông Hoàng bà Chúa, những ca-sĩ, tài tử trứ danh và những nhân-vật ăn chơi khét tiếng như ông Hoàng Ali-Khan lúc còn sanh tiền.

Dạo một vòng trong thành phố Deauville và Trouville, chúng tôi trực chỉ về Villers-Sur-Mer để kịp bữa cơm trưa.

Xin tạm ngưng bút và kỳ sau sẽ kể tiếp về việc « hạ trại » của chúng tôi.

MỘNG-TRUNG

http://tieulun.hopto.org

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

http://tieulun.hopto.org

NGỘ NHẬN

(LE MALENTENDU)

ALBERT CAMUS

BÙI-GIÁNG dịch

Mấy lời thưa trước

Le Malentendu (Ngộ Nhận) là một tác phẩm tiêu biểu của Camus. Một tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao xa, lại chung đúc hết tâm tình, tư tưởng, hoài vọng, của Âu Châu hiện đại chịu vỏ xé trong bao nhiêu mâu thuẫn giữa cuồng loạn... Tác phẩm mang chứa quá nhiều dư vang u uất trong một thể thức thật đúc kết, giản ước và thật rắn rỏi.

Mượn ngôn ngữ việt để diễn dịch, chúng tôi hoang mang. Cái vụng về của chúng tôi làm lạc mất âm hưởng của nguyên tác. Nhiều trang thâm trầm đã trở thành sống sượng.

Bạn đọc cần nhớ cho điều đó, thì sẽ nhận ra **những gì ở bên kia lời văn dịch**, những gì thâm thẩm mênh mông mà lời dịch đã dò không tới. Mười lần hết chín bận, tinh hoa, bóng nguyệt đã nhầm, đã sai. Những dư vang đã tắt.

Xin bạn đọc nhớ cho điều nữa : Suốt tác phẩm của Camus hầu như không có một lời nào thừa. Mỗi lời, mỗi tiếng, mỗi cử chỉ, **dẫu rất tầm thường**, đều có ngụ ý xa xôi, có đau đớn tượng trưng, có dư hưởng siêu hình ác liệt. Mỗi nhân vật đã trở thành những cái « mythes », những thần thoại đủ tính chất hoang dại, thừa tâm tình hoằng viễn, để bao quát tâm tư của con người thời đại đương bàng hoàng chọn lối, dò dẫm bước đi ; qua sa-mạc của hư-vô-chủ-nghĩa, còn cố công dò dẫm lối về « **cố quận** », tìm lại một niềm tin để tham dự vào cuộc tồn sinh của xã hội, để hòa giải nghĩa cả và tình con, giữa mộng-xa-xôi và tấc lòng của em-gần-gũi.

Người **Mẹ già** có thể là người mẹ thật, cũng có thể là Tổ quốc, là Nhân gian đã mỏi mệt nhiều, vì sự tranh chấp liên miên của những đứa con cứng đầu cứng cổ. Đứa em gái **Martha** đáng lẽ là đồng chí của Jan, vì cái mộng của cô rất giống cái hoài vọng của thằng anh, vì lẽ gì cô không chịu nhìn ngó kỹ, để giết lầm Jan ? Vì lẽ gì cô không nhận ra mặt mũi Jan? Để cho Jan là kẻ nhiều thiện chí phải chịu chết oan uổng ? Trong khi đó thì **Maria** chỉ biết gào khóc. Và **Người Câm** không đáp một lời... Đó là hình ảnh của sa-mạc nhân gian, mất tình huynh đệ ; và **Đấng Chí Tôn** vời vợi, ngàn thu vẫn lặng lẽ ở nơi nào...

Và cái **quán trọ** điêu linh... Để những đứa con về chịu chết ?? Có đứa con nào về đây mà không chết ! Chỉ xin đừng chết oan. Lẽ nào ta đứng về phía Định-Mệnh ? Nếu bạn đọc nhận rõ riêng cái ý nghĩa của **Le Malentendu**, thì toàn thể văn nghiệp Camus sẽ sáng tỏ ngay. Đó là không nói chi tới cái đời sống của ông. Và ta sẽ tự hỏi : — Sự lặng thinh của Camus trước vấn đề Algérie, có thật quả là lặng thinh không ?

B. G.

http://tieulun.hopto.org

NGỘ NHẬN

LỚP I

Trưa. Gian phòng chung của quán trọ. Phòng sạch sẽ, sáng sủa.

XEN I

Bà mẹ

Gã sẽ trở lại.

Martha

Gã có nói thế với mẹ chứ ?

Bà mẹ

Ừ. Lúc con đi khỏi.

Martha

Gã sẽ trở lại một mình chứ ?

Bà mẹ

Ta không rõ.

Martha

Trông gã có giàu không ?

Bà mẹ

Gã không bận tâm với giá cả.

Martha

Nếu gã giàu, thì càng tốt. Nhưng cần nhất là gã phải tới một mình.

Bà mẹ, *nể ngại*

Một mình, và giàu. Ừ. Ừ. Và thế là ta sẽ phải bắt đầu diễn trở lại tấn tuồng đó.

Martha

Ta sẽ diễn trở lại. Nhưng ta sẽ được đền bù xứng đáng với công lao.

Một phút im lặng. Martha nhìn mẹ.

Trông mẹ thật lạ. Con thấy mẹ thay đổi nhiều quá, khoảng thời gian sau này.

Bà mẹ

Ta mỏi mệt lắm rồi, chỉ có thế thôi. Giờ ta muốn nghỉ.

Martha

Con có thể đảm đương hết mọi sự trong nhà. Mẹ không phải bận tâm gì nữa. Tha hồ rồi nghỉ ngơi.

Bà mẹ

Ta không định nói tới sự nghỉ ngơi đó. Không, đây chỉ là cái mộng người già nua. Ta chỉ ước ao sống thanh thản, được buông xuôi ít nhiều (*Bà cười nhẹ.*) Nói ra thì nghe rất vô nghĩa, con ạ, nhưng sao có những đêm nằm, ta cảm thấy nhớ nhung gì, như tiếng gọi mơ hồ của tôn giáo...

Martha

Mẹ ạ, mẹ chưa già lắm đâu, sao phải bó tay sớm thế. Mẹ còn phải làm những gì có ý nghĩa hơn kia.

Bà mẹ

Con cũng biết là ta đùa. Nhưng biết sao ! Tuổi vãn niên, cuộc đời đã xế, người ta có thể buông xuôi. Người ta không thể giữ thái độ cứng sửng mãi như con, Martha ạ. Đó cũng không phải là thái độ thích hợp với tuổi trẻ của con. Mẹ thấy bao nhiêu đứa con gái cùng tuổi với con chỉ nghĩ tới nô đùa, ngông cuồng thỏa thích.

http://tieulun.hopto.org

Martha

Lối ngông cuồng của bọn chúng có nghĩa gì so với những ngông cuồng của mẹ con ta. Mẹ cũng biết thế chứ.

Bà mẹ

Thôi đừng bàn tới nữa.

Martha, *chậm rãi.*

Tưởng chừng như giờ đây có những tiếng mẹ sợ không dám thốt ? Nói ra bỏng miệng phải không ?

Bà mẹ

Sao con bận tâm vì điều đó, miễn là ta nghe theo con, ta không lùi bước trước hành động ? Thôi, cần gì ! Ta chỉ muốn nói rằng đôi lúc ta muốn nhìn thấy đứa con gái hớn hở mỉm cười.

Martha

Mỉm cười ? Sao không ! Con thường có mỉm cười, mẹ ạ.

Bà mẹ

Ta chẳng thấy con mỉm cười bao giờ cả.

Martha

Ấy bởi vì con mỉm cười ở phòng riêng, những lúc con một mình.

Bà mẹ

Nhìn Martha chăm chú

Ồ ! Sao gương mặt con trông tàn nhẫn quá !

Martha

Tiến tới gần, giọng bình tĩnh

Thế mẹ không yêu gương mặt con hay sao ?

Bà mẹ

Vẫn nhìn Martha, im lặng một lúc

Có chứ, dù sao. . :

Martha

Mất bình tĩnh

Ồ ! mẹ ạ ! khi chúng ta thu góp được nhiều tiền, và có thể bỏ cái miền đất âm u này mà đi, khi chúng ta bỏ lại đằng sau cái quán trọ này và cái thành phố mưa gió mịt mù này, khi chúng ta sẽ quên hẳn cái xứ tối tăm này, cái ngày chúng ta sẽ đứng trước bể xanh mà con hằng mơ tưởng, thì ngày đó mẹ sẽ thấy con mỉm cười. Nhưng cần phải có rất nhiều tiền mới có thể sống tự do trước mặt biển. Vì thế nên chi ta phải biết đừng sợ hãi những danh từ. Vì thế nên chi ta phải để tâm lưu ý tới cái kẻ đến trọ này. Nếu hắn khá giàu, thì sự tự do của con sẽ khởi đầu có lẽ là với hắn. Hắn có nói chuyện với mẹ lâu không ? nhiều không ? hử mẹ ?

Bà mẹ

Không. Hai câu cả thảy.

Martha

Hắn hỏi thuê phòng với dáng điệu ra sao ?

Bà mẹ

Ta chả rõ. Con mắt thớ mớ, và ta cũng không nhìn kỹ. Kinh nghiệm cho ta biết rằng tốt hơn là đừng nhìn bọn họ. Sát hại cái gì ta không quen biết, bao giờ cũng dễ hơn. (*Một lúc.*) Con vui đi, bây giờ ta không còn sợ danh từ nữa.

Martha

Như vậy là tốt. Con không thích những lối nói bóng gió. Tội ác là tội ác, ta muốn cái gì, ta phải biết cái ấy. Và con tưởng như chừng mẹ cũng đã hiểu thế lúc trả lời người khách, bởi vì mẹ đã có nghĩ tới.

http://tieulun.hopto.org

Bà mẹ

Ta không có nghĩ tới. Ta trả lời theo thói quen.

Martha

Thói quen ? Sao được ? Mẹ cũng biết rằng những cơ hội biến lắm mà !

Bà mẹ

Phải. Nhưng thói quen bắt đầu với cái tội ác thứ hai. Với tội ác đầu tiên, chưa có gì khởi sự cả, chỉ là một cái gì chấm dứt. Rồi những cơ hội, nếu chúng hiếm hoi, thì chúng đã nằm phơi duỗi trên nhiều năm tháng, và thói quen từ đó đã nhờ kỷ niệm mà lớn mạnh dần dần. Phải, chính thói quen đã nhủ ta đừng nhìn kẻ đó, chính thói quen đã bảo chắc chắn với ta rằng gã có gương mặt của một nạn nhân.

Martha

Mẹ ạ, ta phải giết hắn.

Bà mẹ

Thấp giọng hơn

Phải rồi. Ta phải giết hắn.

Martha

Mẹ nói câu đó với một giọng nghe rất dị kỳ.

Bà mẹ

Quả thật, ta đã mỏi mệt lắm rồi, và ta mong rằng hắn là đứa cuối. Giết người là một việc khổ nhọc vô cùng. Ta chả cần bận tâm mình chết đây hay giữa đồng bằng, ta chỉ mong rằng sau cái vụ này mẹ con ta sẽ cùng đi, đi mất.

Martha

Mẹ con ta sẽ đi, và đó là một giờ vĩ đại, một giờ huy hoàng. Mẹ hãy đứng lên xem nào ! Có cần phải làm gì cho lắm đâu. Hắn sẽ uống ly trà, hắn sẽ ngủ, hắn vẫn còn sống thì ta đem hắn ra sông. Rồi sau đó, người ta sẽ tìm thấy hắn gắn thân vào một bờ dập ngăn nước, với nhiều kẻ khác cũng đã không may mắn ở đời, và cũng đã gieo mình xuống nước, với hai mắt mở to. Ngày nọ, mẹ nhớ chứ, khi chúng ta chứng kiến bận sái-tào bờ đập nước, mẹ có nói với con rằng những nạn nhân của chúng ta là những kẻ ít đau đớn nhất, rằng. . cuộc đời còn tàn ác hơn chúng ta nhiều. Nào ! mẹ hãy đứng lên, mẹ sẽ tìm ra yên nghỉ, và chúng ta sẽ rời bỏ hẳn xứ này mà đi.

Bà mẹ

Phải, ta sẽ đứng lên. Ta sắp đứng lên. Thật thế, đôi lúc ta nghĩ rằng, ta thấy hài lòng mà nghĩ rằng những kẻ chết do tay ta không hề đau đớn. Nói là một tội ác thì thái quá, chỉ là một chút can thiệp, một ngón tay chạm nhẹ vào đời sống kẻ xa lạ. Và quả thật, ngó bề ngoài thì xem chừng cuộc đời tàn ác hơn chúng ta. Nhưng chính có lẽ vì thế mà ta càng đau lòng cảm thấy mình có tội.

Người đầy tớ già bước vào. Y đến ngồi sau quày hàng, không nói một tiếng. Cho đến cuối xen, y không nhúc nhích.

Martha

Ta sẽ để gã ở phòng nào ?

Bà mẹ

Phòng nào cũng được, miễn là ở tầng nhất.

Martha

Phải, lần trước chúng ta đã nhọc mệt quá nhiều, hì hục ở hai tầng lầu. (*Lần đầu tiên nàng ngồi xuống.*) Mẹ ạ, có phải thật rằng, nơi xa xôi ấy cát ở bãi bể làm bỏng da chân ?

http://tieulun.hopto.org

Bà mẹ

Ta chưa tới đó bào giờ, con cũng biết thế. Nhưng nghe người ta nói rằng mặt trời nơi đó thiêu đốt hết vạn vật.

Martha

Con có đọc trong một tập sách, thấy chép rằng mặt trời nuốt chửng luôn cả linh hồn con người ta, và làm cho thân thể người ta láng ngời, chói lói, nhưng trống rỗng ở bên trong.

Bà mẹ

Đó là điều làm con mơ mộng, phải không ?

Martha

Phải, con đã chán lắm rồi, cứ mang mãi một linh hồn, con cần tìm tới gặp miền xứ kia. Mặt trời ở đó sẽ đốt hết mọi vấn đề, giết chết mọi câu hỏi. Chỗ ở của con không phải nơi này.

à mẹ

Than ôi ! trước khi thỏa mộng, còn phải bận tâm làm nhiều việc nữa. Nếu mọi sự để huề, ắt hẳn là ta sẽ cùng đi với con. Nhưng ta, ta sẽ không có cảm tưởng rằng mình đi về chỗ ở, mình đi về quê hương. Đến một tuổi nào đó con người không thể còn tìm ra một chỗ ở nào để yên nghỉ cả Không. Không... Và cái việc tự tay mình dựng nên một ngôi nhà lếu láo bằng gạch đá kia để ở, chừng đó cũng đã giỏi lắm rồi... một ngôi nhà... một ngôi nhà để thỉnh thoảng ta nằm ngủ một một giấc bơ thờ. Nhưng có nhiên, nếu trong giấc ngủ ta có thể tìm được nguôi quên, thì cũng là bay lắm.

Bà đứng lên đi về phía cửa.

Con soạn sửa đầy đủ đi. (*Một lúc.*) Nếu qnả thật con thấy rằng đáng nên soạn sửa.

Martha nhìn mẹ bước ra ngoài. Nàng cũng ra khỏi phòng bởi một cửa khác.

XEN II

Người đầy tớ già lại bên cửa sổ, thoáng nhìn thấy Jan và Maria, rồi lẩn nấp. Ông ta đứng ở sân khấu một mình trong vài giây. Jan vào. Chàng dừng lại, nhìn trong phòng, thấy ông già sau cửa sổ.

Jan

Không có ai đây ?

Ông già nhìn chàng, băng qua sân khấu và đi luôn.

XEN III

Maria bước vào. Jan đột ngột quay lại.

Jan

Em đã đi theo anh !

Maria

Anh tha thứ cho. Em không thể chịu nổi. Lát nữa có lẽ em sẽ đi. Nhưng bây để cho em được nhìn rõ chỗ anh trọ lại.

Jan

Em coi chừng. Người ta có thể đến bây giờ, và điều anh muốn làm sẽ không có thể làm được nữa.

http://tieulun.hopto.org

Maria

Thì hãy vui lòng đón cơ hội. Em mong có người đến để em giúp họ nhận ra anh, dù anh không muốn.

Jan

Quay đi. Một lát

Maria

Nhìn quanh quất

Chỗ này ư ?

Jan

Phải, chỗ này. Đây cái cửa ngày xưa anh bước ra cách hai mươi năm rồi em ạ. Ngày đó em gái của anh còn là một cô bé. Cô bé ngồi chơi rơn chỗ góc này. Mẹ anh không đến hôn anh. Anh đã tưởng rằng điều đó không hề gì.

Maria

Anh Jan ạ, em không thể tin rằng khi nãy hai người không nhận ra anh. Bà mẹ bao giờ cũng nhận ra đứa con của mình.

Jan

Nhưng cách hai mươi năm rồi, mẹ không gặp lại anh. Ngày anh đi, anh còn nhỏ lắm. Mẹ anh đã già, mắt đã kém. Chính anh nhận ra mẹ cũng còn khó thay.

Maria

Bực tức

Em hiểu mà, anh bước vào, anh nói : « Xin chào », rồi anh im lìm ngồi xuống. Anh có nhận ra cái gì gì đâu.

Jan

Trí nhớ của anh cũng chập chờn. Hai người tiếp anh không nói một lời nào cả. Anh gọi la-ve, thì đem la-ve lại. Nhìn ngó anh mà không thấy anh. Ồ mọi sự đã khó khăn nhiều, không như lòng anh đã tưởng.

Maria

Thật ra có gì khó lắm đâu. Chỉ cần nói một tiếng « Mẹ ạ, con đây », và mọi sự đã êm xuôi, thuận thảo.

Jan

Phải, nhưng anh có nhiều tưởng tượng quá. Lòng anh đương chờ đợi bữa tiệc thết đứa con phóng đãng trở về, thì người ta lại chỉ đưa la-ve, và anh phải rút tiền ra trả. Lòng anh xao động, anh không thể nói được gì.

Maria

Chỉ có một tiếng thôi là đủ.

Jan

Tiếng đó anh không tìm ra được. Ồ mà nào có gì đâu để phải vội vàng cho lắm. Anh mang của cải về đây, Anh mang hạnh phúc về đây. Khi hay tin cha mất, anh đã hiểu rằng mình có trách nhiệm đối với mẹ và em gái, và anh đã làm theo bổn phận. Nhưng anh thấy rằng cái việc trở về mái gia đình cũ không dễ dàng như thiên hạ tưởng, và cần phải một ít thời gian để biến một người lạ thành một đứa con yêu.

Maria

Nhưng tại sao không báo cho gia đình biết anh về ? Có những trường hợp buộc ta phải làm như thiên hạ. Khi người ta muốn được nhận nhìn, thì người ta nói tên tuổi mình ra, đó là sự hiển nhiên. Sao lại lập lờ làm ra vẻ lạ. Cho rồi rắm hết mọi điều.

http://tieulun.hopto.org

Anh đóng vai người xa lạ để vào một ngôi nhà, thì bảo sao người ta không đối xử với anh như đối xử với một người xa lạ ? Ô ! như thế là gàn dở lắm.

Jan

Thôi, em ạ, nào có gì trầm trọng lắm đâu. Vả lại, thế mà hay. Thế mà lại lợi cho những dự định của anh. Anh sẽ lợi dụng cơ hội để đứng ngoài nhìn ngó mẹ và em gái. Anh sẽ nhận rõ hơn. Và thấy rõ hơn ; Hai người cần những gì để s ng sướng ? Rồi sau đó, anh sẽ tạo ra những phương cách để giúp hai người nhận ra anh. Chỉ cần tìm đúng tiếng, đúng lời.

Maria

Chỉ có một cách giản dị. Là làm như mọi người. Chỉ cần nói : «Con đây», rồi để im cho lòng mình lên tiếng.

Jan

Lòng mình đâu có giản dị như em nói.

Maria

Nhưng bao giờ nó cũng lựa những lời giản dị. Có khó khăn gì đâu mà anh không nói : «Thưa mẹ, con đây, đây là vợ của con Chúng con đã sống với nhau ở một miền xứ đẹp, chúng con rất yêu thích, có sóng bể, có mặt trời. Nhưng con không hoàn toàn sung sướng, và ngày nay con cần về bên mẹ và em gái».

Jan

Em đừng bất công đối với anh như vậy. Không phải anh cần, nhưng anh nghĩ rằng mẹ và em gái cần anh, và con người ta không bao giờ sống một mình ở đời cả.

Một lát. Maria quay mặt.

Maria

Có lẽ anh nói đúng, em xin lỗi anh. Nhưng chẳng hiểu vì sao từ bữa theo anh về xứ này em bỗng trở thành đa nghi. Em e sợ tất cả. Em chưa hề nhìn thấy một gương mặt vui tươi. Con người ở đây không hề biết hạnh phúc. Giải đất Âu Châu này u buồn lắm Chính anh, tự bữa đặt chân về đây, anh không còn vui cười như trước. Em mất hẳn tính tin cậy hồn nhiên. Ô ! tại sao anh bắt em từ giã quê hương em ? Anh Jan a, thôi ta hãy quay về, đừng nấn ná lại nữa, ở đây ta sẽ không tìm được hạnh phúc đâu anh !

Jan

Chúng ta về đây không phải để tìm hạnh phúc, Hạnh phúc, chúng ta có rồi.

Maria

Sôi nổi

Thế tại sao không mãn nguyện ? Anh còn đòi hỏi gì hơn ?

Jan

Hạnh phúc không phải là tất cả, con người ta còn có những bổn phận của mình. Bổn phận của anh là tìm lại mẹ, tìm lại quê hương, tổ quốc...

Maria đưa tay lên. Jan cản lại : có tiếng chân bước. Người đầy tớ già lướt ngang qua cửa sổ.

http://tieulun.hopto.org

Jan

Có người tới. Em hãy đi mau, đừng ở đây nữa, anh van em.

Maria

Em không thể đi như thế này được.

Jan, *trong khi tiếng chân người tới gần:* Em hãy nấp vào đây.

Chàng đẩy vợ nấp vào sau cánh cửa cuối phòng.

XEN IV

Cửa cuối phòng mở. Ông già đi ngang qua gian phòng, không nhìn thấy Maria, rồi trở ra ngoài bằng cửa khác.

Jan

Thôi bây giờ em hãy đi nhanh. Em thấy chưa, ta còn may mắn lắm.

Maria

Em muốn ở lại. Em sẽ lặng thinh ngồi bên anh để chờ đợi đến bao giờ anh được mẹ nhận nhìn ra.

Jan

Không, em sẽ làm hại anh.

Nàng quay đi, rồi trở lại bên chồng nhìn chồng chăm chú.

Maria

Anh Jan ạ, chúng ta lấy nhau đã năm năm rồi.

Jan

Cúi đầu

Cũng gần đủ năm năm.

Maria

Đêm nay là đêm đầu tiên chúng ta chịu cách biệt.

Chàng yên lặng, nàng lại ngắm nhìn.

Em luôn luôn yêu anh, yêu tất cả mọi thứ nơi người anh, ngay cả những gì em không hiểu được, và em biết rằng trong thâm tâm, em không mong anh khác thế. Em không phải là người vợ khó tính. Nhưng ở xứ này, em sợ... Em sợ cái giường vắng lạnh em phải quay về nằm... Em sợ rằng anh sẽ bỏ em.

Jan

Em đừng nên nghi ngờ tình yêu của anh.

Maria

Ồ không! em không nghi ngờ. Nhưng đối với anh tình yêu chưa phải là tất cả. Anh còn những mộng ước nào, anh gọi là những bổn phận, thì cũng thế thôi. Em không níu giữ được anh. Nhiều lúc lòng anh thoát đâu mất. Những lúc đó em tưởng chừng anh chán em, anh đã mệt vì em, anh tìm yên nghỉ. Nhưng em, em không thể nào rời anh để yên nghỉ, để tìm giải khuây và đêm nay (*nàng ôm chầm lấy chồng mà khóc*) chính đêm nay em sẽ không thể nào chịu đựng nổi.

Jan

Ghì siết vợ

Em trẻ con lắm.

Maria

Đành là thế đó. Em trẻ con. Nhưng chúng ta đã từng sống hạnh phúc biết bao

http://tieulun.hopto.org

ở bên ấy, anh về đây chi vậy, lỗi đâu phải tại em nếu những đêm tối hãi hùng nơi đây làm em run sợ. Em không muốn anh để em một mình. Ở đây .. Ở đây...

Jan

Anh không để em một mình lâu lắm đâu. Này, Maria, em hiểu chứ, anh có một lời hứa phải giữ vẹn.

Maria

Lời hứa nào ?

Jan

Lời anh tự hứa với mình cái ngày anh nhận thấy rằng mẹ anh cần có anh.

Maria

Anh còn có một lời hứa khác phải giữ.

Jan

Lời nào ?

Maria

Lời hứa với em ngày anh hẹn cùng em suốt đời chung sống.

Jan

Anh tưởng rằng ta có thể hòa giải được mọi sự với nhau. Điều anh đòi hỏi em có gì nặng lắm đâu. Đó không phải là ý ngông, ý bướng. Chỉ một buổi tối, một đêm yên lành để giúp mình tìm phương hướng, tìm hiểu kỹ những người thân yêu, để biết rõ phải làm thế nào cho họ sung sướng.

Maria

Lắc đầu

Đối với những kẻ thật sự yêu nhau, thì sự xa rời nhau bao giờ cũng đau đớn.

Jan

Em tàn nhẫn dã man lắm, em cũng biết rằng anh yêu em thật sự chứ !

Maria

Không, người đàn ông không bao giờ biết yêu thương thật sự. Không bao giờ họ biết phải yêu như thế nào. Không có gì làm họ thỏa mãn. Họ chỉ biết . . . gì ? Mơ mộng xa xôi, tưởng tượng hão huyền, tự tạo ra những bổn phận mới, kiếm tìm những miền xứ mới, những chỗ trọ mới. Còn đàn bà chúng em đây, chúng em biết rằng phải vội vã yêu nhau, đừng nên cân nhắc, đắn đo gì cho lỡ dở, nệm ấm giường êm, hãy chia sẻ với nhau, đưa tay cho nhau nắm, hãy mừng giờ sum họp, và hãy sợ chia phôi. Yêu nhau thì không còn mộng ước gì nữa cả.

Jan

Chứ em nghĩ gì lung tung thế ? Anh chỉ định tìm lại mẹ anh, giúp đỡ mẹ anh vui sống. Còn mộng của anh hay bổn phận của anh, hãy nhận nhìn rằng... thế là phải thế. Thiếu cái đó, anh chẳng còn là anh, và em sẽ bớt yêu anh, nếu anh không như vậy.

Maria

Đột ngột quay mặt đi

Em biết ! Lý lẽ của anh bao giờ cũng đúng. Bao giờ anh cũng thuyết phục được em. Nhưng em không nghe anh nữa, em bịt chặt tai lại khi anh lấy giọng nói kia, em đã hiểu rõ lắm rồi. Đó là giọng nói của linh hồn anh cô độc, đó không phải là giọng nói của thương yêu.

http://tieulun.hopto.org

Jan

Tiến đến phía sau nàng

Thôi, gác chuyện đó lại, em ạ. Anh muốn em để anh ở lại đây một mình, có thể anh mới mong nhìn rõ được sự việc. Em nghĩ lại xem: có gì là ghê sợ lắm đâu? ngủ lại ở dưới một mái nhà với bà mẹ không phải là một việc gì trầm trọng. Mọi sự sẽ do Trời định. Nhưng Trời Đất cũng biết rằng anh không hề quên em. Người ta không thể làm kẻ lạ suốt đời. Anh phải tìm trở lại quê hương, gia đình, đem hạnh phúc về cho những kẻ thân yêu. Chỉ có thế thôi.

Maria

Anh có thể làm mọi sự đó, theo một lối khác giản dị hơn. Phương pháp anh dùng sai lệch lắm.

Jan

Phương pháp của anh rất tốt, bởi vì nhờ nó anh sẽ biết rõ mình đúng hay sai khi mơ ước những điều anh mơ ước.

Maria

Em mong rằng anh nghĩ đúng, anh mơ ước thế là nên. Nhưng em, em chỉ mơ trở về với xứ cũ, hạnh phúc đã tìm thấy ở đó rồi, còn bổn phận? em chỉ biết có anh.

Jan

Ôm lấy nàng

Để yên anh. Thế nào anh cũng sẽ tìm ra lời thích hợp để dàn xếp ổn thỏa hết.

Maria

Nói say mê

Ô! Anh cứ triền miên mộng ước nhé. Em chả cần gì nữa cả miễn là giữ được tình yêu của anh! Thường thường, em không thể nào đau khổ, khi ở cạnh anh. Em kiên nhẫn chờ đợi đến bao giờ mỏi mệt với những mộng khói mây; bấy giờ là lúc anh trở về với em. Nếu hôm nay em đau khổ, ấy bởi vì em tin chắc ở tình yêu của anh và em cũng biết chắc rằng anh sắp buộc em phải đi. Chính vì chỗ đó mà tình yêu của người đàn ông bao giờ cũng là một sự vò xé. Họ không thể nào sớm chầy không từ giã kẻ họ yêu.

Jan

Nắm lấy khuôn mặt nàng, mỉm cười

Điều ấy đúng, Maria ạ. Nhưng nào, em hãy nhìn anh. Có gì nguy hiểm lắm đâu. Có gì hăm dọa đời anh đâu. Anh làm điều anh muốn, lòng anh rất yên vui.

Em để anh ở với mẹ và em gái anh một đêm, có gì là đáng lo sợ.

Maria

Gỡ chồng ra

Vậy thì thôi, em đi nhé. Mong rằng tình yêu của em sẽ che chở, bảo vệ cho anh.

Nàng bước về phía cửa, dừng lại, nhìn chàng, và đưa hai bàn tay không.

Em trơn trụi thế nào, anh thấy đó. Anh lên đường khám phá, bỏ em ở lại đợi chờ.

Nàng ngập ngừng. Nàng bước đi.

(còn nữa)

BÙI-GIÁNG

http://tieulun.hopto.org

Quê hương tuổi nhỏ

BÙI - GIÁNG

HỘI - AN

Mơ màng phố cũ hoang liêu
Cánh buồm con sóng sương chiều Hội An
Tờ mây chan chứa mộng vàng
Tuổi đời em kết mấy ngàn cánh hoa
Mừng vui giọt tuổi chan hòa
Bước đi từ độ gió xa bay về
Ngậm ngùi đàn lệ ai nghe
Cỗi nguồn bên tháng năm thề xẻ chia
Dấu mờ hoen hận còn kia
Buồn trăng soi bóng sầu khuya một bờ

☆

VĨNH - TRINH

Màu xưa mây trắng xa rồi
Ở trong giấc mộng em ngồi bên khe
Bờ lau cỏ cũ còn nghe
Trong chiều thu động âm se sắt về
Trời Cao Nguyên lụt tràn đê
Nguồn trôi nước lũ xuống đè cát xanh
Ngày rơi theo lá rụng cành
Vai xuôi bóng nặng qua ghềnh đợi mong
Én đầu xuân tuyết đầu đông
Rừng cô tịch ngóng nội đồng trổ hoa
Nhìn nhau tuổi đó mười ba
Hàng tre đứng ngẩn ngơ ra mấy chiều.

B. G.

http://tieulun.hopto.org

Hồi âm

THÀNH-TÔN

Gởi anh Tường-Linh

Ngày anh đi, tôi vẫn còn bé dại
Chỉ biết cười thôi, dù buổi chia ly
Nhưng vẫn nhớ, khi thuyền nan quay lái
Bỗng dòng sông dậy sóng tiễn người đi

Anh say hải hồ, tôi mê học hỏi
Tình cảm chúng mình nào đã... tàn phai ?
Lời Tiếc Thương anh nhắn về thăm hỏi
Bắt trí tôi ôn lại tháng năm dài...

Ừ nhỉ, ngày xưa, cái gì lưu luyến
Dòng sông xanh. Trăng thắm. Lũy tre làng
Bến nước đò ngoan, núi chờ mây quyện
Pháo đỏ, rượu nồng... Giỗ, Tết xênh xang

Tất cả ngày xưa, chừ là kỷ niệm
Bến Trâu Dầm, cầu Bà Đội... : tang thương !
Vì bởi thời gian một lòng quyết chiếm
Cả chúng mình. Cả bướm. Cả chim muông

Nào Bích, nào Ngân, nào Hà, nào Tố
Đã không còn vết tích của ngày xanh
Mà lại Ngọc-Bích, Thu-Hà... rất ngộ
Đang bôn ba trên mấy nẻo kinh thành !

Và những Đào tong, Thi gầy, Hải móm
Cùng lên đường dẹp loạn, giữ quê hương
Như anh biết, tre tàn măng sẽ nhóm
Câu hát : À ơi... vẫn quyện trong sương

http://tieulun.hopto.org

Chưa rượu tao phùng, đã nhiều ngây ngất
Khi ngày xưa sống dậy ở trong tôi
Tiếng hát ru con, ru tình thứ nhất
Tiếng quê hương, hay tiếng nói cuộc đời ?

Tôi phục tài anh, ngày xưa, còn nhớ
Và mối tình gắn bó với quê làng
Muốn ngỏ đôi lời, nhưng sao vẫn ngại
Anh có buồn khi người ấy sang ngang ?

T. T.

Cùng các bạn gởi bài:

Tòa soạn Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các bạn có nhiệt tình với Bách-Khoa đã sốt sắng gửi bài về rất nhiều và rất đều đặn. Tuy nhiên trong sự lựa chọn đăng, về biên khảo, thể theo ý kiến của phần đông bạn đọc, phải dành ưu-tiên cho các bài sát với thời cuộc, giải đáp những thắc mắc băn khoăn hiện tại, giới thiệu những vấn đề, những sự việc, những trào lưu tư tưởng mới mà bạn đọc đang mong tìm hiểu.

Bởi vậy nếu bài của các bạn không đăng ngay được, cũng xin các bạn thông cảm mà lượng thứ cho.

Cùng các bạn gởi bài :

Tất cả những bài gởi đăng về SỐ KỶ-NIỆM 5 NĂM của BÁCH-KHOA (15-1-62) và SỐ TẾT NHÂM DẦN, trân trọng xin các bạn gửi về tòa soạn trước ngày 30-11-61 để kịp chuẩn bị cho chu đáo. Đa tạ.

TÒA SOẠN BÁCH KHOA

http://tieulun.hopto.org

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9è

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

http://tieulun.hopto.org



VÀO MÙA XUÂN

UYÊN-THAO và

THANH-THƯƠNG-HOÀNG

TÔI biết rằng người ta đang lùng bắt tôi. Cánh cửa khám đường đang chờ giờ mở ra để đón tôi. Tôi sẽ có một sổ tù ở trước ngực và sẽ được mang danh là một kẻ sát nhân. Nhưng, tôi không ngại phải làm bạn với những chấn song sắt, với những bữa cơm trộn xạn, những con muỗi nhọn ngòi. Vì tất cả những thứ đó cũng chỉ có giá như những tảng đá tai mèo mà tôi dẫm lên để tới nơi đây. Tôi vẫn đạt được ý định mặc dầu chân tôi bị cứa tới bật máu, người tôi mệt-mỏi rã rời.

Tôi chỉ biết rằng bây giờ tôi đang ngồi bên bờ một đại-dương. Trước mắt tôi, từng đợt sóng tung lên như những cánh hoa lê. Biển cả trải dài ra tới tận chân trời xa thẳm xanh trong như gương. Mấy làn mây bạc mỏng manh nhẹ nhàng trôi theo gió. Sau tôi là rừng cây rậm rạp xúm lại bao quanh mấy hòn núi đá lẻ loi. Tối hôm qua tôi đã ngủ ở trong một hang đá lưng-chừng hòn núi sừng sững kia. Hơi đá bốc lên giá như băng khiến suốt đêm tôi không nhắm mắt được. Hết nằm thu chân lên ngực, lại trở dậy ngồi ôm đầu gối. Người tôi run bần bật. Phía ngoài hang từng đợt gió hú lên và đem đến với tôi những tiếng kêu gào ghê rợn của dã-thú, tiếng chim rừng khắc khoải cầm canh. Tim tôi như ngừng đập mỗi khi hòn đá lăn từ trên đỉnh núi xuống rớt trước cửa hang. Chốc chốc tôi lại rờ tay vào chuôi dao, con dao mà tôi vừa dùng vào hai ngày trước. Có một phút tôi chợt nghĩ đến sự hiện hình của những hồn oan. Tôi sẽ phải đền mạng bởi

http://tieulun.hopto.org

những bàn tay ma quái vô-hình xiết chặt ngang cổ ? Trong hang tối đen. Tôi cố giương mắt, tìm tòi một sự chuyển biến, một dấu hiệu báo rằng kẻ đó đã đến. Nhưng, tôi chỉ nghe thấy tiếng lích chích của mấy con chim nhỏ. Những tiếng kêu ấy báo cho tôi biết trời sắp sáng. Tôi đã nhận được lờ mờ một vài hình thù của những lùm cây mọc chắn cửa hang. Rồi, một tia sáng rạng lên. Tiếng chim kêu ríu rít từ xa đưa lại. Tôi khom lưng bước ra cửa hang. Khí núi hòa lẫn hơi sương còn phủ quanh sườn đá một màn dày đặc. Tôi nhìn về phía Đông, nhưng chỉ thấy được một khoảng sáng mờ mờ. Gió vẫn thổi mạnh quật ngã những cành cây vào vách đá. Cẩn thận, tôi lại trở vào hang chờ đợi. Hồn ma ám ảnh tôi đã tan biến đi từ lúc con chim nhỏ lích chích mấy tiếng trong veo. Tôi không còn nhớ đến hình ảnh khủng khiếp của một kẻ vật vã trên vũng máu, hai tay ôm ngực và mắt trợn ngược lên, trắng dã. Đưa mắt quan-sát lại chiếc hang, tôi đã nhìn thấy mấy vách đá. Chiều qua tôi đã cẩn thận xem từng dấu vết nhỏ ở trong hang, nhưng bây giờ tôi lại thấy nó lạ quá ; tưởng như tôi đang ở trong một hang khác. Nó nông hẳn lại nhưng lạnh lẽo, âm u chứ không sâu thẳm và ấm áp như chiều qua. Quay nhìn ra ngoài, tôi cũng thấy lạ. Tảng đá chắn trước cửa hang kia dường như đã đổi mầu. Tôi còn nhớ khi dừng chân lại trước cửa hang. Tôi tưởng nó là một tảng đá hồng dưới ánh nắng chiều. Nhưng lúc này nó chỉ là một tảng đá vôi bị rêu ẩm. Khi mặt trời lên cao tôi còn ngồi trên tảng đá ấy, chờ cho sương tan hết. Những cành lá ngả nghiêng quệt vào chân, vào vai tôi. Tôi nhìn xuống phía dưới. Cách nơi tôi một khoảng chừng năm trăm thước là một giải rừng cây. Tôi sẽ phải đi qua giải rừng ấy sau khi xuống tới chân núi. Tôi gợi lại, trong khi chờ đợi, những lối đi xuyên rừng ngắn nhất. Vì trước đây, tôi đã từng qua lại khu rừng nầy nhiều lần. Thế rồi, tôi nhớ tới Ba-Siêu, người tiều-phu ở ngay sát nhà tôi. Y vẫn cùng tôi vác nỏ đi bắn đêm những khi tôi về thăm nhà và chính những dịp ấy đã khiến tôi biết được con đường nào là con đường xuyên rừng ngắn nhất và ít nguy-hiểm nhất. Cũng chính những dịp ấy khiến tôi có ý tưởng vượt qua rặng núi kia để về nhà, sau khi nhúng tay vào máu. Tôi đã đi mất một ngày qua những cánh đồng lúa cằn cỗi, những khu đồi trụi và leo lên được tới hang đá này. Từ đây về nhà tôi chỉ mất già nửa ngày đường nữa. Nếu không gặp cản trở tôi sẽ tới nhà vào khoảng mặt trời vừa xế bóng. Tôi sẽ được gặp mặt mọi người và được cùng gia-đình xum họp ít nhất là một ngày khi những kẻ có nhiệm vụ lùng bắt tôi tới nơi. Anh nắng chói rạng giúp tôi vững trí. Tôi nắm chặt chuôi dao và bíu vào từng cành cây để lần xuống. Những mũi đá lởm chởm, nhọn sắc cứa vào gan bàn chân hoặc in lằn đỏ lòng bàn tay. Mồ hôi trán

http://tieulun.hopto.org

và ra, nhưng tôi vẫn bước. Càng xuống thấp, ánh nắng càng nhạt dần khiến đôi lúc tôi phải dừng lại phập phồng. Tôi cũng còn chưa quên rằng giải rừng dài trước mặt kia là đất đai của một con cọp dữ mà cả vùng này đều lo sợ. Trong khoảng ba tháng trước, nó đã xé xác hơn một chục người và bắt của mấy xóm kề cận mất bảy con lợn. Nếu gặp nó thì chỉ có nước chết. Còn chừng một khoảng nữa thì xuống tới chân núi, nhưng tôi phải dựa vào một gốc cây lớn để suy tính. Bây giờ tôi không còn ở cái thế từ trên nhìn xuống nữa mà là đang bị che lấp bởi cả ngàn cây. Không tính hướng đi cho kỹ càng thì có thể sẽ không bao giờ đặt chân được tới bên kia mé rừng cả. Trong cái khoảnh khắc ấy, tôi nghĩ tới một câu chuyện của Ba-Siêu. Đây là một câu chuyện về con cọp của khu rừng này. Trước ngày nó hoành hành dữ dội, một tiều phu đã gặp nó. Ba Siêu cũng có mặt hôm ấy và kể rằng cả hai gặp nhau bất ngờ. Tiều phu nọ là một thanh niên khoẻ mạnh mới nhập đoàn, nhưng luôn luôn xin đi đầu, mỗi chuyến vào sâu trong rừng. Hôm ấy cả đoàn vừa nhô ra khỏi một khúc nguỷnh thì nó xuất hiện. Nó cũng đang thủng thỉnh đi ngược lại. Cả bọn tiều-phu bỏ chạy tứ tán, riêng có gã nọ cứ đứng trơ trơ ở giữa đường, không nhúc nhích. Con cọp cũng hoảng hồn vì chuyện gặp gỡ bất chợt, nhưng nó không bỏ chạy, chỉ lùi lại giữ miếng. Miệng nó há ra đỏ lòm. Nhưng, tiếng gầm của nó không khiến gã tiều phu chuyển động Nó dè dặt tiến lên một bước, rồi quật đuôi nhảy sang một bên. Mắt nó không rời gã tiều phu và nó lại nhảy sang bên khác. Những đám cỏ gianh mọc hai bên đường bị quật nát nhàu và nó không ngừng chảy nhớt. Những chiếc răng nhọn hoắt giơ ra một cách dữ tợn, những chiếc móng sắc vươn lên. Đám tiều phu nín thở trên các cành cây và chờ đợi một cảnh đau lòng sắp diễn. Nhưng, gã nọ vẫn như một bức tượng đồng không nhúc nhích. Thốt nhiên, con cọp nhảy đại về một bên rừng té chạy. Mọi người trợn mắt nhìn nhau vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Gã nọ lúc ấy mới ngơ ngác quay nhìn xung quanh. Thì ra quá sợ, gã đã gần như chết đứng. Nhưng, khi mọi người kéo tới thì gã không chịu thề. Gã cho rằng con cọp đã sợ oai gã vì mệnh gã lớn và vững lắm. Dân quanh vùng cũng tin như thế, và đều kính sợ gã. Những lần đi rừng sau, gã coi như ra bãi dồn trâu, luôn luôn xông xáo đi trước, thề rồi, cũng ở quãng đường quẹo ấy gã lại gặp con cọp. Lần này gã không đứng yên mà cầm riu xăn lên. Nhưng gã vừa nhấc chân thì con cọp đã chồm tới. Đám người tản mạn xung quanh chỉ còn nghe thấy một tiếng thét. Chiều hôm sau, người ta tìm thấy ở một mé rừng mài cuối dãy núi một bên đùi của gã.

Hình ảnh cái chết cầu xé ấy ám ảnh tôi. Nhưng, dù sao, tôi vẫn phải đi. Mỗi lần một đợt sỏi troại dưới bàn chân tôi lại dừng lại phập phồng. Lúc nào tôi cũng tưởng

http://tieulun.hopto.org

như nó đang nằm quanh đâu đây. Chân tôi đụng vào một tảng đá. Vừa vội vàng níu vào một cành cây để giữ thăng bằng, tôi vừa hối hộp nhìn quanh. Dường như đã có một cặp mắt sáng lòa ghim vào người tôi. Ít đi rừng, nhưng tôi biết rằng để nó thấy mình trước là cầm chắc cái chết trong tay. Đam lá khô sào sạc cứ như nhắc tôi, nó đang dè dặt đi theo đó. Mồ-hôi càng vã ra tay cầm dao của tôi đã tê bại. Đi sâu vào trong rừng khoảng một cây số thì tôi chỉ còn biết có đi mà thôi. Tôi không nghĩ gì và cũng không biết gì nữa. Mắt tôi ngơ ngác đảo quanh và hai chân cứ đưa như một cặp máy. Chốc chốc một khoảngđường ngắn lộ ra dưới ánh nắng. Rồi, tôi nghe xa xa có tiếng sơn ca ríu rít. Mỗi lúc tiếng chim một rõ hơn thì gió lại càng thổi mạnh. Cây cối ép vào nhau gào lên ghê rợn. Nhưng, một khoảng rạng sáng đã hiện ra. Tôi nhìn thấy, thấp thoáng qua những kẽ lá, một mảnh trời con. Những bụi cây thưa dần sau đó và tôi đã đứng trước một bãi cỏ rộng chạy dài theo mé rừng. Tôi không nhìn lại phía sau, vội vã bước đi ngay. Những lá cỏ sắc sóc vào chân tôi, nhói buốt, nhưng tôi cứ đi. Nắng sồi xuống rát vai, rát mặt, nhưng tôi thấy khoan khoái dễ chịu vô cùng. Tôi nhìn sang hai bên. Trống rỗng! Tất cả chỉ là một giải cỏ chạy dài. Khi mặt trời đứng bóng thì tôi tới một thửa ruộng đầu tiên. Những khóm lúa mới cấy còn còm nhom ngả nghiêng trong gió. Cả một khu đồng không có bóng người. Tôi đã nhận được một vài dấu quen thuộc của con đường đất đỏ. Đi theo con đường ấy, một quãng xa, tôi nghe thấy tiếng sóng ì ầm. Một đợt gió thổi tạt vào mặt. Tôi ưỡn ngực ra đón lấy với một cảm giác nhẹ nhàng thích thú. Chân tôi không còn nhức nhối và nặng chịch nữa. Trước mắt tôi mặt biển đã hiện ra. Một màu xanh bát ngát giải dài tới tận chân trời. Lúc ấy tôi mới thấy khát, và nóng nực.

Và tôi đã tới gốc bàng này, một cây bàng mọc trơ trụi trên bãi cát, cành lá rườm rà.

Tôi không còn lo gì nữa, kể cả ngục tù. Phải, tôi dám nói như vậy, vì tôi đã coi ngục tù chỉ có giá như những tảng đá tai mèo.

Chân tôi còn rướm máu đây, còn đang đau ê-ẩm, nhưng những tảng đá ấy đâu có cản được đường tôi. Mấy làn mây trắng đã tan mất về một phía nào rồi trả lại cho khoảng trời xanh trong như gương một màu xanh toàn vẹn. Sóng biển vẫn từng đợt tung lên quanh những gò đá nhấp nhô. Tôi đã tới được vùng ánh sáng để sống với không khí trong lành của biển cả. Con cọp dữ kia cũng không còn ám ảnh tôi nữa. Bây giờ, tôi chỉ còn nghĩ đến giấc mộng giang hồ, đến cái thú của một kẻ được dừng chân rũ bụi trên vạn kinh kỳ. Tôi sẽ sống những đêm quay cuồng với loạn-nhạc, với sắc đèn. Tôi sẽ sống những đêm thảnh thơi, thơ mộng trên một dòng sông xanh, hay những đêm lạnh giá giữa rừng sâu.

http://tieulun.hopto.org

Tôi sẽ ấp ủ hình ảnh Tuyết trong một giấc mơ ở đầu non hút gió, hay trong một chiều ngồi vơ vẩn ngắm mây bay. Những người lạ viễn-phương sẽ tìm đến bên tôi để mong được nghe một câu chuyện của người khách xa nhà. Và, tôi sẽ kể với họ rằng tôi yêu Tuyết. Tôi đã say đắm đôi mắt mơ màng, khuôn mặt hiền-dịu, và nhất là những lời ăn tiếng nói dịu-dàng. Tôi sẽ cho họ nghe giọng ca quyến rũ của Tuyết đã tiếp sức sống cho tôi. Tôi cũng kể cho họ nghe cả về gã trai ấy nữa, gã trai mà tôi đã không ngần ngại một chút nào khi găm mũi dao nầy vào thẳng qua tim. Những giòng máu đỏ phun cả vào ngực tôi, vào mặt tôi. Những tiếng rú ghê người còn vướng vất trong trí tôi. Tôi sẽ kể lại tất cả.

* * *

Tôi thường nghe người ta nhắc đến tên Tuyết, suốt quãng ngày phiêu bạt. Bất cứ ở một tỉnh-lỵ nào người ta cũng nói với nhau về giọng ca và nhan sắc của Tuyết. Rồi, vào một chiều ngồi dưới một gốc dừa trên một bãi biển miền Trung, tôi nghe thấy từ chiếc máy thu thanh công cộng lời giới thiệu của một ca sĩ : Tuyết. Có lẽ ngay từ hôm ấy, tôi đã yêu Tuyết nhưng tôi không rõ. Giọng hát não-nề. Đôi lúc gần như nghẹn ngào, nức nở ấy khiến tôi nhớ đến quê-hương, nhớ đến những mái đầu bạc, những bầy trẻ thơ. Cảnh trời biển bao la và bải cát một màu tráng xóa như thúc giục tôi sống lại với những mái gianh, những đồm lửa hồng. Từng con đường đất màu xẫm, từng giải mạ xanh non như nổi lên ngay trước mắt tôi. Đây là anh nông phu chồng cuốc đứng đầu bờ mơ màng nhìn theo mấy bóng cò trắng bay về núi. Đây là những đoàn trâu lũ lượt về thôn. Và đây, tiếng hò duyên dáng lắng-lơ của những cô gái đồng chiêm mà nắng hạ đã khiến hồng đôi má.

Từ ngày ấy, lúc này tôi cũng chờ đợi, chờ đợi một giọng ca quyến rũ. Rồi những toa tàu bẩn thỉu ngập ngụa rác rưởi, cá ươn mang tôi về tới đô thành. Tôi biết rằng cuộc đời của tôi không phải là của tửu-quán, ca-lâu, nhưng ngay đêm đầu tiên đi vào thế giới phồn hoa tôi đã tìm tới một nơi có ánh đèn màu. Và tại nơi đây, tôi gặp Tuyết. Tuyết với đôi mắt mơ màng, với mái tóc uốn cong để sõa một vài sợi trên vừng trán, với nụ cười dụt - dè, ngượng nghịu đang đứng trước mắt tôi kia. Tôi ngắm những ngón tay đan vào nhau của người ca sĩ, ngắm dáng người mảnh mai duyên dáng và quên hẳn mình đang ở giữa một thế giới đèn màu. Nhưng, những tiếng vỗ tay rầm rập lôi tôi về hiện tại. Một gã đàn ông sừng sững hiện ra trước mắt tôi như một bóng đêm. Bóng đêm ấy đã ngăn mắt tầm mắt tôi. Gã đi về phía Tuyết và nở một nụ cười tình tứ. Rồi, cả hai đi về một góc phòng. Nhạc lại nổi lên gay gắt. Những nhịp chân quay cuồng, những cánh tay vẫy vẫy, những tấm thân uốn-éo khiến tôi tối tăm cả mặt mũi. Tôi không ngờ

http://tieulun.hopto.org

được gặp Tuyết tại đây và cũng không ngờ cả đến cái thực cảnh đau lòng kia nữa. Câu chuyện đứt quãng của mấy người ngồi kề bên cho tôi biết được gã đàn ông ấy là một tay triệu-phú. Gã đã dùng gia tài của gã để gạt ngã biết bao kẻ muốn tìm đến Tuyết. Đầu tôi ù đi và tôi không còn đủ can đảm ngồi thêm một lát nữa. Khi ra khỏi gian phòng ngập ngụa hơi người và hơi rượu, tôi tưởng mình sẽ không bao giờ trở lại.

Nhưng qua một đêm dằn vặt, sớm hôm sau tôi lại mong cho trời chóng tối. Tôi đợi từng giây từng phút cho ánh điện loé lên để lại tới tìm Tuyết. Tôi không rõ vì sao tôi mong được thấy Tuyết như mong thấy một người thân xa cách lâu ngày. Suốt ngày, tôi nóng nảy bồn chồn.

Đồng hồ vừa chỉ bảy giờ, tôi đã vội vã mặc quần áo. Tôi vào một tiệm cà-phê để giết mấy giờ còn lại, nhưng chỉ ngồi được nửa tiếng, tôi lại phải đứng lên Nếu chân tôi không luôn luôn đặt trên mặt đường thì tôi không yên tâm được.

Thế rồi, dưới ánh đèn màu, Tuyết lại hiện ra. Tuyết hiện ra rực rỡ như những nàng tiên trong cổ tích thần thoại. Tuyết hiện ra với tất cả nỗi sung sướng tràn ngập tâm hồn tôi. Nỗi sung sướng được nhìn nàng bằng những tia mắt chân thành, tha thiết. Nụ cười gượng gạo lại nở trên môi người ca sĩ. Nụ cười ấy càng như một mảnh gương mờ che ngang Tuyết, khiến tăng thêm những nét yêu kiều. Tôi nhìn Tuyết qua những làn khói thuốc và thấy rằng chỉ riêng mình hiểu được nỗi lòng của người con gái ấy. Nụ cười như một tấm gương mờ kia đã nói lên những điều bí-ẩn chất chứa quanh Tuyết. Tự nhiên, tôi thấy mình là kẻ có nhiệm vụ phải an-ủi Tuyết, phải giúp Tuyết thoát khỏi cuộc đời nhiều dằn vặt ấy Tuyết phải được sống thảnh thơi vì đó là quyền của Tuyết.

Nhưng, cũng chỉ một lát sau tôi đã phải hậm hực bỏ về. Lại vẫn cái bóng gã đàn ông ấy che ngang tầm mắt tôi, vẫn nụ cười tình tứ, đi thõa của gã khiến tôi phải khó chịu, đứng lên.

Lâu dần, thành một cái lệ : cứ mỗi khi Tuyết dứt lời ca là tôi đứng dậy. Tôi không muốn nhìn thấy cảnh gã sánh vai cùng Tuyết đi về một góc phòng ; mặc dầu tôi chưa quên Tuyết vẫn biểu lộ sự bất đắc dĩ bằng những nụ cười. Tôi cũng không cần biết đến những bộ mặt quen thuộc của cái vòm trời sao đó, trăng xanh này, những cặp mắt, những đôi môi của họ. Tôi cũng không cần biết đến cả họ đã nói gì về tôi và nói gì với tôi. Nhưng, dư-luận ấy đã khiến Tuyết chú ý. Đôi mắt mơ màng ấy đã một đêm đưa đẩy tìm tôi và từ những đêm sau, chính tôi, tôi lại thường gặp những nụ cười e dè của Tuyết, những đuôi mắt trao nhanh khi nàng sắp dứt lời ca. Để đáp lại, tôi vẫn giữ nguyên một thái-độ, vì thực ra tôi không cần

http://tieulun.hopto.org

phải để Tuyết biết rõ những ước-vọng của tôi. Tôi cũng biết rằng tôi đã yêu Tuyết, yêu Tuyết từ buổi chiều được nghe giọng ca của nàng trên một bãi bể miền Trung. Nhưng biết thế không phải để đòi hỏi ở Tuyết một cái gì, ngoài việc mỗi ngày một lần được thấy Tuyết đứng trước micro. Tuy vậy đòi hỏi ấy của tôi cũng quá nhiều đối với Tuyết nên một đêm tôi đã phải ngẩn ngơ khi nghe lời xin lỗi của người chủ tiệm : Tuyết vắng mặt. Theo lời xin lỗi thì chỉ vì lý do sức khỏe của Tuyết, nhưng tôi không chịu nhận thế ngay, nhất là khi gã đàn ông nọ cũng không tới. Tôi đứng dậy sau khi người chủ tiệm quay vào. Những điệu nhạc dồn dập như thúc dục tôi phải bước mau ra cửa. Một chiếc xe hơi bóng loáng lao vút qua trước mắt tôi. Trên xe một cặp trai gái ngồi rúc vào nhau Hình ảnh ấy khiến cổ tôi nghẹn lại không hiểu sao, tôi lại tự hỏi : Phải Tuyết chăng ? Nhưng, chiếc xe đã khuất về một nẻo xa chỉ còn để lại trong óc tôi dư-ảnh của một cục đèn đỏ. Tôi châm thuốc hút liên tiếp và đi mãi dưới những bóng cây. Đầu óc hoang mang, chân tay rời rã, tôi tưởng như mình vừa đánh rơi mất một hạt ngọc quí.

* * *

Những ngày sau đó, tôi bắt đầu làm quen với đường phố đô.thành. Tôi đi như một người có nhiệm vụ phải đi, bất kể nắng mưa và bụi bặm. Từ một hiệu ăn này tôi sang một tiệm uống khác, lê những bước nặng nề trong khi đầu óc chĩu những ý nghĩ vẩn vơ, buồn vui, mơ mộng, ước ao... Và những bước chân ấy đã đẩy tôi tới một gặp gỡ không ngờ. Tại một góc phố, Hiếu đã nhận ra tôi. Anh cất tiếng gọi và trong lúc tôi còn đang ngơ ngác anh tự giới thiệu :

— Hiếu đây, Hiếu Yên Trường ngày trước đó mà.

Tôi sực nhớ ra và lặng lẽn người đi. Hiếu Yên Trường đang ở trước tôi đây sao ? Người bạn vui tính và ưa nô đùa đã cùng tôi trọ học tại một làng phía Bắc miền Trung trong những ngày khói lửa kia sao ? Tôi không nói và cũng không khóc được. Có lẽ hiểu ý tôi, nên Hiếu cố cười gượng :

— Cậu lạ về mình lắm hả ?

Rồi, anh hạ thấp tầm mắt xuống chân :

— Kết quả cũa những ngày lăn lộn để lập công đấy.

Tôi không nhìn theo tầm mắt anh, nhưng biết rằng anh đã bị cụt một chân rồi. Hai chiếc nạng cặp nách của anh bóng lên vì mồ hôi. Giọng nói chua chát của anh xoáy mãi vào óc tôi và tới lúc ấy tôi mới nhếch được một nụ cười. Tôi cũng không hiểu vì sao tôi đã cười. Và, nhất là vì sao Hiếu đã cười theo ? Rồi, anh hỏi thêm :

http://tieulun.hopto.org

— Mấy năm vừa rồi làm gì ? Có khá không ?

Tôi vẫn giữ nguyên nụ cười lắc đầu. Hiếu vỗ một tay lên vai tôi.

— Thôi về nhà mình nói chuyện. Đứng đây mãi để hít bụi à !

Tôi theo Hiếu như một cái bóng. Mỗi lần cặp nạng của anh xéo xuống đất, tôi lại thấy nao nao một nghẹn uất. Tôi nhớ lại cái thuở hai đứa tôi mới mười sáu tuổi đầu ngày đêm bỏ học để say mê theo dõi những tin tức chiến sự từ các Liên khu đưa về. Sau đó, chúng tôi chia tay nhau đi theo ước vọng và bây giờ...

Gần mười năm xa cách, thời gian đã để lại trên tầm thân Hiếu những dấu vết lớn.

Đường về nhà Hiếu không xa lắm, nhưng luồn lách mãi giữa những dãy nhà lụp sụp. Gần tới nơi, tôi mới lên tiếng :

— Cậu vào đây một mình ?

Hiếu lắc đầu :

— Không, còn con em mình nữa.

Anh lại cúi xuống, sau khi đáp, có vẻ như chăm chú tới đường đi, nhưng tôi bỗng nhận được một nét thay đổi trên khuôn mặt hốc hác của anh. Mắt anh hơi sáng lên, nhưng sáng vẻ sáng của một cặp mắt sắp khóc. Tôi không hỏi thêm mà nghĩ ngay đến gia-cảnh của anh. Theo lời Hiếu, anh vẫn còn đủ cả cha mẹ và có bốn đứa em. Nhà Hiếu thuộc vào hạng khá giả ở Yên-Trường. Nhưng tới nay chắc gì cái gia-đình ấy đã chẳng gặp phải một chuyện không may, nhất là Yên-Trường lại nằm kề trên đường số 6, con đường yết-hầu của chiến-dịch Hòa-Bình mấy năm trước.

Chúng tôi dừng lại trước cửa một căn nhà gỗ, nhỏ nhắn, nhưng không bẩn thỉu luộm thuộm. Hiếu đưa tay đẩy cửa. Hai cánh gỗ mở ra để tôi nhận thấy ngay giữa nhà là một chiếc bàn con. Căn nhà được ngăn đôi ra bởi một chiếc màn gió. Hiếu kéo ghế mời tôi ngồi rồi vén màn bước sang bên kia. Tôi nghe có tiếng thì thào của một người con gái. Bỗng một khung ảnh bên tường đập vào mắt tôi. Tôi rút khăn lau mồ-hôi trán và nhìn lại. Có lẽ nào tôi lầm ? Mái tóc kia, cặp mắt kia đã in vào trong óc, trong tim tôi tự lâu rồi. Hiếu trở ra, nhưng tôi không hay. Anh đứng nhìn tôi một lúc, rồi chỉ tấm ảnh :

— Em gái mình đấy !

Lời nói của anh khiến tôi sực tỉnh gượng gạo quay lại. Anh ngồi xuống đối diện với tôi trong khi tim tôi vẫn rộn lên. Có lẽ mặt tôi đã như đỏ và tôi phải cố nén bằng cách hỏi anh :

— Cô ấy đi học ?

Hiếu lắc đầu :

— Nó bị ốm mấy hôm nay.

Rồi anh thở dài. Tôi thấy anh định nói một câu gì, nhưng lại thôi. Mắt anh liếc nhanh vào đĩa cam, táo bày

http://tieulun.hopto.org

ở chiếc bàn con kê sát phía trong tường. Môi anh bặm lại trong một vẻ suy nghĩ. Tôi phải cố gắng để phá tan bầu không khí nặng nề ấy :

— Cậu di-cư hồi nào ?

Hiếu quay lại, uể oải :

— Ngay hồi đầu năm 55.

Anh chép miệng :

— Thực mình không ngờ lại xảy ra những chuyện thế nầy.

Anh chỉ xuống chân :

— Chính hôm chân vừa tạm khỏi mình đã định đi ngay, nhưng không đi được vì thiếu thốn đủ thứ. Vả lại,

Anh ngừng một lát, trầm ngâm :

— ... Mình còn muốn về thăm nhà.

Sau đó, Hiếu tiếp tục kể với tôi về những chuyện anh thấy sau bốn ngày chồng nạng vượt đồi, vượt núi về nhà. Cả gia-đình anh chỉ có một đứa em gái trọ học ở Hà-Đông là thoát chết, còn tất cả đều đã làm mồi cho lửa đạn vào một trận đánh ở bên đường số 6 mé trong Tiên-Lữ. Thế là anh lại lưng đeo nách khoác chồng nạng bước đi. Tới Hà-Đông anh được một người quen cho biết địa-chỉ của cô em gái hiện đã xuống Hải-Phòng. Nhờ cặp nạng ấy và những giấy má sẵn có, anh xuống được đất Cảng để nhìn em mà rưng rưng nước mắt. Từ ngày ấy, anh chỉ nằm nhà, sống nhờ tài đảm đương của đứa em mới mười tám tuổi đầu. Kể tới đây, dường như anh nhớ đến thái độ ban nãy của tôi, nên hỏi :

— Chắc cậu biết nó chứ, nó là... Tuyết ở đài phát thanh đấy ?

Mặt anh hơi nhăn lại. Cũng lúc ấy, tôi thoáng nghe thấy mấy tiếng rên mệt nhọc từ sau bức màn gió. Không hiểu sao, tôi lại lắc đầu :

— Mình chỉ thấy tên thôi, chứ không biết cô ấy !

Lại một lần nữa, Hiếu ngập ngừng toan nói. Anh liếc mắt về đĩa cam táo nọ, như cố lấy lại bình tĩnh cho câu chuyện, nhưng không bao giờ tôi được nghe những ý nghĩ lúc ấy của anh cả.

Tuy vậy, tôi thấy nhẹ hẳn người đi. Nụ cười như một tầm gương mờ của Tuyết, tôi đã hiểu. Tôi muốn được ngồi ngay xuống bên Tuyết để nói cho nàng rõ ý định của tôi. Tôi tin rằng Tuyết có thể sẽ bớt hẳn bệnh khi nàng hiểu được đã có một người hiểu nàng. Vì qua thái độ của Hiếu, tôi vẫn thấy rằng Tuyết còn cô độc lắm. Hiếu ngồi im trong khi ấy tôi tự hỏi: Có nên nói với Hiếu chăng ? Mà, làm sao lại phải dối Hiếu ? Nhưng, tôi không có nhiều thời giờ Bất chợt, mày Hiếu nhíu lại. Khuôn mặt già nua của anh gần như méo sệch đi. Theo đầu mắt anh, tôi bắt gặp một người : gã đàn ông đã ám ảnh tôi. Tay ôm một hộp giầy, gã đang lựa chân bước trên chiếc ngõ hẹp lồn nhồn gạch ngói.

Không muốn Hiếu phải bồi rồi thêm, tôi đứng dậy làm bộ bận phải đi ngay. Gã đàn ông nọ dừng lại để tránh tôi. Gã lánh người về một bên

http://tieulun.hopto.org

như sợ tôi chạm phải. Mùi nước hoa sực lên từ khắp người gã. Có lẽ khi tôi đi khỏi rồi, gã còn nhìn theo một đỗi khá xa. Vì ngay khi dòm mặt gã đã có vẻ thắc mắc, thấy tôi từ nhà Tuyết bước ra. Cái cử chỉ nép vào một bên ngõ để tránh tôi của gã, tôi hiểu gã muốn tỏ ra rằng gã khinh tôi. Nhưng, trước mắt tôi bây giờ chỉ còn có Tuyết, Tuyết đang rên rỉ trên giường bệnh và khuôn mặt hốc hác của Hiếu.

* * *

Trước ngày gặp Hiếu, tôi không có một người quen nào ở đô-thành hết. Nhưng tôi biết rằng dù có người quen chăng nữa, tôi cũng chỉ tìm đến riêng nhà Hiếu thôi. Cứ mở mắt ra, tôi đã kiếm lấy một cớ để lại thăm Hiếu. Cũng như tôi, Hiếu không có một người nào quen hết nên anh rất mừng được thấy tôi đến. Lâu dần, thành lệ, không sáng nào tôi không ngồi với Hiếu khoảng hai giờ đồng hồ. Có những hôm chúng tôi chỉ ngồi nhìn nhau, cũng có những hôm cười nói huyên thuyên đủ mọi chuyện. Dạo này, Tuyết đã đỡ, nhưng không mấy khi tôi được gặp mặt nàng, vì nàng rất ít bước chân sang nửa căn nhà này và có ra cũng chỉ là để lấy một chiếc ly hay tìm một vật gì rồi lại vào giường nằm ngay. Những lúc gặp gỡ ngắn ngủi ấy, nàng chỉ hơi cúi đầu chào tôi. Da nàng tái mét và cặp môi nhợt đi ; chỉ riêng đôi mắt là còn sáng. Tuy vậy, tim tôi vẫn rộn lên khi thấy bàn tay gầy guộc xanh xao của nàng nhè nhẹ kéo chiếc màn gió. Tuyết vẫn hiện ra với tôi như những nàng tiên trong cổ tích. Mỗi lần thấy nàng mệt nhọc bước ra, tôi càng thấy yêu nàng hơn nữa. Và, những lần ấy bao giờ tôi cũng phải cố gắng quay đi. Vì tôi biết rằng, Hiếu sẽ hiểu lòng tôi nếu tôi còn nhìn Tuyết. Điều này thực ra còn có thể có lợi cho tôi, nhưng tôi không bao giờ muốn có thêm một người nữa biết rõ mình cả. Theo tôi, sự biết rõ ấy có giá như một hành động xúc phạm tới một cái gì thiêng liêng, cao cả.

Cũng trong thời gian này gã đàn ông nọ đã gặp tôi nhiều lượt. Nhưng gã đã đổi khác thái độ, vì luôn luôn gã chỉ thấy tôi ngồi nói chuyện với Hiếu. Riêng gã, tuy nói là tôi thăm Tuyết nhưng gã thường ngồi nói chuyện với Hiếu nhiều hơn. Việc này khiến tôi rõ được sự liên lạc giữa gã và Tuyết.

Quãng ngày về sau câu chuyện giữa gã và Hiếu thường kéo rất dài và trong những lúc đó gã có vẻ rất bực bội vì sự có mặt của tôi. Gã nói cầm chừng có ý chờ đợi cho tôi về rồi mới bắt vào câu chuyện chính. Có lần, Hiếu phải nhờ khéo tôi đi mua giùm anh một hộp thuốc gì đó cho Tuyết. Và khi nào tôi gặng hỏi về gã thì Hiếu chỉ đáp gọn lỏn :

— Nó muốn nói chuyện về con Tuyết.

Rồi anh có vẻ như muốn trốn tránh. Cặp mắt lúc sáng lên, lúc lúng túng

http://tieulun.hopto.org

của anh chứng tỏ anh đang suy-nghĩ ghê góm lắm về việc đó. Nhiều hôm trong lúc ngồi nhìn vơ vẩn quanh nhà anh bỗng gật gù :

— Thì gió chiều nào phải che chiều ấy chứ !

Tôi không hiểu anh muốn nói gì, nhưng cũng không hỏi lại. Tôi chỉ biết rằng, mỗi sớm tôi tới gặp anh để được nghe tiếng nói của Tuyết, nhìn dáng đi của Tuyết, ngắm vành môi, mái tóc của nàng, thế thôi. Ngoài ra, tôi không muốn làm bồi rồi Hiếu. Tới một buổi sáng, tôi lại nhà Hiếu, nhưng không gặp anh. Tuyết đang ngồi chải đầu ở một góc nhà. Mắt nàng sáng lên khi thấy tôi. Nhưng khi tôi bước chân vào trong nhà thì nàng lại có vẻ lúng túng. Tôi để ý và thấy dưới mắt nàng còn đọng một ngấn nước. Tôi cũng không hiểu sao hôm ấy tôi lại nhìn Tuyết như thế, tôi lại nhìn nàng với cặp mắt của một kẻ si-mê. Mặt Tuyết hơi đỏ lên và nàng lúng túng lên tiếng :

— Trông anh cũng mỗi ngày mỗi gầy đi thì phải :

Lúc ấy, tôi mới sực nhớ ra, vội vã quay nhìn ra cửa rồi hỏi băng quơ :

— Hiếu đi lâu chưa cô ?

— Dạ, anh em đi từ sớm.

Giọng Tuyết dụt dè và trán nàng hơi nhíu lại ; dường như chính nàng cũng băn-khoăn về việc Hiếu đi đâu. Sự băn-khoăn ấy khiến óc tôi loé lên một tia sáng. Có phải Hiếu đã...? Tôi nghĩ tới một chuyện có thể xảy xa. Vì thường thường Hiếu vẫn chép miệng than cho cái thân phận bỏ đi của anh. Tôi nhìn Tuyết :

— Cô cũng không biết Hiếu đi đâu sao ?

— Dạ.

Tuyết chỉ nói được một tiếng thế rồi im bặt, lúng túng. Thế là chính Tuyết cũng muốn dấu tôi một điều gì. Tôi đưa mắt nhìn quanh nhà với một hy vọng viển vông là sẽ tìm được một dấu vết gì nó nói cho tôi rõ việc Hiếu đi khỏi sáng nay. Nhưng, ngoài những hộp thuốc bỏ ngổn ngang trên mặt bàn, những trái cam trái táo mỡ màng ra, tôi không nhận được chi cả. Tuyết cũng nhìn theo tầm mắt tôi và bất chợt nàng hỏi.

— Trước anh cùng học với anh Hiếu ?

Tôi quay lại gật đầu. Nàng mím môi có vẻ suy nghĩ rồi hỏi thêm :

— Dường như anh có về Yên Trường chơi ?

— Không đâu, có ạ.

Rồi tôi nói luôn :

— Nếu về Yên Trường thì tôi đã được biết cô

Tuyết cười :

— Có lẽ anh quên đấy. Vì em trông anh quen lắm.

Tai tôi nóng lên. Tôi bỗng phập phồng lo rằng Tuyết sẽ biết mình vì giọng nói của Tuyết đã có vẻ

http://tieulun.hopto.org

tinh - nghịch. Nhưng không lẽ chối thêm một lần nữa, nên tôi đành đánh trống lảng bằng một thái độ nước đôi :

— Thế thì khéo tôi quên thật.

Khắp người tôi nóng ran sau câu nói ấy. Chỗ nào cũng bứt rứt khó chịu. Nhưng Tuyết đã nhìn xuống đất. Đôi riềm mi nặng chĩu chớp mau.

Thời gian muốn đứng hẳn lại, ngột ngạt. Tôi chờ đợi mãi một việc có thể gỡ giúp tôi ra khỏi cái thế ngồi khó thở ấy, nhưng tất cả chỉ là im lặng. Lâu lắm, Tuyết mới ngửng lên, thở dài rồi bảo tôi :

— Tết nhất đến nói rồi mà cứ phải ngồi mãi thế này buồn quá, anh ạ.

Tôi cố gượng cười :

— Thì mấy hôm nữa cô lại đi chứ ngại gì.

Và nương dịp đó, tôi đứng lên :

— Tôi phải về không muộn rồi.

Tuyết chỉ ngước nhìn lên, lưỡng lự :

— Dạ. . .

Bước ra tới ngõ, tôi lại thấy tiếc. Tôi đã bỏ lỡ một cơ hội. Để nói với Tuyết những lời tôi phải nói. Tôi nghĩ rằng, có lẽ chính Tuyết cũng đang chờ những lời nói ấy vì Tuyết đã nhận được ra tôi. Tuy vậy cũng ngay khi ấy tôi lại tự nhủ : « không nên đòi hỏi ở ai quá nhiều ! ». Nhưng, có phải nói ra là đòi hỏi chăng ? Trí óc tôi quay cuồng với hàng ngàn câu hỏi, câu đáp, lời trách lời khuyên cuối cùng tôi vẫn thấy rằng mình không giải-quyết được gì cả. Rồi tôi thắc mắc về Tuyết. Tuyết sẽ nghĩ gì và đã nghĩ gì về tôi ? Mà thực ra Tuyết có nghĩ về tôi không ? Còn Hiếu, Hiếu cũng là cái chốt của một câu chuyện. Tôi không thể không nghĩ tới Hiếu được. Hiếu đã đi đâu đến nỗi Tuyết phải băn khoăn.

Mãi chiều hôm ấy, tôi mới chỉ tìm được một con đường ! Phải trở lại gặp Hiếu và Tuyết.

Thế rồi, dưới ánh đèn vàng vọt đòi bắt gặp cặp mắt giận dữ của Hiếu. Thấy tôi, Hiếu vẫn không nhúc nhích. Anh ngồi tựa lưng vào thành ghế, vòng hai tay ôm lấy cặp nạng trong lòng. Đối diện với anh, Tuyết đang gục đầu xuống bàn nức nở. Tôi vào tới nơi, thì Hiếu chồng nạng đứng lên. Anh đi vòng quanh nhà với cặp nạng bóng loáng mồ hôi ấy. Tôi ngồi xuống ghế, nhưng Tuyết vẫn không hay. Từ một góc nhà, Hiếu đay nghiến ;

— Cô muốn cho tôi chết thì tùy cô.

Rồi, anh kéo dài giọng ra :

— Phải, tôi vô dụng rồi cho nên không ai coi tôi ra gì cả.

Tôi thấy mình tới không gặp lúc quá, nhưng không lẽ đứng lên. Những câu nói của Hiếu dần dần lại cứ như hướng cả vào tôi nữa. Tôi nhìn vào đôi mắt long sòng sọc của anh và thốt-nhiên tay tôi run lên. Vẻ mặt đanh ác của Hiếu cứ như khiêu-khích tôi. Anh tựa lưng vào tường khinh bỉ :

http://tieulun.hopto.org

— Nếu muốn còn cao giá thì cô còn rúc vào cái nghề ấy làm gì ? Mà đã vào cái nghề ấy rồi thì còn cao giá với ai nữa ?

Đến câu nói ấy của Hiếu thì tôi không thể chịu nổi và thấy rằng phải lên tiếng :

— Hiếu !

Tiếng gọi của tôi khiến Tuyết ngừng lên. Đôi mắt đỏ hoe nhìn tôi, rồi Tuyết lại gục xuống.

Hiếu nhìn tôi lắc đầu :

— Cậu hiểu thế nào được.

— Nhưng cậu không nên nói thế.

Giọng tôi hơi sẵng. Tức thì Hiếu nhìn như sôi lửa vào mắt tôi :

— Cậu cầm tôi à ? Tôi nói cho cậu biết là không một đứa nào có thể cầm tôi được.

Hiếu đã dồn tôi vào một thế không đừng được. Tôi đứng phắt lên, nhưng Tuyết níu lấy tay tôi, nàng chỉ cho tôi một mảnh giấy ở trên mặt bàn mà tôi không để ý tới. Đôi mắt khẩn cầu của Tuyết khiến tôi phải dằn lòng ngồi xuống đọc hết mảnh giấy. Hiếu vẫn khoanh tay đứng im nhìn tôi rồi nhìn Tuyết. Thì ra câu chuyện chỉ có thế. Mảnh giấy ấy Hiếu viết để lại cho Tuyết hồi sớm nay. Tôi không dám ngờ rằng đó là lời lẽ của Hiếu, nhưng Hiếu còn đứng kia và nét chữ của Hiếu thì có bao giờ tôi quên được. Tôi đọc lại một lần nữa. Hiếu đã chồng nạng đi về phía tôi. Tôi đặt mảnh giấy xuống nhìn anh.

— Cậu không nên làm thế. Thiếu gì cách mà phải...

— Mày im đi. Tao không cần phải đứa nào giúp đỡ cả.

Hiếu ngắt lời tôi bằng một chậu nước sôi sáp vào mặt. Tôi đã mất đôi phần bình tĩnh, nhưng còn đủ sức nhận thấy Hiếu hèn hạ quá. Bây giờ thì trước mặt tôi Hiếu chỉ là một đống bỏ. Tôi không kìm được sự khinh bỉ nữa :

— Cậu muốn làm một thằng khốn nạn thì cứ việc làm. Nhưng cậu nên nhớ rằng cậu không bắt ai phải khốn nạn vì cái khốn nạn của cậu được.

Hiếu vồ ngay lấy bình nước trên bàn ném vào mặt tôi. Rồi, những chiếc ly bay theo tay y liên tiếp. Tôi vừa đứng ngay lên thì y đã vụt ngang một chiếc nạng vào sườn. Bắt chiếc nạng trong tay y, tôi chỉ lắc đầu không nói, cũng không đánh trả. Tuyết đã chạy tới một góc nhà run bần bật. Môi y mím lại và mắt y quắc lên dữ tợn. Quai hàm y bạnh ra. Vừa khi tôi ném trả y chiếc nạng thì y đã nhảy ra phía cửa quài tay gài then. Y cầm con dao găm vẫn treo lủng lẳng ngay sau cánh cửa, răng nghiến lại. Y nhích từng bước về phía tôi. Trước mắt tôi bây giờ y chỉ còn là một con thú. Con dao trong tay y sáng lên và tôi thấy rằng tôi không thể nhường y được nữa. Mạng y đã đến ngày tận và y đã xứng đáng để được nhận một cái chết như

http://tieulun.hopto.org

thể. Khi y nhào vào tôi thì tôi không còn nghe đến tiếng kêu thất thanh của Tuyết nữa. Tôi chỉ còn thấy có mấy tiếng hậm hực của y :

— Thằng chó, mày muốn giết tao thì mày phải chết.

Nhưng, tôi không chết.

Con dao của y tôi còn cầm trong tay đây.

Tuyết đã ngất đi từ lúc nào. Tôi bế nàng lên giường rồi mở cửa đi ra. Y còn dướn lên khi tôi lau mũi dao trên ngực y. Nhưng tôi không thấy một mảy may hối hận. Tôi sẽ không ngần ngại gì mà đâm thêm cho y mấy nhát nữa nếu y chưa thực chết. Tôi còn tiếc một điều rằng tôi đã không được gặp luôn gã đàn ông kia nữa. Vì tôi còn biết rằng tôi đang muốn xử dụng cái lưỡi thép sắc nhọn này ngay cả với gã, kẻ đã muốn dùng tiền để mua người, để thỏa mãn dục-vọng.

* * *

Hôm nay tin tôi giết người đã truyền tới tận những ngõ ngách của đô-thành, của thôn xóm khắp nơi. Tất cả hắn đều ghép tôi là một thằng hèn vì Hiếu không tương-sức với tôi. Tôi đã giết một đứa què quặt và ốm yếu. Tôi cũng còn bị kêu là vô-nhân-đạo, là tàn ác... là một kẻ sát-nhân. Nhưng riêng tôi, tôi thấy mình thoải mái vô cùng. Tôi đã làm được một việc theo đúng lương tâm, lương tâm của con người. Vì, trong hàng ngũ con người tôi không nhận sự có mặt của y và của những người như y. Tôi không thể nhận được những kẻ mua người bán người, những kẻ chỉ muốn mưu cầu hạnh phúc cho mình bằng cuộc đời của người khác, nhất là của những người cùng máu mủ. Hiếu còn đáng kết tội nặng hơn thế. Vì chính Tuyết đã phải đặt cả phẩm giá của nàng ra trước dư-luận chỉ vì y. Cái mạng bỏ đi của y đã được Tuyết nuôi sống và y quên điều đó. Y tưởng rằng Tuyết là em y nên y có thể xử-dụng nàng như một quân cờ. Mảnh giấy y trao cho Tuyết có nghĩa là một mệnh-lệnh thí-quân.

Ngoài ra, tôi giết y còn vì một lẽ khác. Tôi không muốn kẻ nào làm ô-uế những giá trị thiêng-liêng, xúc phạm đến điều mà tôi đang sùng-kính mà lương-tâm tôi bảo tôi đó là báu vật của cuộc đời, phải gìn-giữ lấy.

Có lẽ không lâu đâu tôi sẽ phải ra đứng trước những người áo đỏ áo đen. Ánh đèn công lý của những người đó sẽ chiếu xuống mặt tôi để mà chỉ thấy toàn những máu. Tôi có thể sẽ mang một án tử-hình. Người ta sẽ cử một vị tu-sĩ đến để cầu nguyện cho linh hồn tôi được siêu thoát. Nhưng, ngay từ khi cắm mũi dao vào ngực Hiếu linh hồn tôi đã siêu thoát rồi. Tôi không có gì là tội-lỗi hay ẩn-ức phải nhờ cậy câu kinh, tiếng mõ cả. Tôi không chỉ là một người của hai chân hai tay mà là một người của khối óc, của trái tim. Óc tôi và tim tôi đã bảo tôi biết rằng :

— « Luật-pháp ở lương-tâm người đầy ! chức Quan Tòa và cả chức đạo

http://tieulun.hopto.org

phù đi ! Người sẽ thấy ánh sáng của Công-Bằng ! »

Trời, nước một màu xanh ngắt. Gió biển thổi vào từng đợt khiến tôi thấy mát rượi trong một cảm giác lâng-lâng. Lát nữa đây cánh cửa gia-đình sẽ mở ra và đón tôi âu yếm như khi tôi còn thơ ấu. Vì tôi biết chắc rằng những người ấy bao giờ cũng hiểu tôi. Những người ấy đã dạy tôi bài học luân-lý thứ nhất, khi tôi còn nằm trong nôi :

. . . . . .

Có sáo thì sáo nước trong

. . . . . .

Chỉ riêng Tuyết, lúc này Tuyết đang nghĩ sao ? Tôi biết rằng Tuyết đang đau đớn vì mất một người ruột thịt và có thể Tuyết đã gọi tôi là một kẻ sát nhân. Nhưng, dù em nghĩ gì, nói gì thì tôi vẫn giữ lưỡi dao này. Tôi giữ và sẽ xử-dụng nó khi bên em còn có những người như Hiếu, như gã đàn ông nọ. Tôi sẽ mãi mãi ở bên em, mãi mãi gửi hồn cho những lời ca quyến rũ của em Vì tù đầy, chết chóc... không một thứ gì có thể giết được tự-do. Những con cọp dù có chùn chân một lần nhưng bao giờ cũng là con cọp trước gã tiều phu gặp may, cuồng-dại. Đi ở phương trời nào hay ở thế giới nào anh cũng sẵn sàng vì Tuyết. Mai đây, anh sẽ vào khám đường hay có thể là anh sẽ lênh-đênh trôi nổi khắp bốn-phương. Nhưng anh chắc rằng dù sao anh vẫn có những buổi chiều chờ nghe qua luồng sóng điện, giọng hát của em và, trong lúc đó anh vẫn nghĩ rằng, anh đã biết xử-dụng, một lần, sức mạnh của con cọp nọ. Thế thôi !

UYÊN-THAO và
THANH-THƯƠNG-HOÀNG

Mùa thu tới

Hạ vừa tàn nắng cháy
Rụng cánh hoa cuối cùng
Mầm thu vừa hé nụ
Trong đêm dài mông lung

Thu nhè nhẹ vào lòng
Từng bước êm như nhung
Mưa thu rớt ngoài song
Nghe nhịp đời đổi khúc

Nghe bước chân rạo rực
Của trang đời hoa niên
Nghe tim ngừng thổn thức
Đang đi vào lãng quên

Ôi hơi thở mùa thu
Gợi mơ về viễn xứ
Ôi mây ngà mùa thu
Thêm đường về trong mộng

Đèn nhà ai còn sáng
Nàng trăng góp nụ cười
Tim ai còn nhịp sóng
Chơi vơi và chơi vơi

Yêu sao... mùa thu mới

Thu 61

T. T,

http://tieulun.hopto.org

MƯA ĐÊM THU

TƯỜNG - LINH

Đêm khuya nằm nghe mưa
Từng giọt buồn lưa thưa
Gieo đều trên mái lá
Như tơ sầu nghìn xưa

Bên thềm, mưa rả rích
Mưa trùm kín không gian
Trời sụt sùi đồ lệ
Mưa không tuôn vội vàng
Mà như lời kể lể
Mà như lời thở than
Ngày không soi ánh nắng
Đêm chẳng có trăng vàng
Ai chân trời, góc bể
Ai lạc lõng, cơ hàn
Ai thiếu bàn tay mẹ
Ai nặng sầu ly tan...
Nghe mưa buồn không nhỉ
Tim côi có vỡ vàng ?
Hồn thơ vơi hết ý
Cung bậc lạc phím đàn
Còn mơ gì mắt biếc
Nói chi chuyện đá vàng

Dù ai chờ bến cũ
Dù ai đã sang ngang
Lòng đâu còn thư thả
Để hồn mộng miên man
Lăn thân tìm cơm áo
Tình duyên cam bẽ bàng
Kẻ đi ngoài sương gió
Người về với giàu sang
Kinh thành mờ cát bụi
Sầu tím mảnh trăng ngàn
Có phải mình cao số
Nên sự nghiệp muộn màng ?
Hăn học, mà câm nín
Là trai, ai thở than
(Vui là vui gượng đấy)
Lệ lòng như mưa tràn

Mưa, mưa hoài không dứt
Phòng lộng gió, canh tàn
Sầu xưa về ray rứt
Đời còn bao kẻ hàn ?

T. L.

http://tieulun.hopto.org

Bài thơ mười năm

TRẦN - HUIỀN - ÂN

Kính gởi anh N. N. I.

Anh gởi cho em tờ giấy nhỏ
Ghi bài thơ — mười năm trước — tặng ai.
Dòng chữ mười năm vẫn còn nguyên nét,
Vị cà phê chẳng biết có nhoà phai ?

M. *ấy, từ phương nao ước hẹn ?*
Xưa của ai và nay tựa bên ai ?
Đời : mưa gió nhuộm màu da sương nắng
Hay : cung mây liễu chắn nẻo then cài ?

Ôi ! kì ảo ! Giàu hơn ngôi Vạn Thặng :
Bóng ai đâu sóng mắt quyện thuyền MƠ...
Người thi sĩ bỗng quên trời biển đắng,
Ngồi khoanh tay mà dệt mấy vần thơ.

* * *

Mười năm sau, bài thơ phơi mặt báo :
Chút tâm tình gởi thiên hạ xem chung.
Thời gian gặm mấy trăng-sầu-ảo-não ?
Dáng vơi đầy, tròn khuyết cũng bằng không !

VIII-1961

T. H. Â.

http://tieulun.hopto.org

CIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

http://tieulun.hopto.org

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUIỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là tùy hứng ?

III — Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XVIII

★ ĐỖ-TẤN

Tên thật : Đỗ-Tấn-Xuân.

Sanh năm 1927 tại Bình-Định (Trung-Việt).

Dạy học, làm báo, viết văn.

Đã cộng tác với các báo : Đời Mới, Mùa Lúa Mới, Văn Nghệ Tiền Phong, Ngôn Luận, Công Dân, Lành Mạnh, Bách Khoa, Lửa Thiêng, Mai, Tin Sách v.v...

Đã xuất bản : Ca dao Kháng chiến (*1947*), Trường ca Tây-Nguyên (*1948*), Trên chiến tuyến Tự Do (*1949*), Mùa hoa sim nở (*1956*), Chiều cuối năm (*1957*).

Hiện làm công chức ở Huế.

Huế, 2-IX-61

Anh Ngu-Í thân,

Mấy lần anh viết thư nhờ chuyển những lời phỏng vấn của anh đến các bạn văn ở Huế, một lần có việc ở Quảng-Ngãi anh đi thẳng ra Huế định trực tiếp phỏng vấn anh em, qua những lần đó tôi tưởng đã *thoát*, không ngờ hôm nay

http://tieulun.hopto.org

anh lại réo tên réo họ trên báo, tôi cảm thấy khó chịu quá. Thôi thì cắn răng nói qua loa năm điều bảy chuyện, trả phức cho anh cái món nợ ấy đi cho rồi.

I.— *Sáng tác để làm gì ? Để cho mình ..ay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?*

Chắc lâu nay về phương diện gọi là sáng tác, anh có thấy tôi viết truyện và làm thơ. Thường thường những thơ, truyện của tôi đều nhắm chủ đích nói lên một cái gì. Cái gì đó có thể là những thắc mắc nội tâm về một vấn-đề xã hội, những ray-rứt về một hoàn cảnh chính trị hay nếu không thì cũng là những băn-khoăn muôn mặt về những sinh hoạt quanh mình. Nói chung là ít bao giờ tôi nói những chuyện viển vông. Ý thức này đến với tôi từ lúc ra đời, nghĩa là cách đây trên mười lăm năm. Nhưng thú thật với anh là chưa bao giờ tôi được toại nguyện. Vì hoàn cảnh, hình như lúc nào tôi cũng phải nói quanh nói quéo và tôi rất lấy làm khổ sở về sự quanh quéo đó của mình.

Ngày còn đi học, tôi cũng có viết lách nhăng-nhít cho một vài tờ tuần báo, nhưng hồi đó tôi không có chủ đích gì cả. Nhưng từ khi biết rõ và ý thức được rằng mình ăn miếng cơm mỗi ngày không phải chính tự tay mình làm ra — nghĩa là ngay từ lúc kháng chiến, — tôi tự thấy có bổn phận, có trách nhiệm đối với kẻ khác. Nói như vậy chắc anh đã thấy rõ : tôi viết ít khi vì mình, cho mình mà phần nhiều vì xung quanh, cho thiên hạ. Nhưng vì tôi viết dở nên cái *vì* cái *cho* kia không đi đến đâu cả.

Tôi thấy có nhiều người hay quan-trọng-hóa sự viết lách của mình, nhất là những người trẻ. Tôi thì tôi nghĩ : có lẽ vì không có một tấc đất cắm dùi, vì không có sức để cầm chuôi cày, cán búa, tôi viết. Tôi cũng thú thật với anh là tôi không có thì giờ và cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc viết một truyện dài. Có lẽ phải đến tuổi bốn mươi. Chưa có cái gì to lớn, tôi chỉ nghĩ đến cái bây giờ, tôi chưa nghĩ đến cái ngày mai, ngoại trừ thơ.

II.— *Sáng tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng ?*

Tôi làm thơ theo tùy hứng và viết truyện theo chủ đề đã định. Có khi vài ba tháng tôi mới làm được một bài thơ, còn truyện thì lúc nào *còm-măn* là có ngay. Tôi nhớ có lần anh Nguyễn-đình-H. phụ trách tuần báo L. Th. thảu được một tờ nội san của một bội đoàn nọ. Anh đến níu lưng tôi. Đang lúc túng, lại gần ngày Tết nhất, hai anh em ngồi ngoáy bút trong một buổi sáng xong tờ báo. Anh lo phần sinh hoạt của tổ-chức, tôi lo phần sáng tác. Tôi viết liên tiếp bốn truyện ngắn từ sáu giờ sáng đến một giờ trưa, xong, lục những bài thơ sẵn có nhét vào đó năm bài và thêm một cái tùy bút vừa viết kài đêm định gởi cho một báo khác. Như vậy là trong tờ nội san tôi ký mười tên, lĩnh được năm nghìn. Trả hết nợ nần trước ngày xuân đến, tôi còn lại trong túi một trăm đồng chẵn. Với một trăm đồng còn lại, tôi làm được năm việc : một hộp bút chì màu cho đứa con năm tuổi, một liễn trầu và một chục cau ngon cho mẹ, một cái khăn tay cho vợ, một cuốn sách cho cô em gái và một bao thuốc lá cho tôi.

http://tieulun.hopto.org

Xem như thế, tôi tự thấy như trong tôi lúc nào cũng có vấn-đề để nói, để viết. Chỉ sợ là mình lười và mất trớn. Nghỉ tay độ dăm hôm, khi cầm bút lại, tôi thấy ngợ ngàng và khó khăn lạ. Vì vậy, lúc nào tôi cũng cố viết đều tay, không loại này thì loại khác, không viết ít thì viết nhiều. Mấy năm gần đây có mấy tờ báo nhờ viết điểm sách và phê bình. Đó cũng là những cái để cho tôi khỏi lười.

III. — *Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác giả từ khi tác phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình.*

Về thơ, ít khi tôi viết ngay khi bắt chợp một đề tài. Tôi cứ để cái « khởi điểm » ấy đục phá tâm tư, cân não mình cho đến khi nào *nó* ra được thì *nó* ra. Có khi năm ba hôm, có khi cả hàng tháng. Ví dụ về trường hợp cụ Phan-Khôi. Khi hay tin cụ qua đời, tôi rất khổ. Có lẽ ngày ba tôi mất, tôi không khổ bằng. Nhưng rồi mãi đến gần một năm sau tôi mới viết được một bài thơ về cụ gởi đăng trên Bách-Khoa. Nhiều anh em thích bài ấy, — tôi nói thật thà, anh đừng cười — nhưng tôi vẫn không vừa ý và đã viết liên tiếp cả mấy chục bài về cụ, về trường hợp những anh em trong nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm.

Cũng có khi nhân đọc một bài thơ ngoại quốc, bài thơ như đánh thức những gì đã chín rục trong tâm tư mình, tôi cũng có thể viết ra những gì mình có sẵn. Nhưng những bài thơ như thế tôi chỉ cất giữ để làm kỷ niệm. Mặc dù cố gắng mấy tôi cũng không thuộc được một bài thơ của ai cho trọn, và ngay cả của mình cũng vậy. Điều này là một trở ngại lớn cho tôi trong những năm đi dạy. Có nhiều bạn đến nhà chơi, thấy mấy tập thơ tôi để trên bàn, lấy ra đọc. Đọc xong, hỏi tôi đã có đọc bài này của thi sĩ này, bài kia của thi sĩ kia chưa ? Tôi biết là anh em muốn nói tôi chịu ảnh hưởng của ông này ông nọ. Nhưng thật tình như tôi đã nói với anh, tôi rất dở trong việc nhớ và thuộc thơ. Có khi đem ra so chiếu thử thì được biết có nhiều tác giả tôi chưa hề được nghe tên, đừng nói là có đọc của họ. Xem như việc tôi điểm sách thì biết. Mỗi lần muốn giới-thiệu một cuốn sách, khi đọc tôi phải ghi chép hết sức cẩn thận, nếu không, lúc cầm bút, không nhớ hết là mình phải viết cái gì về cuốn sách vừa đọc.

Đại khái về thơ thì như thế. Còn về truyện thì đối với tôi có phần dễ dàng hơn. Phần nhiều những truyện tôi viết là những chuyện của mình hay những chuyện xảy ra hàng ngày ở các nhà hàng xóm, những chuyện được chứng kiến ở ngoài đường, trong những lần tiếp xúc với xung quanh. Tôi ít khi bịa chuyện. Đối với tôi cuộc đời vốn sẵn giàu có về đề-tài, ngay cả những đề-tài phi lý, huyễn hoặc, khó có thể tin là có thật được. Vậy thì, nếu muốn nói đến những chuyện phi lý, huyễn hoặc, cứ việc rút tỉa từ cuộc đời những chuyện như thế mà viết, thêm thắt vào đó một ít hành, tiêu, mắm, muối, ớt, tỏi, chanh gừng gì đó cho nó thành truyện, không cần gì phải tưởng tượng, bịa đặt cho nó lôi thôi. Vấn đề là sắp xếp những dữ kiện tiếp nhận, *sống hóa* những gì đã chết trong thời gian.

http://tieulun.hopto.org

Tôi viết mau và ít khi sửa chữa. Có cốt chuyện là viết được, viết một thôi, càng bị hối thúc càng viết mau. Nhưng có lẽ vì vậy mà những gì của tôi viết ra cũng không đi đến đâu. Tôi biết rõ cái nhược điểm đó của mình và tự hứa lúc nào có đủ ăn rồi bắn viết kỹ lưỡng, viết cẩn thận.

IV. — *Những kinh nghiệm sống và sáng tác thích nhất.*

Ngày còn đi kháng chiến, trong túi tôi lúc nào cũng có một cuốn sổ tay. Đi lên rừng thì tôi ghi tên cây tên cỏ, tên đất tên người. Xuống biển cũng vậy, tôi ghi tên cá, tên ốc, tên các dụng cụ hành nghề. Đi vào một công binh xưởng thì tôi ghi tên máy, tên móc, tên các chất hóa học, thuốc nổ, độ lượng phải dùng cho từng thứ vũ khí. Và đặc biệt ở đâu tôi cũng chú ý quan sát tỉ-mỉ đến những lề lối sinh hoạt trong nghề nghiệp, trong sự sống, cách ăn ở đối xử, những ngôn ngữ, những lo âu, thắc mắc của từng hạng người. Tôi chú ý nhiều đến những tiếng lóng, những danh từ địa phương, những mâu thuẫn va chạm giữa các hạng người đó. Cái thói quen ghi chép như thế mất hẳn ở ta trong những năm gần đây, và tôi cho đó là một sự thiệt thòi lớn, gây trở ngại không ít cho việc sáng tác. Nhưng đó là nói những trường hợp không thể sống với những từng lớp vừa kể trong nhiều ngày. Giá được trực tiếp sống vào nghề, vào hoàn cảnh của họ thì sự thể hiện vào tác phẩm những khuôn mặt, những sự sống dễ dàng hơn nhiều,

Đối với những giấc mơ cũng vậy. Có những giấc mơ mà khi choàng tỉnh tưởng có thể dựng được thành truyện, nhưng vì lười không chịu dậy ghi chép ngay, đến khi sáng ra, định trí nhớ lại thì không tài nào nhớ hết hoặc không nhớ gì cả.

Nhưng theo tôi thì cứ sự sống thực của mình và của những người xung quanh mình hằng ngày, nhồi nặn, sắp xếp, thêm thắt một ít cho nó vừa là có khối chuyện để viết rồi, Vấn đề là sự việc, cốt truyện và cách sống của những nhân vật có nói được đúng điều mình muốn nói không. Tôi nhớ có lần tôi viết một cái truyện nói về trường hợp con chó nhà tôi bị bắt. Nó vốn rất ngoan, rất lành và đặc biệt là rất trung thành. Nó đã giúp cho nhà tôi và nhà hàng xóm được rất nhiều việc. Thế mà người ta đã bắt, đã thịt nó, đã để cho chó nó đi lạc hay đã bán cho kẻ khác không biết. Tôi liền nghĩ đến những ông nha sĩ, răng sâu không nhổ nhè nhổ những cái răng tốt. Tôi liên nghĩ đến những người tôi trung bị sát hại, những cán bộ có năng lực, có tinh thần bị vu khống và bắt oan....

Truyện không có gì, nhưng đã gây nhiều xúc động, sôi nổi ở địa phương thiếu điều tôi sắp man họa lây như con chó của tôi...

ĐỖ-TẤN

☆

VƯƠNG-ĐỨC-LỆ

Sanh ngày 15-11-937 tại Hà-Đông, nhưng quê ở Bắc-Ninh, lớn và sống tại Hà-Nội.

Giáo sư bậc Trung học.

http://tieulun.hopto.org

NGUIỄN-NGU-Í *phụ-trách*

Đã cộng tác: Văn-nghệ tiền phong, Duy-tân, Bông lúa, Gió mới, Tầm nguyên, Phụng-sự, Tự do, Chỉ đạo, Nhân-loại... (phụ trách trang Thanh-niên cho Nhân-loại).

Đã thuyết trình tại Câu lạc bộ Văn hoá trong cuộc hội thảo về « Từ thơ mới đến thơ tự do » (17-8-1961).

Đã xuất bản: Luận đề văn chương Trung học đệ I cấp (hợp soạn, 1959), Luận đề về Nguyễn-Khuyến (hợp soạn, 1960), Luận đề về Đoạn trường tân thanh (hợp soạn, 1960), Hoa mười phương (*thi tuyển, 1959*), 40 bài thơ của Mai-Trung-Tĩnh và Vương-Đức-Lệ (1960), *và một tập 8 truyện nhi đồng.*

Kính anh,

Nhận được thư phỏng vấn văn nghệ thứ hai của Bách Khoa tại « câu lạc bộ Văn hóa », thú thật tôi chẳng khỏi cảm động, ngạc nhiên và ngại ngần [. .] nhưng đành liều gắng gượng phúc đáp thư anh để khỏi phụ lòng tri ngộ bấy nhiêu.

Xin lưu ý anh. Đây chỉ là những ý kiến riêng tư tôi trong hiện tại, nghĩa là trong giờ phút này!

Xin vào đề ngay cho gọn:

Các nhà văn nghệ sáng tác để làm chi? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau? Sáng tác theo một đường lối nào nhất định hay là tùy hứng?...

Ở đây tôi chỉ nói đến những sáng tác có tính cách thuần túy văn nghệ mà không kể đến những tác phẩm trong một trường hợp ngoại lệ, bất thường. — Sáng tác trước hết là để thỏa mãn sự đòi hỏi, sự thôi thúc nội tâm hoặc vì phải thoả mãn hoặc vì cần phải thỏa mãn. Trong lúc bắt gặp ý lạ, tứ mới... tôi không muốn bỏ qua hay không thể bỏ qua mà chẳng cảm thấy khổ sở, thiếu thốn, mất mát; vì thế nên bắt buộc tôi phải ghi lên mặt giấy. Cách khác, tôi muốn hay cần phải lưu giữ lại cái mà tôi muốn, tôi cần. Nghĩa là vì nhu cầu mà tôi đã dùng đến ngôn từ để thể hiện thành tác phẩm. Sau đó, nếu thấy rằng những sáng tác của mình có thể làm, một phần nào, thỏa mãn được, làm đẹp lòng được một số tha nhân (có khi chỉ có một — nhưng càng nhiều thì hơn) Tuy vậy, sự đánh giá một nghệ phẩm, tôi không đồng ý với những ai chỉ căn cứ vào một ước định « *thiểu số phải phục tùng đa số* », thì tìm cách phổ biến. Những dòng mực in là một môi trường phổ biến ấy. Vậy thì sáng tác là một công việc trước là để « giải tỏa » chính cái « ta » tù túng muốn và đòi thoát vượt, thứ đến, thỏa mãn người. Chữ « người » tôi dùng đây là chữ « Thiên hạ » trong thư anh. Nếu muốn nói sát ý hơn phải nói cách giới hạn là « độc giả của mình » vì « độc giả của mình » không có nghĩa là.... *cả-và-thiên-hạ* vậy

Nguyễn-Du sáng tác « Đoạn trường tân thanh » là để giải thoát chính những nỗi u-ẩn, những điều riêng tư của mình hay là cốt để « mua vui » trong « một vài trống canh » cho khắp cùng thiên hạ?

Khi cầm bút sáng tác, tôi thường nghĩ tưởng đến hiện tại hơn là tương lai. Thời gian ở đây có tính cách rất tương đối (có lẽ tôi sống quá nhiều với hiện tại

http://tieulun.hopto.org

chăng ? Hay tại tôi chỉ mới viết về mặt tình cảm, tâm lý mà chưa đi sâu vào lãnh vực xã hội, hoặc khoa học và giả tưởng chăng ? Hay vì tôi không phải là một nhà tiên tri hay bởi tôi không thông lý số ?....). Tuy vậy, có lúc viết về những biến cố lịch sử, những nhịp chuyển xã-hội, tôi cũng hướng về mai hậu, ước ao và cố gắng ghi lấy những vết tích chân xác của vòng hoa tiến hóa, thời đại tôi đã sống cùng thời đại tôi đang sống.

Tôi chưa tạo cho mình được một đường lối sáng tác riêng vì tôi chưa muốn đi trên những con đường tôi quá quen tên. Tay cầm la bàn, tôi không nhìn kim chỉ nam để trông tìm phương hướng. Tôi trả tự do về cho cảm hứng.

3) Tôi thèm đi khắp những con đường tôi chưa hề bước tới, tôi muốn gặp bạn đồng hành. Song tôi cũng khát khao một mình ngự trị cả một cánh đồng nhiều cỏ lạ, hoa thơm ; tôi ưa hợp đoàn mà lại ưa cô độc. Như vậy có tự mâu thuẫn không anh ?

Tôi nghĩ rằng cuộc sống đem lại cảm hứng, hiến dâng đề tài. Cảm hứng kết thành trí thơ, hình ảnh, âm thanh, ý tưởng ngôn từ... Nhưng lúc vui hay buồn qúa tôi không thể sáng tác được. Khi tình đã dịu lại rồi, tôi mới có thể cầm bút lên mà thể hiện nó. Có cảm hứng chân thành và mãnh liệt rồi chỉ còn việc nhờ đến kỹ thuật và lý trí kiểm soát nữa là hoàn thành tác phẩm. Có khi kỹ thuật đến cùng lúc với cảm hứng và rất phù hợp (trường hợp làm thơ tự do). Paul Valéry nói rằng nàng Thơ chỉ cho chúng ta câu thơ đầu, còn những câu tiếp theo là do thi sĩ tìm kiếm lấy, thật là xác đáng.

Kính anh,

Trên đây vài ý kiến thô thiển của tôi cũng chẳng mới mẻ gì, nhưng cũng xin bộc bạch cùng anh vì như đã nói trên là cốt để tạ lòng mến của anh : *Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng*», thế thôi, không có tham vọng gì. Vì thực ra, dù sao, kinh nghiệm sáng tác của tôi chưa có là bao, thuộc lớp người đi sau và hiện chỉ mong được trau giồi và cố gắng học hỏi ở những người đi trước để xây dựng niềm tin vào mai sau[...]

VƯƠNG-ĐỨC-LỆ

★

✶ MAI-TRUNG-TĨNH

Tên thật : Nguyễn-Thiệu-Hùng

Sinh năm 1937 tại Hà-Nội (Bắc-Việt)

Hiện làm giáo sư văn chương tại một trường Trung học công lập ở Sài-Gòn.

Đã cộng tác với các tuần báo, nhật báo và tạp chí như : Quê-Hương (*xuất bản tại Hà-Nội*). Dân-Chủ (*năm 1956*), Bông Lúa, Sáng-Tạo, Thế-Hệ...

http://tieulun.hopto.org

NGUIỄN-NGU-Í *phụ-trách*

Đã xuất bản: « 40 bài thơ của Mai-Trung-Tĩnh và Vương-Đức Lệ » (1960), *cùng một vài cuốn Luận-đề Văn chương có tính cách giáo-khoa, soạn chung với Châu-Sơn, Vương-Đức.*

Anh Nguiễn-Ngu-Í,

1. — Tôi say mê Văn-nghệ từ thuở nhỏ, vào khoảng 14, 15 tuổi. Thuở ấy, bên cạnh những thú vui của tuổi trẻ như bơi lội, đá bóng... tôi còn tập chơi đàn, thổi sáo và hay thuê truyện của các nhà văn đã nổi tiếng về đọc. Thơ thì tôi hay đọc của Nguyễn-Bính, Vũ-Hoàng-Chương, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Quang-Dũng... Và tôi cũng bắt đầu làm thơ, viết văn từ đấy. Nhưng lẽ tất nhiên đó là những bài thơ, văn đầu tay rất non nớt của một đời say mê văn nghệ. Lúc ấy tôi không nghĩ phải viết để làm gì và viết cho ai, mà chỉ cảm thấy thích thú mỗi khi làm được một bài thơ, viết một câu chuyện nói về cuộc sống học sinh hoặc những nhận xét nho nhỏ về cuộc sống của những người chung quanh, thế thôi.

Nhưng đến khi lớn lên, tôi ý thức rằng thật ra sáng tác văn nghệ cũng chỉ là một hành động, một cái cớ để tự giải thoát mình, cho khỏi phải cảm thấy cái nặng nề của thời gian, của kiếp sống nhân sinh hữu hạn nhỡn tiền, đầy phiền trọc, mâu thuẫn, lúng túng, quanh co, cái kiếp sống chẳng đi đến đâu cả mà mình cứ phải lăn vào để sống. Vô lý là ở chỗ ấy. Tôi nhớ hình như thi sĩ Baudelaire có viết : « A chaque instant, nous sommes écrasés sur l'idée et la sensation du temps ». Và theo ông, « Il n'y a que deux moyens pour échapper à ce cauchemar, pour l'oublier : le plaisir et le travail. Le plaisir nous use ; le travail nous fortifie, Choisissons ! » — Sáng tác văn nghệ cũng là một thứ « travail », phải không anh ?

Còn sáng tác để cho mình hay cho thiên hạ ?

Tôi vẫn quan niệm con người không thể hiện hữu ngoài những tương quan xã hội và lịch sử. Cho nên tôi sáng tác để diễn tả những cảm xúc, rung động, ý nghĩ của tôi khi va chạm với thực tại đời sống xã hội, nhân loại, lịch sử, để diễn tả những cảm xúc, rung động, ý nghĩ của tôi khi va chạm với thực tại đời sống xã hội, nhân loại, lịch sử, để nói lên những khắc khoải lo âu của thân phận làm người.

Tôi không bao giờ nghĩ viết cho ngày hôm nay hay cho mai sau. Bởi lẽ điều đó, trước hết, ngoài ý muốn của tôi. Nó hoàn toàn thuộc sự thẩm định giá trị khách quan của đại chúng thưởng ngoạn : Sau nữa, đối với tôi, tôi thường nghĩ khi mình đã « nằm xuống » rồi, tức là hết ý thức, hết ràng buộc, thì chính mình cũng chẳng còn thể giải bày được gì nữa, mình đã đi vào cái vô cùng, và như thế, mình cũng chẳng còn được hưởng những cái gì ở mai sau ấy. Vì vậy, tôi cho nghĩ đến là một sự vô ích.

II. — Nếu hiểu « đường lối » là những qui tắc về kỹ thuật sáng tác, thì lối làm thơ tự do, nên tôi không muốn gò ép ý tình của mình vào một khuôn khổ nào

http://tieulun.hopto.org

nhất định. Cứ để những ý nghĩ cảm xúc dàn trải trên giấy trắng. Chẳng hạn có khi gặp một ý tôi cần phải ghi diễn ngay, mà diễn tả bằng những câu dài ngắn không được, bởi ý thơ nó đòi hỏi một hơi thơ dài, tôi viết ngay thành thơ xuôi. Nhân tiện, tôi có một nhận xét này về thơ xuôi : thơ xuôi có cái hay của nó là ở chỗ, nhiều khi một ý ta muốn diễn tả bằng những câu ngắt đoạn dài ngắn mà không được trọn vẹn thì ta mượn thơ xuôi để diễn tả. Nhưng nó vẫn không phải là văn xuôi, bởi nó phải giữ được cái không khí thơ, từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu... phải là thơ. Nếu viết thành văn xuôi, nó không còn chất thơ nữa. Cho nên thơ xuôi thiết yếu đòi hỏi nhịp điệu và hình ảnh. Không ý thức điều này, người làm thơ xuôi dễ biến tác phẩm mình thành một đoạn tùy bút hay một vài dòng kể lể những cảm nghĩ vụn vặt.

Còn nếu hiểu « đường lối » là theo một khuynh hướng nào, trường phái nào, thì tôi cũng chưa định được cho tôi một con đường rõ rệt. Chỉ biết rằng trong một số bài thơ của tôi gần đây chưa đăng, tôi cũng có cái ý muốn vào sâu trong ý thức để bắt gặp những khắc khoải siêu hình, những vi vút hoang hốt của tiềm thức, trước cái trống vắng khủng khiếp của một phút nào xa lạ với tất cả, chỉ còn có mình với mình, với những hình ảnh thoáng hiện mông lung, vô định. Đồng thời tôi cũng muốn nói lên những ý nghĩ tôi đã trình bày ở câu trả lời I, như về thân phận con người trước Định mệnh, trước xã hội, lịch sử... và chỉ đợi có cảm hứng đến là sáng tác.

Về truyện ngắn, tuy tôi có viết một ít truyện, nhưng tôi không định muốn tiếp tục về ngành đó, nên tôi xin được miễn bày tỏ quan niệm của tôi về loại đó ở đây.

III— Gặp hứng đến, hay chỉ một hình ảnh thoáng gợn lên là tôi sáng tác ngay, rồi theo đấy tôi cứ để cho mỗi dòng, mỗi ý nó gợi thêm dần dần trong trí tôi những ý nghĩ kế tiếp. Tôi không sắp đặt từ trước. Cho nên nhiều lúc làm được nửa bài thơ, nếu tự nhiên hết hứng, tôi bỏ đấy, đi làm việc khác. Để một lúc nào đó, đem ra đọc lại, rồi nhờ những ý đã diễn, những hình ảnh đã ghi, tôi sẽ có thể nghĩ thêm được những ý khác, những hình ảnh khác nữa

IV — Về những kinh nghiệm sống của tôi, thì có thể nói chẳng có gì mới mẻ, tân kỳ đáng để mang ra trình bày. Một số kinh nghiệm mà theo tôi nghĩ, đã là người làm nghệ thuật thường hay gặp hay có, không ít thì nhiều, đã được các nhà văn, nhà thơ đem ra nói hết cả rồi. Tôi có nói nữa chỉ là thừa thôi. Riêng về trường hợp một vài truyện ngắn đã đã đăng, ví dụ như truyện « *Những hạt ba-đăng của Niếm* » (Sáng-Tạo), thì bối cảnh của truyện cũng chính là bối cảnh thực trong đó cá nhân tôi đã được sống trải. Chỉ khác là nó không có nhiều sự kiện xảy ra như tôi viết trong truyện. Tôi đã tưởng tượng, thêm thắt nhiều chi tiết vào cho nó thành một truyện với đầu mối, liên lạc, kết thúc hẳn hòi.

Về thơ, thú thật với anh có bài tôi làm để mà làm, không lấy gì thú cả, thì có người lại thích. Có bài tôi hơi lấy làm thỏa mãn, thì người ta lại thản nhiên, thờ ơ bỏ qua. Hơn nữa, một số bài thơ của tôi đã cho in, hoặc chỉ mới làm cách độ

http://tieulun.hopto.org

một tháng, bây giờ đọc lại, tôi thấy nó... thế nào ấy, tôi không chịu như thế nữa. Thành thử vấn đề thưởng ngoạn rất tương đối, tùy ở mỗi người, mỗi lúc. Do vậy, tôi cũng không thể nói sáng tác nào tôi thích nhất được.

MAI-TRUNG-TĨNH

*

❋ MÔNG-TUYẾT

Tên thật : Lâm-Thái-Úc (đáng lẽ là Út, nữ sĩ vẫn nhận tên mình là Út).

Sanh ngày 9-1-1918 ở làng Mĩ-Đức, Hà-Tiên.

Còn kí : Nàng Út, Bân-Bân nữ-sĩ, Ha-Tiên-Cô...

Đã cộng tác với các báo thời tiền chiến : Sống (1935, do Đông-Hồ chủ trương), Hà-Nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Gió mùa, Tri tân, và sau 1945 : Ánh sáng, Nhân loại (do Đông-Hồ chủ trương), Bách-Khoa, Sáng dội miền Nam...

Tác phẩm : Hương xuân (1943, *thơ, chung với Anh-Thơ, Hằng-Phương, Vân-Đài*), Đường vào Hà-Tiên (1960, *chung với Đông-Hồ*), Nàng Ái-Cơ trong chậu úp (1961, *Hà-Tiên ngoại sử kí sự tiểu thuyết*).

Những ý tưởng cảm nghĩ thường đến với tôi trong lúc tâm-hồn hoàn-toàn yên tĩnh. Trong những lúc mình thật là của mình, không bị ngoại-cảnh chi-phối.

Cho nên ở giữa chốn đô thị huyên náo, tôi thấy mình nghèo nàn quá. Khi nào cầm bút là phải rúc vào cái vỏ. Phải tự tạo cho mình một cái vỏ bến. Không phải là tháp ngà đâu nhé, vì tháp ngà không kín bằng vỏ bến — để chui vào rồi mới sẽ ghi chép.

Có rất nhiều ý tưởng cảm nghĩ chợt đến, nhưng mình chưa kịp nhốt mình vào vỏ bến để nghiền-ngẫm thì nó tan mất ngay. Có khi nó còn lẳng-vẳng mãi trong trí. Rất nhiều khi nó thoảng qua rất nhẹ ; một hai khi còn gặp lại. Nhưng mà phần rơi rớt cũng rất nhiều.

Mình chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã để trôi qua biết bao nhiêu tình ý mà vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lẳng-vẳng đến với mình.

Chỉ ghi lại những gì đã chín muồi như trái cây nhơn-sâm sắp rụng, không biết dùng móc bạc mà hái nó, rồi cũng không biết dùng chậu vàng mà hứng nó thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm-hứng cũng mong manh, nhát tiếng động và ưa lẩn trốn như quả nhơn sâm.

Vốn xuất thân ở Trí-Đức học-xá, chịu ảnh hưởng của người chủ-trương, cho nên khi bắt đầu cầm bút là ghi lại những cảm nghĩ của người học trò, đại loại như những bài văn con con đã xuất bản trong « Lời Hoa » của Trí-Đức học-xá.

http://tieulun.hopto.org

Kể đó là thời kỳ sáng tác truyện ngắn. Viết thường trực cho báo « Sống » cũng do Trí-Đức học-xá chủ trương năm 1935.

Rồi thì vỏ-vẻ làm thơ, gởi dự cuộc thi thơ do Tự lực văn-đoàn tổ chức. Tập *Phấn Hương rừng* được « giải khen tặng » năm 1939.

Hai thời kỳ này kể là thời kỳ sáng tác nhiều hơn hết. Nhưng sau đó, tự kiểm-điểm thật chưa thỏa-mãn : Thi hứng của mình nghèo nàn quá. Thử tìm thi-hứng ở phương trời xa, xem có gì mới lạ hơn của mình ; mới tìm dịch thử một ít thơ Tây, phần nhiều là thơ trong tập *Les Fleurs du Mal* của Baudelaire. Thì thấy rằng lạ thì có lạ hơn của mình đó, nhưng mà xa mình quá. Đã xa lạ thì không thể nào gần mình và không khi nào là của mình được. Vì thơ nào cũng không nói được hết lời. Bèn nghĩ viết lối tùy bút. Và thay vì làm thơ thì làm văn, với đúng nghĩa « làm văn » với quan-niệm là « làm văn » cũng phải khó-khăn, cũng phải rèn luyện, cũng phải tử công-phu như « làm thơ ». Bài văn là bài thơ tự-do không xuống dòng một.

Và bài văn đó nhất định đẹp, phải đẹp như một bài thơ. Bài văn đó cũng phải điêu luyện, cũng phải trau chuốt, cũng phải là lời vàng tiếng ngọc để mà diễn tả những ý ngọc tinh châu.

Và còn đọc văn nữa. Đọc một bài văn lại cũng phải công-phu như đọc một bài thơ.

Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao lại không dọn mình mà đọc, dẫu rằng người đọc không cùng một quan điểm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc-thạch, hoặc hẹp, không vừa với cổ tay mình, nhưng mà nó vừa-vặn ở cổ tay người khác, thì mình dầu không đeo nó, cũng phải biết thưởng thức đúng với cái đẹp của nó ở cổ tay của người giai-nhân không phải là mình.

Những bài trong « *Vân cảo Dưới Mái Trăng non* » là tạm được ưng ý vì nó gần đúng với hoài cảm của tác-giả.

Nhưng đó cũng chỉ là những bài văn thay cho những bài thơ mà tác-giả tự thấy không đủ tài đem thơ diễn tả, cho nên phải luyện văn để làm phương-tiện. Có thể nó là những cảm nghĩ vụn vặt tự mình thỏa mãn cho những bâng-khuâng, những thắc-mắc của tâm-hồn.

Đến tác phẩm mới diệu thế, « *Nàng Ái Cơ trong chậu úp* », như trong lời bạt đã dẫn, thì đó cũng là để giải những băn-khoăn, để cởi những thắc-mắc chớm từ thuở ngây thơ. Tác giả đã trải qua bao phen nghiền ngẫm, trải qua bao lúc mặc-tưởng trầm-tư, trải qua bao giờ phút chặp chờn trong giấc ngủ, trong đêm khuya ; trong lúc tâm hồn mình thực là của mình.

Nhưng mà hãy còn bao nhiêu mộng khác đang chặp-chờn lởn-vởn trước mắt chưa thành hình rõ rệt. Mình cũng chưa kịp nhốt mình vào vỏ hến, mà nó đã tan biến đi rồi. Nó sẽ còn trở lại hay nó tan biến luôn ? Nó sẽ còn có lúc nào chín muồi như quả nhơn-sâm đợi mình sắm sẵn móc bạc chậu vàng mà hái lấy, để chế luyện thành món tác phẩm trường sanh cho hậu thế hay không ? Cái đó thực khó mà nói được ở giữa lúc « *Văn-chương nào phải buổi bình thì* ... »

MỘNG-TUYẾT *Thất tiểu-muội*

http://tieulun.hopto.org

Bước đá

ĐOÀN-THÊM

Vượt dốc tìm trong sáng
Người qua tưởng hái mây
Leo cao ngờ vực thẳm
E ngại lúc mềm say

Vết chân mòn dặm đá
Chỉ thấy những tà-dương
Lạc hướng nghe lầm gió
Trăng sao dọi nẻo đường

Thời xa tan giấc khói
Ngả héo lặng mùa thương
Dãi nắng màu thơ sạm
Chờ xuân tóc ngậm sương

Chợt bóng rừng rung tối
Buồn vui bão cuốn bay
Nhẹ mình quăng thắc-mắc
Vững bước, mặc trời lay.

Đ. T.

http://tieulun.hopto.org

SINH - HOẠT

Cách nhau nửa thế kỷ

Gần đây khoa học tiến đột ngột, mau chóng lạ thường. Các phát-minh dồn-dập khiến mọi người không ngớt ngạc-nhiên, nhất là từ khi các nhà bác học biết cách sử-dụng cái năng lực ghê gớm trong hạt nguyên tử và từ khi họ tìm được cách phóng các vật-thể ra ngoài vòng hấp lực của địa cầu, con người có cảm tưởng mình bước sang một thời kỳ mới của văn minh. Những tiến bộ của khoa học, kỹ thuật thay đổi vùn vụt bộ mặt của cuộc sống, gây ra nhiều xáo trộn bối rối.

Nhưng điều đáng chú ý là không phải chỉ có biến đổi trong cách sống, mà chính con người trong vòng nửa thế kỷ này cũng khác đi nhanh chóng lạ lùng. Nhà ở mỗi năm mỗi khác, óc máy tính toán, lò máy nấu ăn mỗi năm mỗi tiện lợi hơn. phương tiện giao thông mỗi năm mỗi nhanh, phi đạn và hỏa tiễn mỗi năm mỗi mạnh hơn . . . , chỉ chừng ấy cũng đủ khiến cho chúng ta luống cuống, không kịp xoay trở, không kịp thích ứng. Đã thế mà tính tình, tâm hồn con người còn như muốn a-dua với sự vật mà biến đổi theo một nhịp điệu mỗi lúc một gấp rút.

Thật vậy, gần đây hầu như khắp các nước từ Âu sang Á, ở đâu người ta cũng nói về lớp thanh niên mới như một hiện tượng khó hiểu, cơ hồ quái dị. Người ta mở những cuộc điều tra, phỏng-vấn rộng rãi, theo dõi nghiên cứu các trào lưu nghệ thuật của thanh niên, thăm dò các thắc mắc của họ, khát vọng của họ, quan niệm của họ về cuộc sống v.v.., rồi lắc đầu kêu trời. Lớp già không hiểu nổi lớp trai gái đôi mươi đã đành, mà đến hạng trung niên cũng không hiểu kịp hạng thanh niên nữa. Françoise Giroud, tác giả quyển *Đợt sóng mới* (*La nouvelle vague*) được một thanh niên gửi thư đến nói rằng : « Ngày nay cứ mỗi mười năm là hết một thế kỷ ». Câu nói táo bạo ấy được nhiều tác giả khác, chuyên về vấn đề thanh niên ở Pháp, tán .thưởng. Người ta đồng ý rằng không có bao giờ như ở thời đại này tâm hồn con người biến đổi nhanh chóng tới bậc ấy. Tiểu-thuyết-gia Michel de Saint-Pierre cũng là một người rất lưu-tâm đến vấn đề thanh niên mà ông đề-cập tới trong truyện *Những kẻ quý-phái mới* (*Les nouveaux aristocrates*), chính ông đã tiếp xúc

http://tieulun.hopto.org

thảo luận với rất nhiều nam nữ sinh viên, đã đăng báo phỏng vấn và trực tiếp gặp nhiều thanh niên khác để tìm hiểu họ. Kết quả cuộc điều tra ấy vừa xuất bản dưới nhan đề *Thế hệ mới (La nouvelle race)* có vẻ lạc quan ; tác giả cho rằng lớp thanh niên ngày nay không có gì đáng ngại như người ta vẫn lầm, họ có những cái dở nhưng cũng có khá nhiều cái hay. Nhưng điều không thể chối cãi là họ hoàn toàn khác các bậc huynh trưởng.

Mới rồi tạp chí *Paris-Match* đem vấn đề thanh niên ra hỏi nhà văn lão thành ở Pháp là François Mauriac, xin ông so sánh thế hệ thanh niên ngày nay với thế - hệ thanh-niên trước kia, hồi ông còn trai trẻ. Về tuổi tác, François Mauriac đại khái có thể xưng : « Ngũ thập niên tiền nhị thập niên », tức ông là một chàng trai cách đây nửa thế-kỷ. Bởi vậy giải đáp của ông giống như là một cách đối-diện hai trang thanh niên Pháp cách nhau năm mươi năm.

Trước hết ông lưu-ý rằng có nhiều hạng thanh niên, mà cái thanh niên người ta hay nói đến nhiều bây giờ là thứ thanh niên trí-thức. Chàng trai lao động thợ thuyền trở thành một kẻ trung niên rất nhanh, trái lại một sinh viên thì trước khi lập gia đình và tham gia vào sinh hoạt xã hội còn có khoảng thời gian rộng rãi hàng mười năm trước mặt để trau dồi trí thức. Người con trai đến tuổi thành-niên rồi mà còn nán đợi mãi đến 15.20 năm sau mới cưới vợ, đó là sản - phẩm đặc biệt của xã hội văn minh ngày nay. Chính hạng trí thức đó mới có cái tuổi thanh niên kéo dài và mới đặt ra nhiều vấn đề rắc rối.

F. Mauriac cho rằng sở dĩ người thanh niên bây giờ khác với người thanh niên hồi ông còn trai trẻ ấy là bởi vì hoàn cảnh lịch sử mỗi bên mỗi khác nhau. Trước kia hạng thanh niên trạc tuổi ông có cảm tưởng là mình đang sống trong một thế giới ổn-định mỗi ngày mỗi tiến tới. Dĩ nhiên cảm tưởng ấy không đúng hẳn, vì tình hình năm 1910 cách chiến tranh cũng không xa gì, tuy vậy lúc đó không ai cảm thấy sự đổ vỡ sẽ xảy đến. Một nhà văn có uy tín bấy giờ đã gọi thế hệ này là thế hệ hy vọng ; phần đông đều tin tưởng ở tương lai. Vả lại họ có những bậc đàn anh vững chãi để nương tựa : Claudel, Maurras, Barrès, Péguy, Jaurès... Trái lại, ngày nay thanh niên cảm thấy sống giữa sự sụp đổ hỗn độn. Những bậc huynh trưởng của họ như Sartre hay Camus không đem đến niềm tin tưởng, mà chỉ có giải thích phơi bày nỗi hoang mang tuyệt vọng của họ mà thôi.

Trong thời kỳ trai trẻ của F. Mauriac sự vật như được an-bài đâu đó nhất định, cho đến nỗi tưởng chừng nước lớn sẽ mãi mãi đóng vai tuồng cai trị của nước lớn, nước nhỏ ngoan ngoãn đóng vai tuồng bị trị của nước nhỏ. Ngày nay tình hình đảo ngược, mọi giá trị đảo lộn, đòi được duyệt xét lại hết. Một người thanh niên Pháp ngày nay được lệnh đi chiến đấu ở Algérie thật là khó xử.

Mặt khác, nhịp sống mỗi ngày mỗi gấp rút, người thanh niên ngày nay có ít thì giờ hơn trước kia để săn sóc đến đời sống tâm hồn, để quan tâm đến những ưu tư. bất-vụ-lợi. Họ phải gấp gấp học một môn kỹ thuật, gấp gấp chiếm lấy một địa vị, mà sự cạnh tranh bây giờ khó khăn gấp đôi

http://tieulun.hopto.org

trước kia là vì con gái ngày nay cũng nhảy xổ ra ngoài xã hội tranh giành với con trai làm cho con số những kẻ « tham chiến » đông thêm gấp bội.

Nói đến phụ nữ ngày nay, ông thú nhận là phải lấy làm kinh hãi trước lề lối sinh hoạt tự do của họ, tưởng như trước kia có một loại sinh vật gọi là con gái mà loại đó bây giờ không còn thấy nữa. Bây giờ họ bình đẳng, sống y như là con trai, và văn hào F. Mauriac xem sự bình đẳng ấy giống như kiểu bình đẳng giữa chó với hươu vậy. Sự nguy hiểm ra sao tưởng chẳng cần phải nói nữa.

Nhiều lần trong cuộc phỏng vấn nhà văn lão thành chịu rằng mình xưa quá rồi, rằng giữa lớp trẻ bây giờ với lớp trẻ ngày xưa của ông có một hố xa cách thăm thẳm. Tuy nhiên, ông không thất vọng, không cho rằng thanh niên ngày nay là hư hỏng, là thế hệ này đi xuống. Ông chỉ xác nhận sự khác biệt tít mù giữa hai thế hệ, còn ưu khuyết điểm của đôi bên thì khó mà so sánh.

Thời đại này tự hỏi rồi đây những biến đổi nhanh chóng của cả thế giới bên ngoài lẫn tâm hồn con người rốt cuộc sẽ đưa chúng ta đến đâu ?

THU-THỦY

★

BUỔI NÓI CHUYỆN VỀ

nhân - danh địa - danh

Trong vòng tháng 8 vừa rồi, các nhà làm báo, viết văn, dạy học, biên khảo có nhận được một bức thơ ngỏ và một xấp tài liệu của *nhóm Nghiên cứu Sử Địa*.

Bức thơ nêu lên những khó khăn trong việc viết và đọc nhân danh, địa danh ngoại quốc, và việc nhóm này mở một cuộc trưng cầu ý kiến để định những nguyên tắc căn bản cho việc viết và đọc các nhân danh địa danh ngoại quốc. Nhóm mời các nhà nói trên góp ý kiến để việc công ích này sớm hoàn thành và một buổi hội thảo tổng kết giai đoạn thứ nhất đã được tổ chức vào ngày 22 tháng 9 tại Câu lạc bộ Văn-Hóa.

Mở đầu, ông Nguyễn-Khắc-Ngữ, nghiên ủy Giao tế dủa nhóm, trình bày sự thành lập và chương trình hoạt động của « nhóm Nghiên cứu Sử-Địa » :

— nhóm chính thức ra đời : tháng 9-1960,

— bản điều lệ được duyệt y : 4-10-1960

— số hội viên : 14 người trong số 15 người tốt nghiệp ban Sử-Địa ở viện Đại học Sài-Gòn.

Nguyên nhân thúc đẩy sự thành lập nhóm :

● Hiện tình, về mặt nguyên cứu : tuy người Việt ưa Sử - Địa, nhưng tỉ lệ viết

http://tieulun.hopto.org

hai môn này thì cao, mà trình độ viết thì không cao mấy : số bài Sử - Địa chiếm 22,3% ở các tạp chí, từ 5 đến 32% ở các « báo bình dân » và từ 3 đến 5% ở các « báo trí thức » :

— tư nhân hội nghiên cứu có để ý về Sử-Địa, nhưng mới chỉ trong vòng dịch thuật,

— chưa có một tác phẩm nghiên cứu về Sử-Địa xứng đáng bằng Việt ngữ.

● Về ngành giáo dục : có thể nói phần đông giáo sư Sử - Địa là những giáo sư bất đắc dĩ,

— sách giáo khoa về Sử-Địa : lượng thì nhiều, mà phẩm thì ít, vì viết không có phương pháp, không có nguyên tắc.

Rồi ông nói về chương trình hoạt động của nhóm, vốn gồm ba giai đoạn :

Giai đoạn 1 (mở đường) :

— dịch các danh từ chuyên môn về Sử-Địa mà từ xưa tới nay chưa dịch,

— dịch nguyên tắc viết và đọc nhân danh địa danh nước ngoài,

— tìm quan niệm cho môn Sử được hợp lý và tìm phương pháp viết Sử cho hữu hiệu.

Đã định :

a) quan niệm : tổng hợp,

b) phương pháp : tinh hóa (chỉ thu thập các tinh hoa của thế giới, Cổ kim Đông Tây).

Giai đoạn 2 :

— giải quyết vấn đề đại cương về Sử-Địa.

— chuyên môn hóa nhân viên (tỉ như người chuyên về địa thế, người chuyên về khí hậu, về Địa ; còn về Sử, thì người chuyên về Sử đại cương, người chuyên về từng thời kỳ, người chuyên về lịch sử tôn giáo, người chuyên về lịch sử mĩ thuật...)

Giai đoạn 3 : (địa phương).

— nghiên cứu sâu rộng từng địa phương dành cho nước Việt và vùng Đông-Nam-Á,

— cung cấp tài liệu thật mới và cũ cho giáo sư Sử-Địa để giảng dạy,

— xuất bản sách Sử-Địa phổ thông.

Trong tương lai, nhóm mong sẽ lập được những nhóm nhỏ địa phương để làm địa-chí, sử-chí từng vùng ở nước Việt. Nhóm cũng mong lập một nhóm nhỏ ở Paris

Hiện nay, có thể nói là giai đoạn mở đường gần như đã bước qua.

Ông Phạm - Cao - Dương nối lời ông Nguyễn-Khắc-Ngữ cho thính giả biết kết quả cuộc trưng cầu ý kiến của nhóm.

Nguyên tắc thứ nhất : *viết theo tiếng địa phương La - Tinh - hóa được* 11% tổng số ý kiến.

Lý do : nếu phiên âm ra tiếng mình, người ngoại quốc không hiểu mình ; làm giàu tiếng Việt ; theo trào lưu tiến bộ (nếu có thể, phiên âm cạnh danh từ gốc La-Tinh).

Lý do : nếu phiên âm người ngoại quốc không hiểu mình ; làm giàu tiếng Việt ; theo trào lưu tiến bộ.

Theo ý kiến văn thuyết viên thì mục đích các sách viết bằng tiếng Việt là để cho người

http://tieulun.hopto.org

Việt đọc nên nếu người ngoại quốc không đọc được cũng bất thành vấn đề. Còn bảo rằng làm giàu tiếng Việt và theo trào lưu tiến bộ, thì chưa chắc đã đúng lắm.

Nguyên tắc thứ hai: *viết bằng tiếng nước mình, phiên âm theo đúng thổ âm* được 70% tổng số ý kiến:

Lý do: nếu để nguyên theo chữ La-Tinh thì khó đọc quá; để khỏi lai căng; để giản dị học tiếng Việt.

Và 9% phủ nhận có hai nguyên tắc.

Lý do: không có quyền thay đổi tên người, tên đất.

— *Có nên đặt một vài trường hợp loại trừ bổ xung và chuyển tiếp chăng?* 95% cho là nên, với điều kiện nên có một thời kỳ chuyển tiếp.

— *Có nên giữ các tiếp đã quá quen thuộc với người Việt chúng ta? (như Amérrica, France ta đã quen gọi là Mỹ, Pháp)* 100% đồng ý nên giữ.

— *Có nên thêm vào tiếng Việt một số âm mà ta không có như pl, kl, st v.v... để đọc đúng hơn?*

42%: nên 19% không nên, 36% không trả lời,

— *Có nên dịch nghĩa các danh từ có tánh cách lịch sử hay địa lý?* (chứ không phiên âm).

Ti dụ: New-Delhi, ta có thể dịch chữ New (Tân) và chỉ phiên âm chữ Delhi mà thôi; mũi Good Hope (Pháp dịch Cap de Bonne Espérance), ta có thể để là mũi Hảo-Vọng như cũ.

25%: nên; 10%: không nên; 65% không trả lời.

Còn về cách viết tên người:

100% đồng ý viết là người *An-giê-rI* chớ không viết là người An-giê-riêng.

NGUYỄN-NGỌC-THANH

ĐÍNH - CHÁNH

Mục Phỏng vấn: B.K. số 116 trang 103 cột 1, dòng 12: « tà đề thỏa», xin đọc: « *là* đề thỏa » — dòng cuối: « hơm » xin đọc: « *thơm* »: — cột hai, dòng 2: bạn hiểu đọc » xin sửa: « bạn *hữu* đọc ».

Mục sinh hoạt: bài « Từ truyện thần tiên đến truyện khoa học tưởng tượng »: trang 112, cột 1, dòng 6, 7: « không có là gì bí ẩn », xin đọc: « *không có gì là bí ẩn* », dòng 29: « ông chồng » xin thêm: « *hoặc chồng tức tối ước thấy nó dính lỗ mũi bà vợ* », — trang 113, cột 1, dòng 20: « nhữ con ngưa », xin đọc « *những* con ngựa »; cột 2 dòng 19: « cái chết « âm », xin đọc: « cái chất « âm », — trang 114, cột 1, dòng 5: « khi cầu, thế kỉ này. Herbert George Wells » xin sửa « khí cầu. Thế kỉ này, Herbert George wells ». cột 2, dòng 25, 26: « một nhạc sĩ về Ngữ-Pháp », xin đọc: « một *thạc sĩ* về Ngữ-Pháp ».

http://tieulun.hopto.org

CÁC NHÀ VĂN VIỆT-NAM TỐ-CÁO ÂM-MƯU CỦA CỘNG-SẢN TẠI HỘI-NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á-PHI

Hưởng ứng đề-nghị của các nhà Văn Ấn-Độ và hầu hết các nhà Văn Á-Phi chống lại mọi quyết-nghị có tính cách chính - trị tuyên - truyền cho Cộng-sản tại Hội-nghị các nhà Văn Á-Phi các nhà Văn Việt - Nam vừa lên tiếng tố-cáo Cộng-sản quốc-tế lợi-dụng các tổ-chức văn-hóa quốc-tế để tuyên-truyền cho chủ-nghĩa Cộng-sản, xuyên tạc công-cuộc tranh-đấu thâu-hồi chủ-quyền quốc-gia và thống-nhất xứ sở của nhiều quốc-gia Á-Phi.

Sau đây là bản quyết-nghị của các nhà văn Việt-Nam gửi Hội-nghị các nhà văn Á-Phi họp tại LE CAIRE.

— Chúng tôi những nhà văn Việt-Nam ký tên dưới đây vô cùng công-phẫn trước bản thông-cáo của Văn-phòng Thường - trực các nhà Văn Á-Phi họp tại Đông-Kinh ngày 27 và 28 tháng 3 năm 1961. Bản thông-cáo này chứng tỏ trong phiên nhóm tại Đông-Kinh người ta đã cố ý không đề-cập đến các vấn-đề có liên - hệ đến nghề-nghiệp và quyền lợi của các nhà Văn cũng như vấn đề phục-hưng văn-hóa dân-tộc, vấn-đề trao đổi văn-hóa giữa các quốc-gia Á-Phi. Bản thông-cáo trên hoàn-toàn có tính cách chính-trị tuyên-truyền cho Cộng sản, vu-khống và xuyên-tạc công cuộc tranh-đấu thâu - hồi chủ-quyền quốc-gia và thống-nhất xứ sở của nhiều quốc-gia Á-Phi.

— Chúng tôi nhiệt-liệt hưởng-ứng đề-nghị của các nhà Văn Ấn-Độ chống lại mọi nghị-quyết có tính cách chính-trị tuyên-truyền cho Cộng-sản trong các phiên họp sắp tới của Hội - nghi các nhà Văn Á-Phi.

— Chúng tôi tố-cáo cùng các văn-sĩ Á-Phi âm-mưu của Cộng-sản định lợi-dụng diễn-đàn của Hội-nghị các nhà Văn Á-Phi trong phiên họp tháng 11 sắp tới tại LE CAIRE để tuyên - truyền cho chủ-nghĩa Cộng-sản, một chủ-nghĩa chủ-trương nô-dịch văn-hóa, giới-hạn quyền tự-do của văn-nghệ-sĩ.

Làm tại Sàigòn, ngày 2 tháng 11 năm 1961

1) Bình-nguyên-Lộc. 2) Cung - trầm - Tưởng. 3) Doãn-quốc-Sỹ. 4) Đinh-Hùng. 5) Đỗ-bá-Thế. 6) Hoàng-trọng-Miên 7) Hoàng-hải Thủy 8) Hoàng-Anh-Tuấn 9) Lý-Hoàng-Phong 10) Lê-Thương 11) Mặc Đỗ 12) Mai-Nguyệt 13) Mặc-Thu 14) Mai-Thảo 15) Nguyên-Sa 16. Nguyễn-Thị-Vinh 17) Phạm-Việt-Tuyền 18) Phú-Đức 19) Thanh-Nam 20) Thanh-Tâm-Tuyền 21) Toàn-Phong 22) Tam-Ích 23) Thái-Thủy 24) Trọng-Nguyên 25) Tô-Kiều-Ngân 26) Vũ-Khắc-Khoan 27) Võ-Phiến 28) Vũ-Hoàng-Chương 29) Văn-Quang./-30) Hoàng-thái-Linh

http://tieulun.hopto.org

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

— Trăng mộng ; Hối hận... (Lê-Hoài-Nhân) — Vùi chôn ; Nắng ; Quê tôi (Thanh Phương-Thảo) — Hòa Thuận ; Vì yêu thương (Phú Long) — Hoang mang (Tinh-Quang) — Thu ; Thư si (Vũ-Trung Túy-Lung) — Bất khuất (Việt-Chương) — Phá ngu ; Thắc mắc ; Lòng người ; Tình mẹ (Huỳnh-văn-Thôn) — Tình chị ; Nhà xưa ; Thu (Hoàng-Sơn) — Hải đăng ; Mũi dinh (Bá-Trát) — Băn khoăn (Hà) — Xuân ý ; Xuân thán v.v... (Minh - Đạo) — Buồn chợt thức ; Làm người khách cuối (Vũ-Kiệm) — Người hóa cọp (Huy-nghĩa) — Hoang vu ; (Mây đại dương) ; Hoang dại (Nguyễn - Hữu-Giác) — Mông giao thừa ; Chiều xuân tu viện (Phạm-Diễm-Diễm) — Mẫu thuốc lá ; Trăng sầu... (Vũ-Phương-Ly) — Độc thoại ; Gọi nhau ; Phai mờ (Hoài-Huyền-Xuân) — Bài ca gió biếc ; Nhổ neo (Hoài-Dũng) — Ngọc Hân Công Chúa qua ca dao (Trần-Nhâm-Thân) — Quê tôi (Thi Mẫn) — Bài ru (Mạc - Tuấn-Khanh) — Tủi gót ; Thơ thẻ (Thường-Lang) — Nẻo đường quê hương (Nguyễn-Lê) — Buổi chiều (Thái - Dương) — Lụt (Đông-Xuyên) — Soi gương (Trường-Linh) — Ánh sáng thứ hai ; Lục Mỹ (Quốc-Đằng) — Lạnh buồn nhân thế ; (Thường-Lang) — Đợi nhau ; Tiếng khóc trong đêm ; Sau cơn mưa ; Hủy-Diệt (Diệu-Linh) — Tìm lẽ sống (Thảo - Fantal) — Vũ trang thay tài binh... (N.Q. Mẫn dịch) — Âm thầm ; Đau thương (Hồ-Thu) — Cô giáo trường làng nay đã đi (Huỳnh - Thanh - Tòng) — Sao lại không (Lệ-Hoài-Nhân) — Men thu Hoài thu (V.H.M.)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ô. Nguyễn - Lý - Tưởng (Huế).** Chúng tôi đã gửi ông thư riêng ngày 7-10 về 26 Quỳnh-Lưu Huế, nhưng thư bị trả lại nói là ông không ở địa chỉ ấy. Vậy xin ông cho biết tên thư cùng địa chỉ hiện tại của ông để chúng tôi tiện hội ý.

— **Ô. Đỗ-Hồng-Vũ.** (Saigon) Tòa soạn sẽ có thư riêng hội ý cùng ông.

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tương lai của học sinh** của Nguyễn - Trung - Tương giúp các bạn học sinh tài liệu về 40 trường học, thuộc mọi ngành, mọi cấp tại Việt-Nam Cộng-Hòa để dễ bề chọn lựa đường học vấn phải theo—Sách dày 200 trang, giá, 50đ.

— **Trước giờ bị bắn** của Ba-Ích do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 84 trang giá 25đ.

— Recherches sur les générateurs de très haute tension à courant de particules électrisées sous pression interne. Réalisation d'un prototype sous 10 kgs/cm²

— **Luận án tiến sĩ khoa-học vật-lý** của Ô. Nguyễn-Trinh Dzoanh, một cộng tác viên của tạp chí Bách-Khoa.

— **Tuần báo Kỷ nguyên mới** (số 1 và số 2) ra ngày thứ tư, diễn-đàn Văn-nghệ, thanh-niên V. N., do b.s. Nguyễn-Văn-Phiệt làm chủ nhiệm, Ô. Nguyễn-Đạm liên lạc và giao dịch. Tòa soạn trị sự đặt tại 275i, Phạm-ngũ-Lão Saigon — Mỗi số 32 trang giá 5đ.

Xin cảm ơn các tác giả, Tòa soạn Kỷ nguyên mới, và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

http://tieulun.hopto.org

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Các anh: **Huyền-Viêm Hà-Ánh-Sơn P.N. Thảo**: Đã gửi tài liệu về thi ca tiêu biểu thời tiền chiến ; có được xin cho biết.

— **Anh Mai-Thảo** : Đến trường T. L. mà không gặp anh nên gởi báo và thư phỏng vấn anh ở đấy. Mong được tin anh.

Các Anh : *Thanh-Tâm-Tuyền, Đinh-Hùng, Tchya, Hồ-Đình-Phương, Trần-Lê-Nguyễn, Nguyễn-Mạnh-Côn, Vũ-Khắc-Khoan, Trọng-Lang, Phạm Văn-Hạnh, Vũ-Bằng Đỗ-Đức-Thu, Trọng-Miên, Như-Phong, Nguyễn-Hoạt, Kiên-Giang, Bùi-Khánh-Đản, Phạm-Cao-Củng, Tô-Kiều-Ngân, Thanh-Nam, Toàn-Phong, Dương-Hà, Trọng-Nguyên, Phi-Long* :

Rất mong các anh góp ý kiến về quan niệm và kinh nghiệm sáng tác.

N. N. I

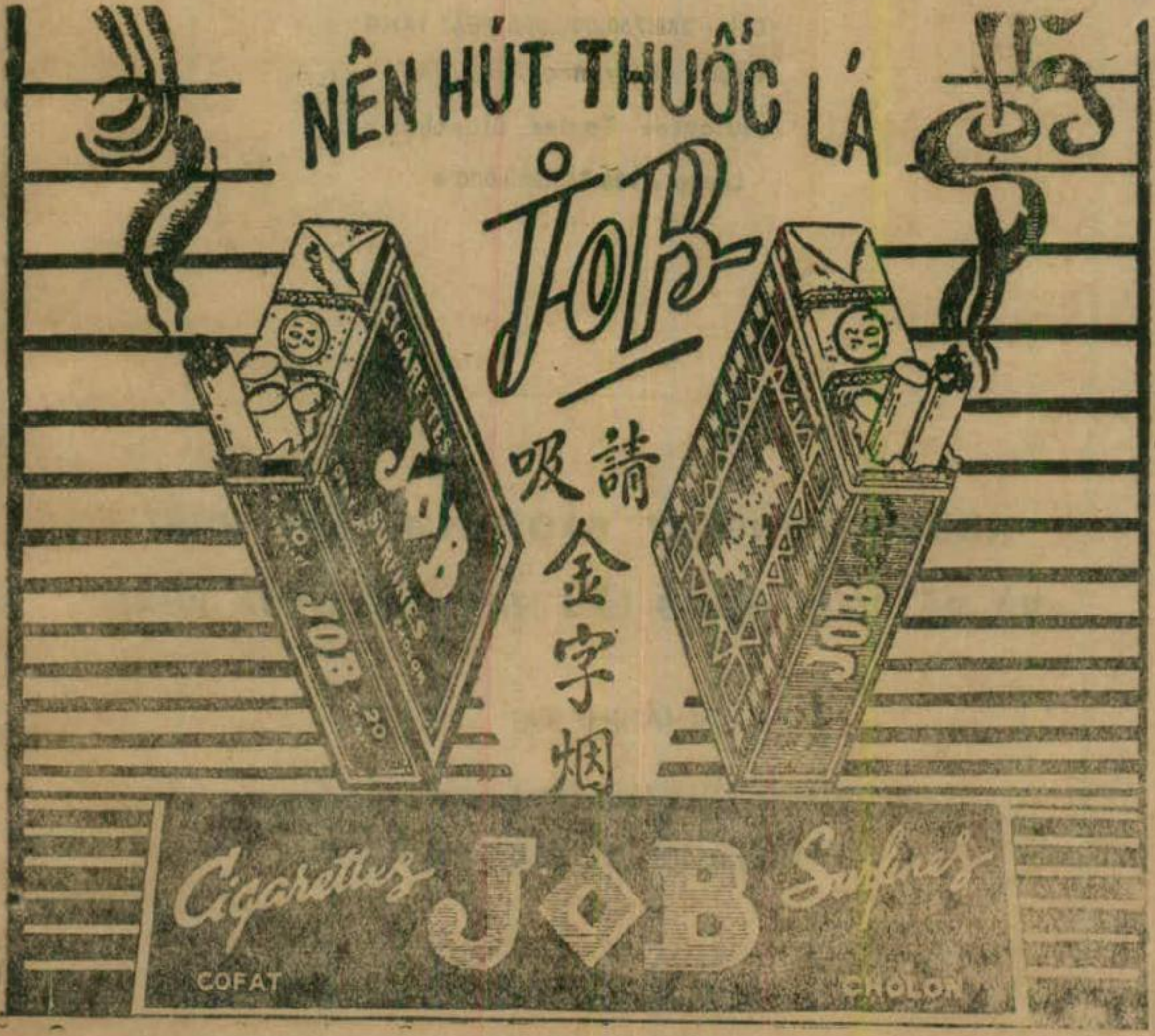
ĐÍNH-CHÍNH

Trong B.K. số 116, bài *Điểm sách* « Cái bong bóng lợn » chúng tôi có để các lỗi sau đây :

— Trang 98 cột 1 dòng 33... *là thứ tự. Truyện* xin đọc : *thứ tự truyện.*

— Cùng trang cột 2 dòng 29 : lấy óc chiếm nhiệm *kinh tế* xin đọc : *tinh tế*.

Mong các bạn sửa dùm, và xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.



http://tieulun.hopto.org

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đam (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

http://tieulun.hopto.org

PASTILLES: { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'O'NG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập thứ IX (97 — 102) và thứ X (103 — 108) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập (đóng 6 số) 65 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã.

http://tieulun.hopto.org

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

http://tieulun.hopto.org

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

http://tieulun.hopto.org







LA-VE
"33"
HẢO HẠNG

http://tieulun.hopto.org

GOLF

Cigarette

VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Saigon
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần Hưng Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$

http://tieulun.hopto.org